
Báo cáo phân tích vĩ mô Q1/2023

Tháng 4/2023

Nhóm Nghiên Cứu Vietcombank



Kinh tế Thế giới



Kinh tế Việt Nam



Triển vọng, Cơ hội và Thách thức

TÓM TẮT (1)

1. Kinh tế thế giới: *Phục hồi tích cực trong các tháng đầu năm nhờ Trung Quốc mở cửa trở lại, các điều kiện nguồn cung được cải thiện*

- ✓ **Mỹ:** Số lượng việc làm tăng mạnh trong Q1 tuy nhiên lạm phát lõi 5% trong tháng 3 vẫn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của FED, thị trường tài chính căng thẳng với sự đổ vỡ của 2 ngân hàng lớn SVB và Signature Bank (xem chi tiết phản ứng của NHTW, tác động tại Phụ lục 1).
 - ✓ **Châu Âu:** Hoạt động kinh doanh mở rộng trở lại chủ yếu nhờ dịch vụ, sản xuất ổn định, lạm phát vẫn ở mức cao.
 - ✓ **Trung Quốc:** Sản xuất và dịch vụ chấm dứt chuỗi giảm nhiều tháng liên tiếp, việc làm phục hồi lần thứ 2 sau hơn 1,5 năm, doanh số bán nhà tăng 2 tháng liên tiếp từ T2 sau 1 năm suy giảm, PBOC duy trì chính sách nới lỏng kích thích kinh tế.
 - ✓ **Châu Á – TBD:** Sản xuất tăng trưởng khá tại hầu hết các quốc gia, triển vọng tích cực nhất trong tất cả các khu vực nhờ hưởng lợi từ việc Trung Quốc dỡ bỏ hạn chế Covid.
- ▼ **Một số rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023**
- Giá dầu có thể vẫn duy trì ở mức cao
 - NHTW các nước giữ CSTT thắt chặt lâu, rủi ro của hệ thống tài chính – ngân hàng gia tăng
 - Mâu thuẫn địa chính trị căng thẳng hơn

2. Kinh tế Việt Nam: *Đối mặt với nhiều thách thức: (1) nhu cầu bên ngoài suy yếu và (2) chi phí sản xuất kinh doanh tăng; (3) thị trường TPDN, BĐS, hệ thống tài chính ngân hàng trong nước gặp nhiều khó khăn*

- ❖ **Khu vực kinh tế thực (real economy):** ngoại trừ cầu nội địa phục hồi khá trong Q1, sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, thu hút vốn nước ngoài đều sụt giảm mạnh.
- ✓ Tổng mức bán lẻ HH&DV Q1.2023 tăng 13,9% (YoY) nhờ dịch vụ, du lịch và trên nền thấp của cùng kỳ 2022.
- ✓ GDP Q1 tăng 3,32%, thấp thứ hai kể từ năm 2010 (chỉ hơn Q1.2020); trong đó, tăng trưởng kinh tế ở các trung tâm công nghiệp và XK chính của các nước suy giảm mạnh (Bắc Ninh, Quảng Nam, TP.HCM, Bình Dương, ...).
- ✓ Chỉ số IIP Q1.2023 sụt giảm tới 2,2% (YoY); tổng số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể, chờ giải thể trong Q1.2023 lên tới hơn 60 nghìn DN, tăng 17,4% so với cùng kỳ, cao hơn số DN mới gia nhập thị trường (gần 57 nghìn DN)
- ✓ Kim ngạch XNK lũy kế Q1.2023 giảm 13,3% (YoY), cán cân thương mại Q1 thặng dư 4 tỷ USD nhưng do NK giảm mạnh hơn XK.
- ✓ CPI bình quân Q1 tăng 4,18% (YoY); lạm phát cơ bản tăng 5,01% (YoY), và đang có chiều hướng giảm dần.
- ✓ FDI đăng ký (mới và điều chỉnh) Q1.2023 giảm mạnh 41,8% (YoY), FDI giải ngân Q1 giảm 2,2% YoY.
- ✓ Chi đầu tư phát triển tăng về giá trị, nhưng tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 10,35% kế hoạch được Thủ tướng giao (9,69% kế hoạch 2023), thấp hơn mức 11,88% cùng kỳ 2022.

TÓM TẮT (2)

- ❖ **Hệ thống tài chính – ngân hàng và thị trường bất động sản:** có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn đứng trước nhiều khó khăn
 - ✓ Thị trường TPDN có dấu hiệu tích cực khi đã phát hành được 26,4 nghìn tỷ trong T3, tuy nhiên, áp lực đáo hạn trong những tháng tới là rất lớn.
 - ✓ Thị trường chứng khoán tăng nhẹ trong T3 nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và thiếu động lực khi thanh khoản giảm thấp.
 - ✓ Hệ thống ngân hàng tăng trưởng chậm trong Q1, tuy nhiên, huy động và tín dụng đang có xu hướng tăng dần (lần lượt đạt 0,77% và 2,06%, Ytd). Mặt bằng lãi suất đang điều chỉnh giảm sau khi NHNN hạ lãi suất điều hành, mua vào ngoại tệ (khoảng 4 tỷ đô la trong Q1) giúp tăng cung tiền, đồng thời củng cố dự trữ ngoại hối.
 - ✓ Tỷ giá tương đối ổn định khi các yếu tố gây áp lực đã suy giảm đáng kể.

- ❖ **Triển vọng kinh tế Việt Nam các tháng tới:**
 - ❖ **Khu vực kinh tế thực:** Kinh tế Việt Nam dự kiến tiếp tục đối diện nhiều thách thức, hoạt động các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, đơn hàng sụt giảm. Khó khăn trên thị trường BĐS và TPDN chưa thể giải quyết dứt điểm vì nhiều vướng mắc pháp lý chưa được tháo gỡ, niềm tin nhà đầu tư cần thời gian dài để phục hồi.
 - ❖ **Hệ thống tài chính - ngân hàng:** Tín dụng ngân hàng có thể được thúc đẩy hơn khi gói tín dụng 120.000 tỷ cho nhà ở xã hội được NHNN chính thức triển khai từ 1/4/2023. Tuy nhiên, rủi ro nợ xấu ngân hàng gia tăng và lợi nhuận có thể bị thu hẹp khi hoạt động SXKD gặp khó khăn, thị trường BĐS trì trệ ảnh hưởng lan truyền đến nhiều ngành, lĩnh vực khác. Dự báo tỷ giá USD/VND sẽ ổn định trong tầm kiểm soát, mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục giảm trong Q2.

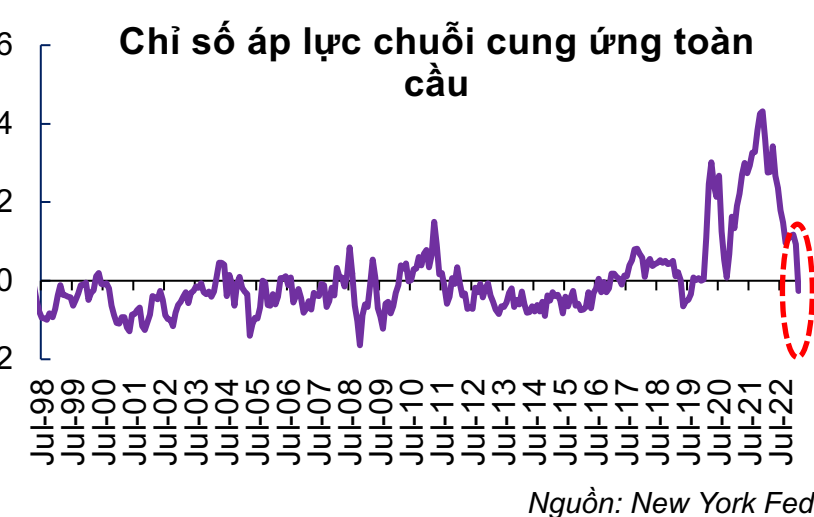
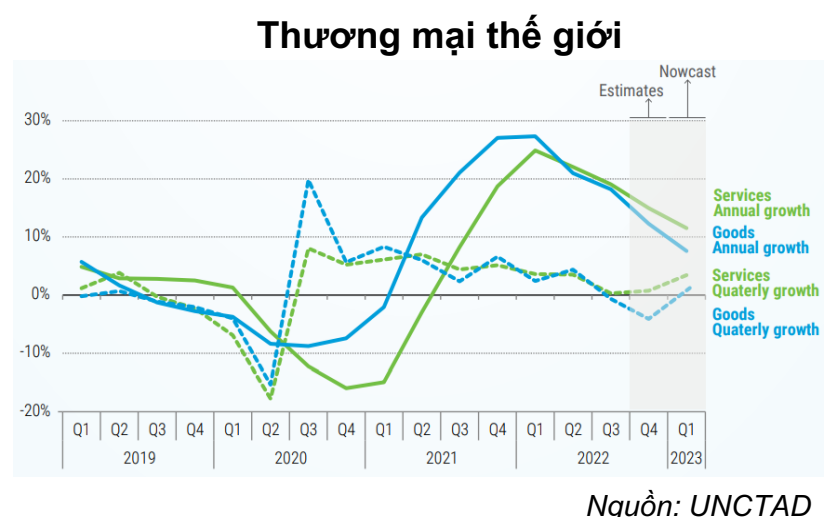
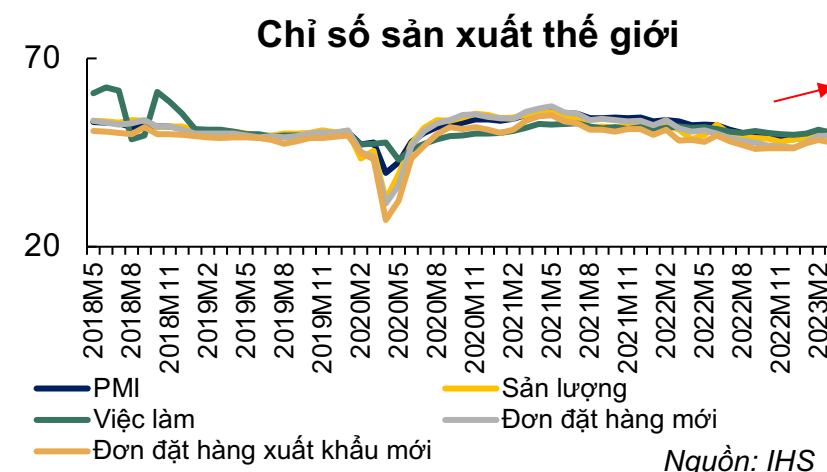
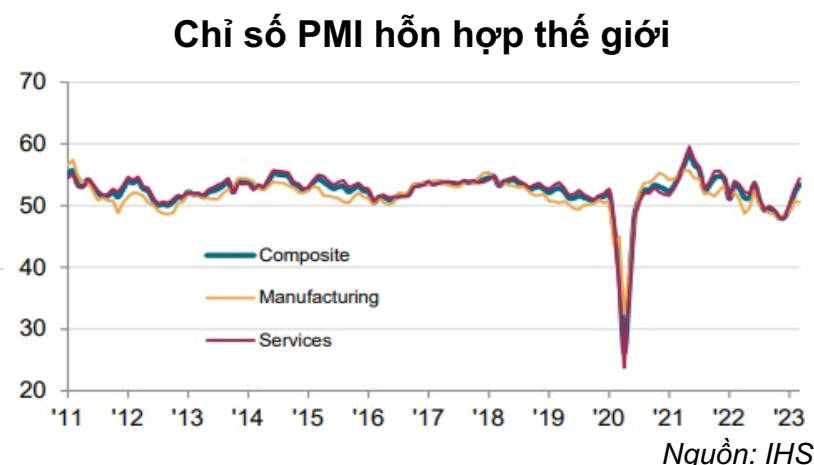
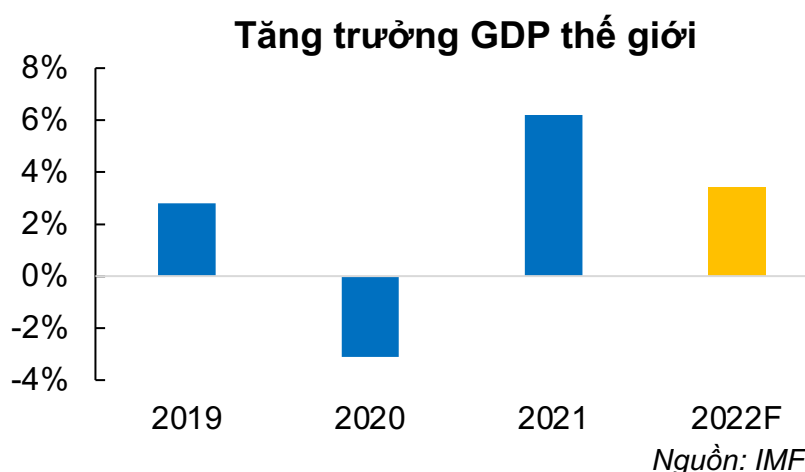
KINH TẾ THẾ GIỚI

▼ TỔNG QUAN

- **Kinh tế thế giới năm 2022** tăng trưởng tốt hơn dự kiến với ước tính khoảng 3,2%; khu vực Châu Á Thái Bình Dương duy trì đà tăng tốt cả năm, trong đó Ấn Độ ghi nhận mức tăng cao nhất nhóm các nền kinh tế lớn của thế giới.
- **Kinh tế thế giới đầu năm 2023** hồi phục tích cực nhờ Trung Quốc mở cửa trở lại, các điều kiện nguồn cung được cải thiện. Lạm phát tiếp tục giảm tuy nhiên vẫn cao hơn mục tiêu của các NHTW, chu kỳ thắt chặt CSTT vẫn chưa kết thúc. Triển vọng các nền kinh tế lớn khả quan hơn so với các dự báo trước đây: Mỹ và Châu Âu có thể tránh được rủi ro suy thoái dù vẫn đối mặt với nhiều thách thức; Trung Quốc hưởng lợi nhiều từ việc nới lỏng hạn chế Covid. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tiếp tục là điểm sáng của kinh tế thế giới năm 2023.
- **Một số diễn biến có thể làm cho tăng trưởng kinh tế tiếp tục sụt giảm trong năm:** (1) giá dầu có thể vẫn duy trì ở mức cao; (2) NHTW các nước giữ CSTT thắt chặt lâu; rủi ro hệ thống tài chính – ngân hàng gia tăng; (3) mâu thuẫn địa chính trị căng thẳng hơn.

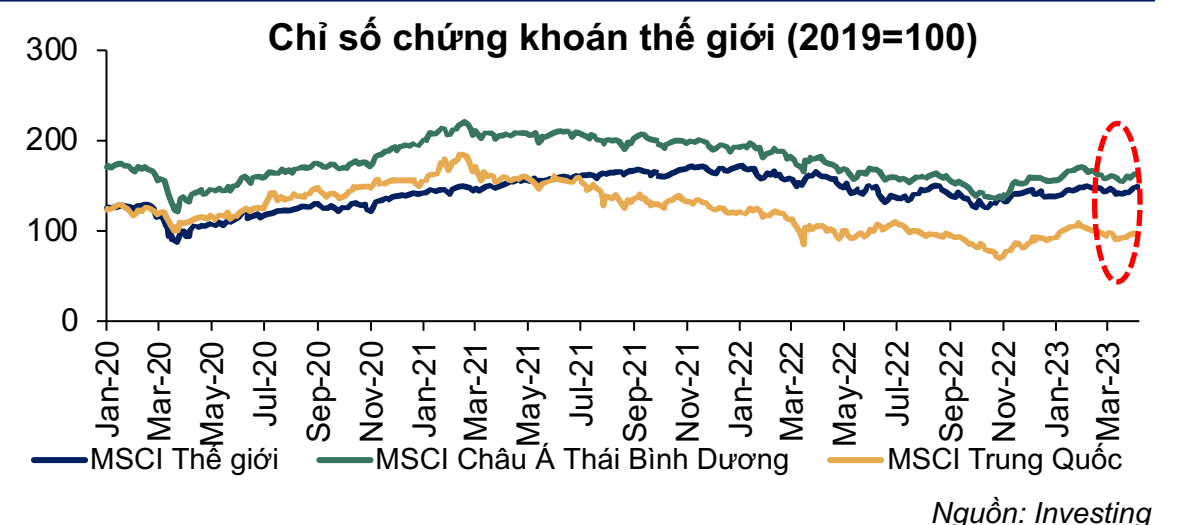
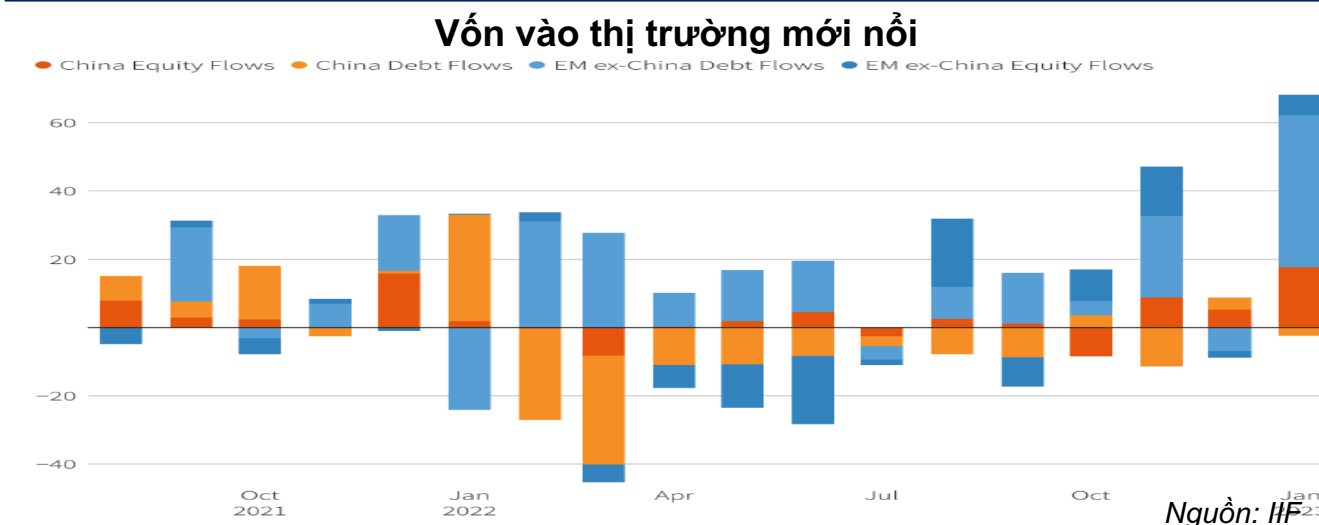
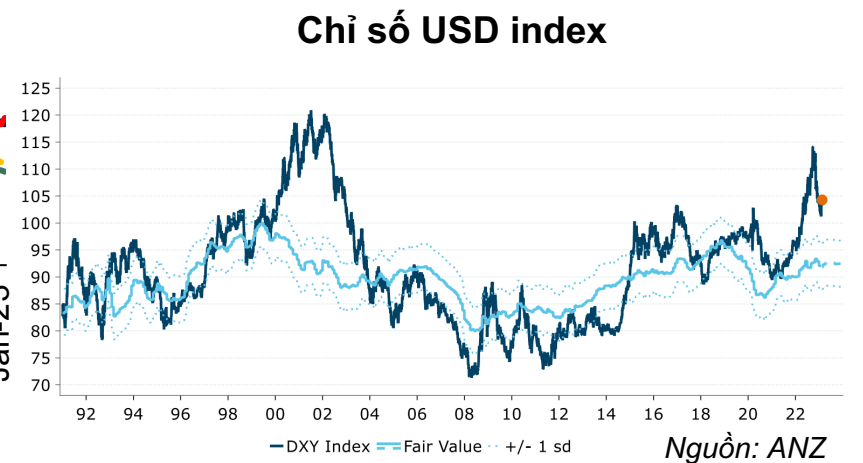
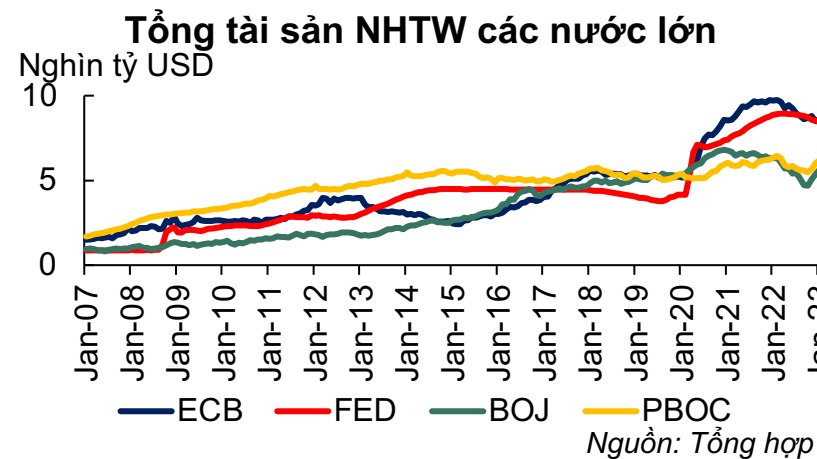
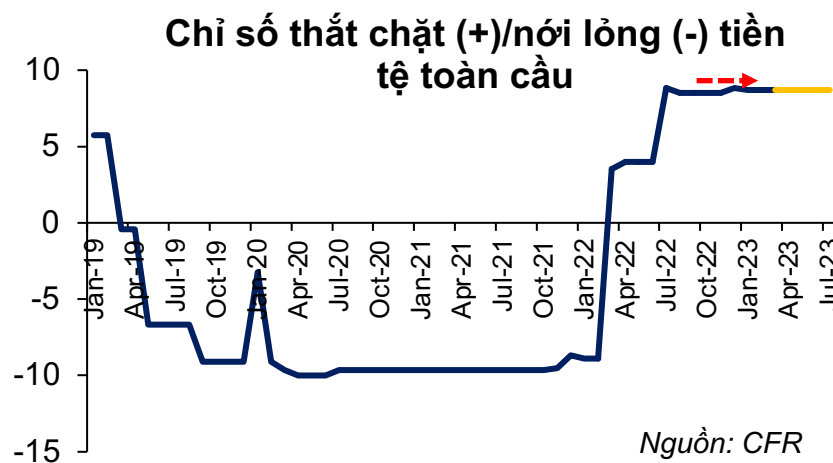
Kinh tế thế giới đầu năm 2023 phục hồi nhờ Trung Quốc mở cửa trở lại

- ❖ Mặc dù lạm phát cao và bất ổn về năng lượng, kinh tế thế giới 2022 tích cực hơn dự đoán với ước tính tăng trưởng 3,2% theo IMF và Conference Board.
- ❖ Kinh tế thế giới đầu năm 2023 đang dần cải thiện tích cực hơn nhờ sự mở cửa trở lại của Trung Quốc. Theo thống kê của IHS kinh tế tại Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản và Anh tăng trưởng trong tháng 3 cho thấy khả năng phục hồi trong bối cảnh không thuận lợi.
 - Các điều kiện về nguồn cung đang dần được cải thiện, **chỉ số áp lực chuỗi cung ứng toàn cầu giảm mạnh xuống dưới mức trung bình từ tháng 2/2023**. Sản lượng T3 tăng cao nhất trong vòng 9 tháng chủ yếu nhờ lĩnh vực dịch vụ, sản xuất cũng tăng trưởng trở lại mặc dù vẫn còn ở mức khiêm tốn, UNCTAD ước tính thương mại hàng hóa tăng 1% trong khi dịch vụ tăng 3% trong Q1/2023.
 - Niềm tin người tiêu dùng được cải thiện không đáng kể, chỉ số niềm tin IPSOS tháng 3/2023 tăng nhẹ so với cuối năm 2022, kỳ vọng về kinh tế tương lai tăng tích cực nhất tại Trung Quốc.
 - **Lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm trong tháng 3** và dự báo còn 4% vào tháng 12/2023 (mức đỉnh 2022 là 8,3%), chi phí đầu vào sản xuất toàn cầu T3 tăng với tốc độ chậm nhất kể từ 7/2020 do giá hàng hóa và giá năng lượng ở hạ nguồn giảm. Mặc dù vậy lạm phát giá dịch vụ dai dẳng hơn do tình trạng thiếu hụt lao động và tiền lương đang tăng nhanh; tăng trưởng việc làm tại các nhà máy trên toàn cầu gần như chững lại trong T3, giá dầu tăng mạnh từ cuối tháng 3 do OPEC+ và Nga cắt giảm sản lượng.
- ❖ Dự báo tăng trưởng năm 2023 chỉ đạt 2-2,3%, **lạm phát dai dẳng dẫn đến thắt chặt tiền tệ hơn nữa đang bộc lộ những bất ổn trên thị trường tài chính và kìm hãm tăng trưởng**, rủi ro suy thoái kinh tế vẫn còn hiện hữu.



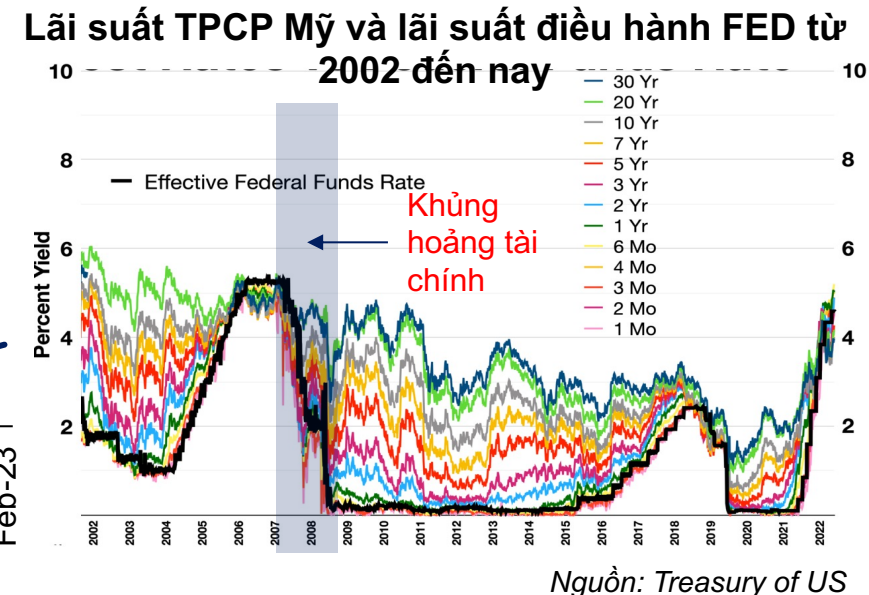
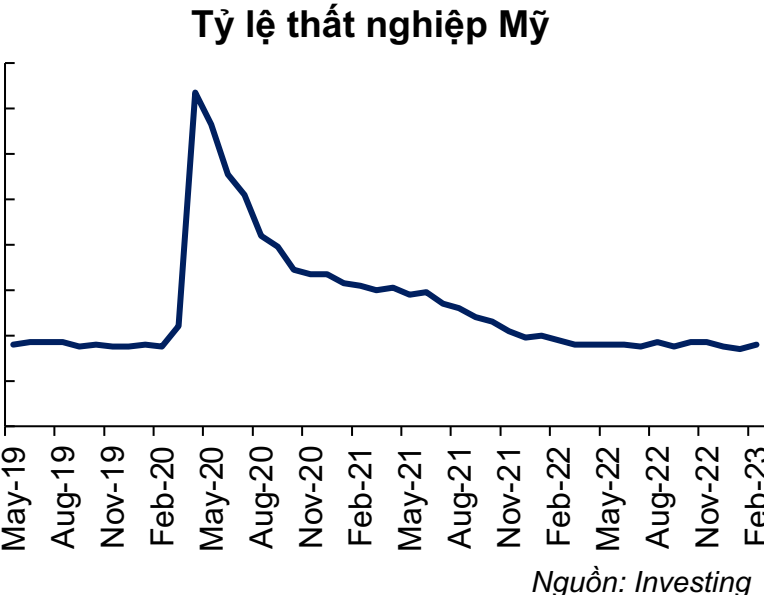
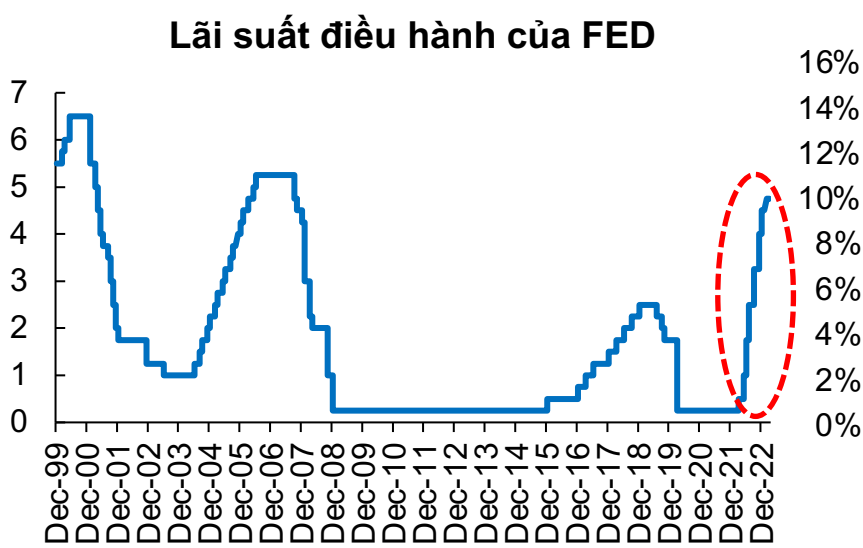
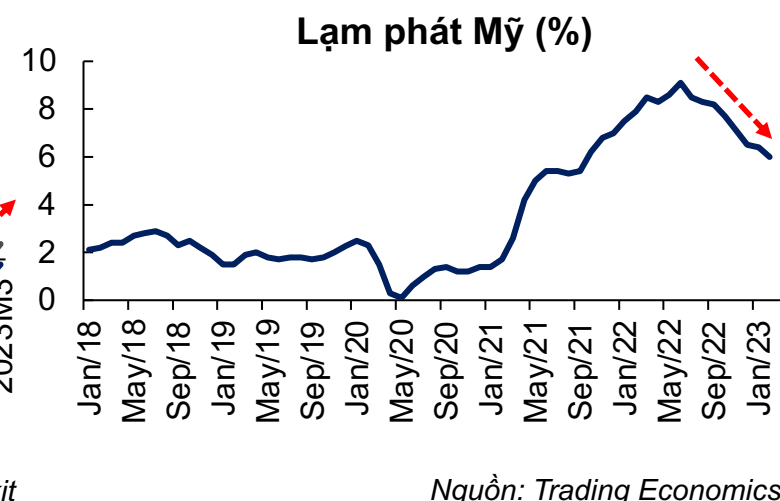
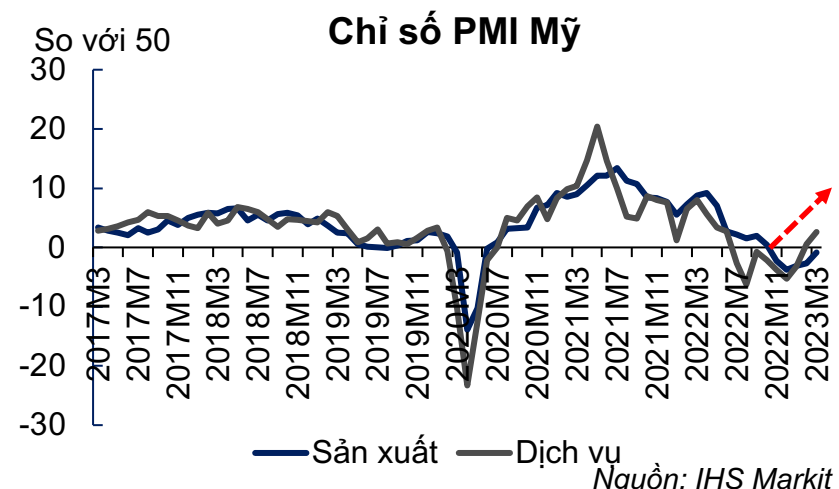
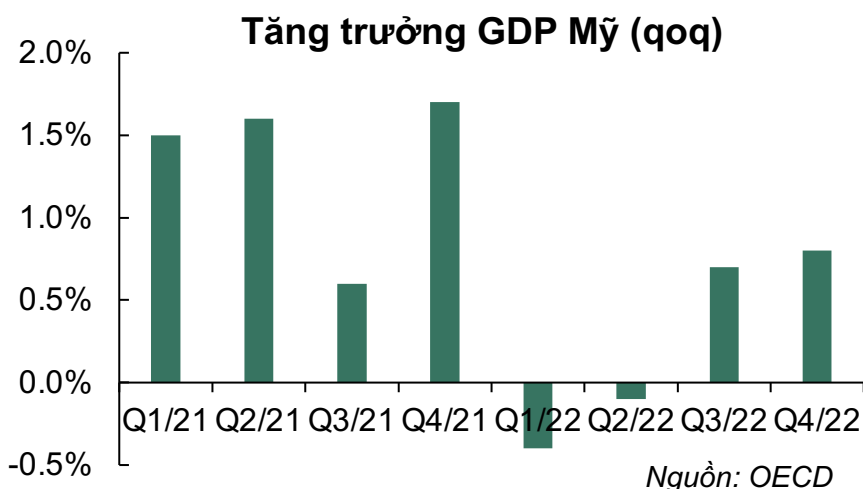
NHTW các nước vẫn chưa hoàn tất chu kỳ thắt chặt CSTT

- NHTW các nước lớn sẽ vẫn tiếp tục thắt chặt CSTT trong nửa đầu năm 2023 bởi tỷ lệ lạm phát vẫn đang ở mức cao so với mục tiêu**
 - Chỉ số thắt chặt tiền tệ thế giới giảm nhẹ từ mức 8,7 của tháng 2 xuống còn 8,5 trong tháng 3 nhưng vẫn ở mức cao so với 3 năm trước đó. NHTW các nước lớn tiếp tục tăng lãi suất đầu năm: Fed tăng 0,25% và ECB tăng 0,5% trong T2, FED tăng thêm 0,25% trong T3. Mức lãi suất cao dự kiến sẽ duy trì trong suốt năm 2023 nhằm giảm áp lực tiền lương và lạm phát trong dài hạn. S&P Global dự báo CSTT bắt đầu nới lỏng từ Q2/2024 với lãi suất chính sách giảm xuống mức trung lập dài hạn vào cuối năm 2025. **Khả năng phục hồi tăng trưởng và tỷ lệ lạm phát cao cho thấy các NHTW sẽ tiếp tục nghiêng về hướng thắt chặt chính sách hơn nữa trong những tháng tới.**
- Thị trường tài chính toàn cầu bắt đầu bộc lộ những bất ổn**
 - USD vẫn ở mức cao:** Chỉ số USD index đã giảm mạnh hơn 9% từ mức đỉnh của T10/2022, tuy nhiên theo tính toán của ANZ đồng USD hiện vẫn đang được định giá quá cao so với mức trung bình và sẽ có khả năng tiếp tục xu hướng giảm.
 - Dòng vốn vào thị trường mới nổi thận trọng hơn:** Vốn vào Trung Quốc T3 tăng gấp đôi so với T2, tổng vốn đầu tư vào TTCK Trung Quốc lũy kế 3T lên đến 30 tỷ USD là động lực chính nâng dòng vốn vào thị trường mới nổi tăng tháng thứ 3 liên tiếp. Dù vậy, mức tăng 9,4 tỷ USD trên tất cả các thị trường (6,4 tỷ USD cổ phiếu và 2,6 tỷ USD trái phiếu) của T3 là thấp nhất trong Q1/2023 cho thấy lãi suất tăng đã làm tăng chi phí vốn và giảm nhu cầu đầu tư vào thị trường mới nổi. TTCK tại nhiều quốc gia và thế giới chung trải qua đợt biến động giảm mạnh trong tháng 3.
 - Niềm tin vào thị trường tài chính toàn cầu đang thay đổi:** Sự sụp đổ đột ngột của SVB, Signature Bank (Mỹ), UBS mua lại khẩn cấp Credit Suisse (Thụy Sĩ), cổ phiếu Deutsche Bank (Đức) lao dốc cho thấy niềm tin vào thị trường tài chính đang suy yếu, rủi ro tín dụng gia tăng. Hậu quả từ sự sụp đổ 3 ngân hàng vẫn còn chưa được đánh giá đầy đủ,



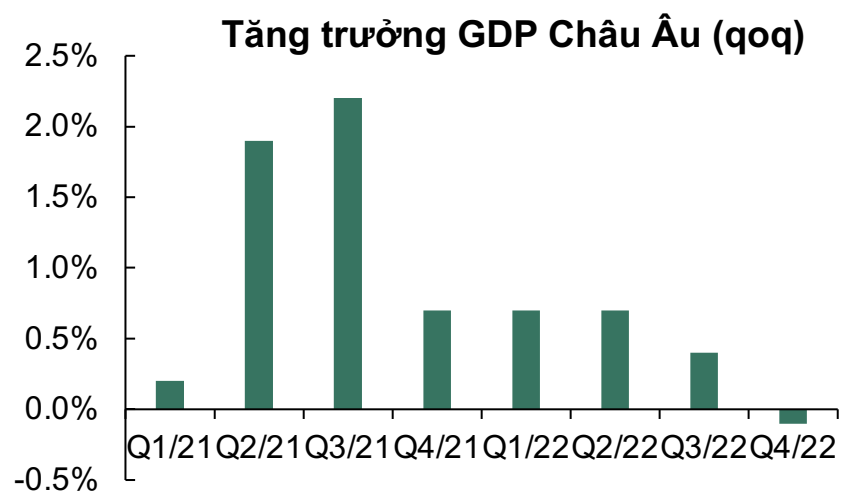
Mỹ: Bước vào năm 2023 với nhiều yếu tố tích cực, thị trường tài chính căng thẳng

- ❖ Theo thống kê của IHS, GDP theo tháng của Mỹ tăng 0,3% trong tháng 1 nhờ tiêu dùng cá nhân cải thiện, phục hồi đáng kể so với mức giảm 0,4% của tháng 12/2022.
- ❖ Việc làm tăng mạnh trong 3T đầu năm thể hiện sự mất cân đối cung cầu trên thị trường lao động đang giảm dần. Số việc làm biên chế trong T3 tăng 236.000, tỷ lệ thất nghiệp ổn định 3,5% khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên 62,6% - mức cao nhất kể từ tháng 3/2020.
- ❖ Lĩnh vực sản xuất T3 giảm nhẹ do cầu yếu, sản lượng sản xuất chỉ tăng nhẹ, chỉ số PMI vẫn dưới mức 50 mặc dù tăng cao hơn T2. Lĩnh vực dịch vụ tăng nhanh hơn trong T3 với số lượng đơn đặt hàng mới tăng, chỉ số PMI đạt 52,6 cao nhất từ T6/2022.
- ❖ Lạm phát tháng 2 tiếp tục giảm còn 6%, tuy nhiên chỉ số lạm phát lõi PCE đã tăng 5% so với cùng kỳ do chi tiêu của các hộ gia đình tăng nhanh, cao hơn nhiều kỳ vọng của thị trường và vẫn cách xa mục tiêu 2% của FED. **Thị trường việc làm mạnh với tỷ lệ thất nghiệp thấp và diễn biến lạm phát cao, giá bán dịch vụ đang tăng nhanh trở lại cho thấy FED sẽ không sớm dừng tăng lãi suất.**
- ❖ **Lãi suất tăng mạnh là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của các ngân hàng SVB, Signature Bank sở hữu danh mục tài sản tập trung vào trái phiếu.** Các công cụ cho vay khẩn cấp của FED sau đó đã giúp giảm bớt căng thẳng thanh khoản, ổn định hệ thống ngân hàng và giảm thiểu gián đoạn kinh tế. Thị trường kỳ vọng FED sẽ giảm bớt cường độ tăng lãi suất sau biến động.
- ❖ IHS ước tính GDP của Mỹ sẽ giảm nhẹ ở mức -0,5% Yoy trong Q1/2023.

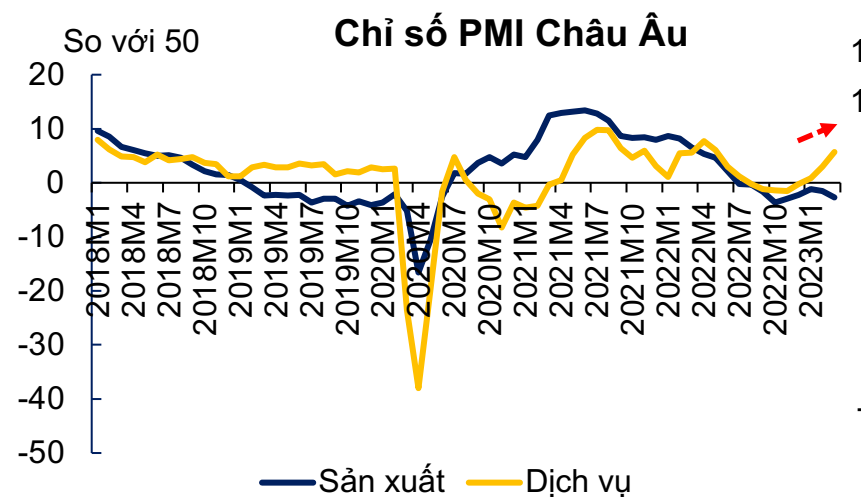


Châu Âu: Có thể tránh được suy thoái nhưng vẫn đối mặt với thách thức

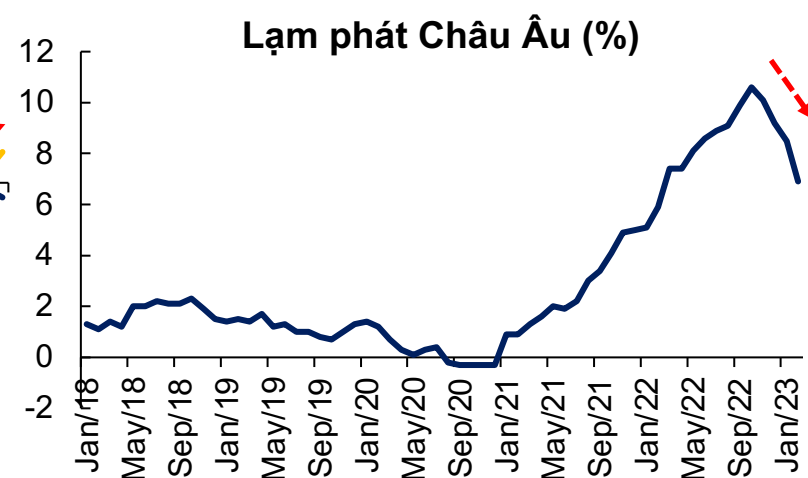
- Tăng trưởng kinh tế năm 2022 ước tính chỉ đạt 3,5% và dự báo sẽ tiếp tục giảm nhẹ trong quý đầu tiên của năm 2023.**
 - Do mùa đông không quá khắc nghiệt, kho dự trữ khí đốt hoạt động hết công suất, tăng nhập khẩu LNG từ các nguồn ngoài Nga, giá năng lượng giảm và hỗ trợ của Chính phủ giúp nền kinh tế Châu Âu tránh được suy thoái. Giá khí đốt tại Châu Âu đã giảm xuống dưới mức trước khi chiến tranh Nga - Ukraine diễn ra.
 - Tâm lý của người tiêu dùng và doanh nghiệp đã được cải thiện. Thống kê của IHS cho thấy kinh tế khu vực mở rộng trong T3 với tốc độ nhanh nhất kể từ T5/2022 chủ yếu nhờ dịch vụ. Sản lượng của các nhà máy tăng nhẹ, thời gian giao hàng giảm xuống mức kỷ lục.
 - Lạm phát tiêu dùng T3 6,9% giảm mạnh so với mức đỉnh nhưng vẫn còn rất cao so với mục tiêu và tiếp tục làm xói mòn thu nhập hộ gia đình. Áp lực lạm phát vẫn đang gia tăng, các mặt hàng tiêu dùng cốt lõi ghi nhận mức tăng giá trên trung bình. ECB tiếp tục tăng lãi suất thêm 0,5% trong tháng 2/2023 đưa lãi suất tiền gửi lên 2,5%.
- Lãi suất tăng, tiêu chuẩn tín dụng thắt chặt và thị trường nhà ở điều chỉnh, khả năng đáp ứng đủ năng lượng trong nửa cuối năm 2023 đến 2024 sẽ cản trở tăng trưởng trong ngắn hạn. Dự báo khu vực Châu Âu tăng trưởng 0,5-0,8% vào năm 2023. Lạm phát tại khu vực dự báo giảm xuống còn 6,4% năm 2023



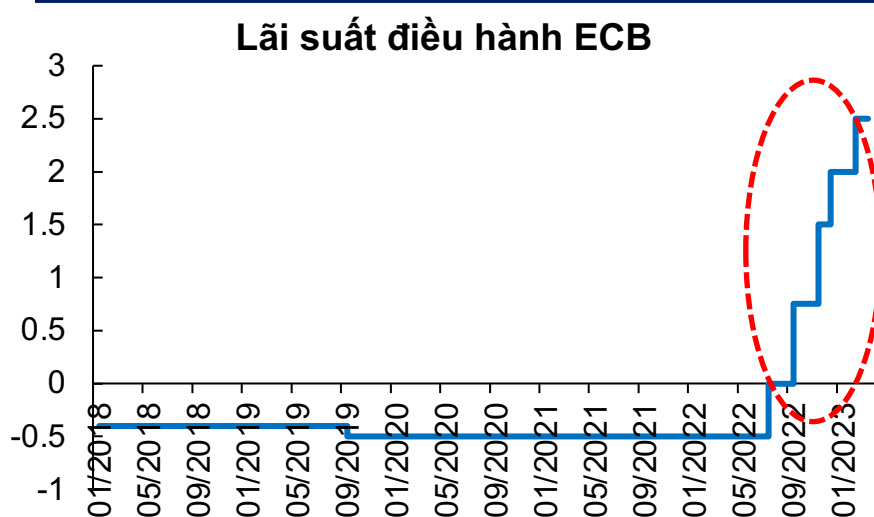
Nguồn: OECD



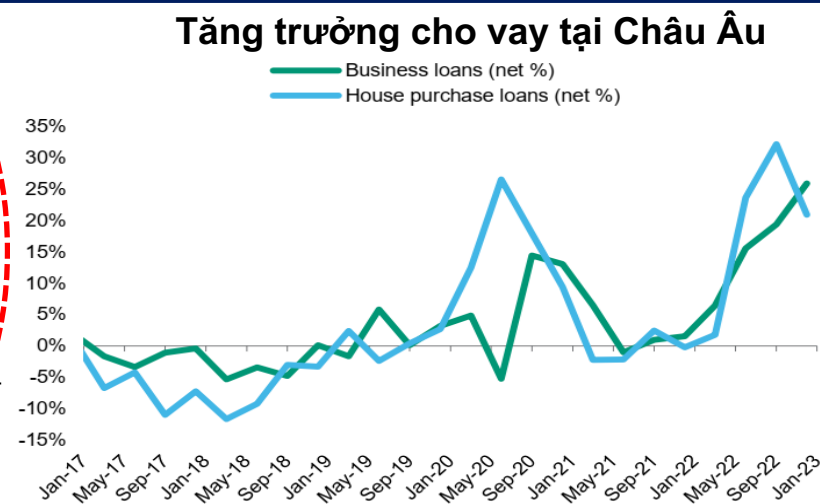
Nguồn: IHS Markit



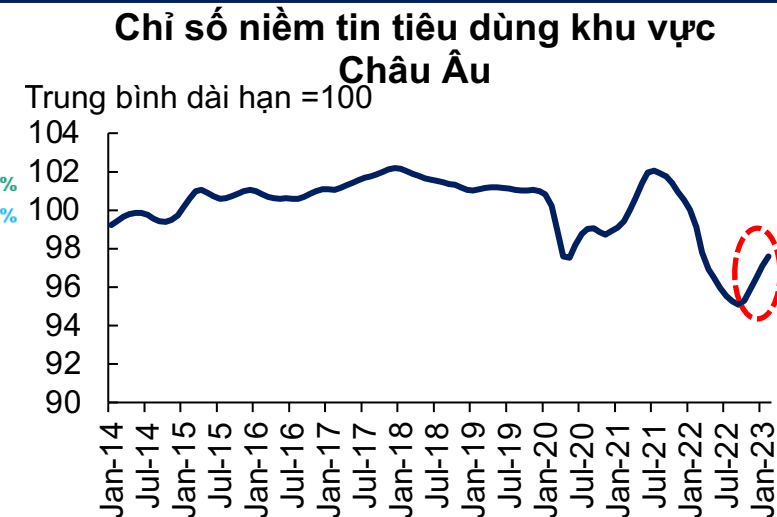
Nguồn: Trading Economics



Nguồn: Investing



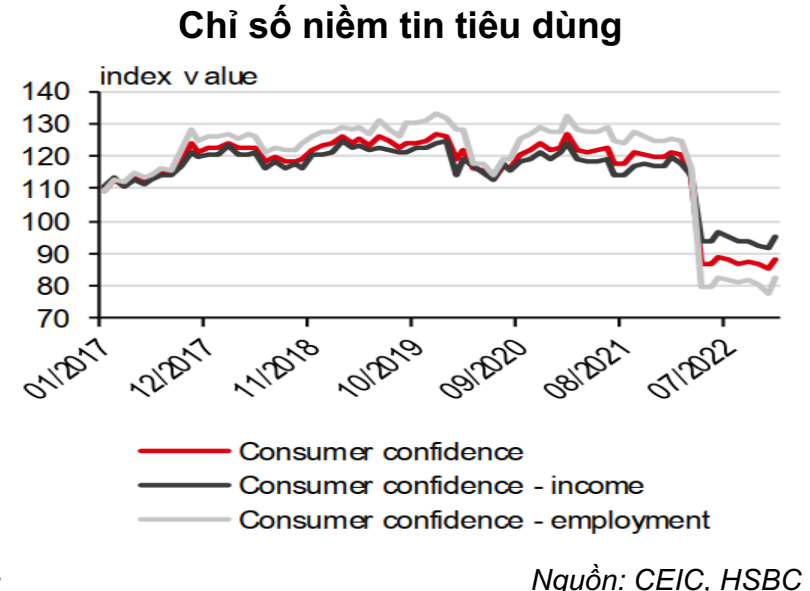
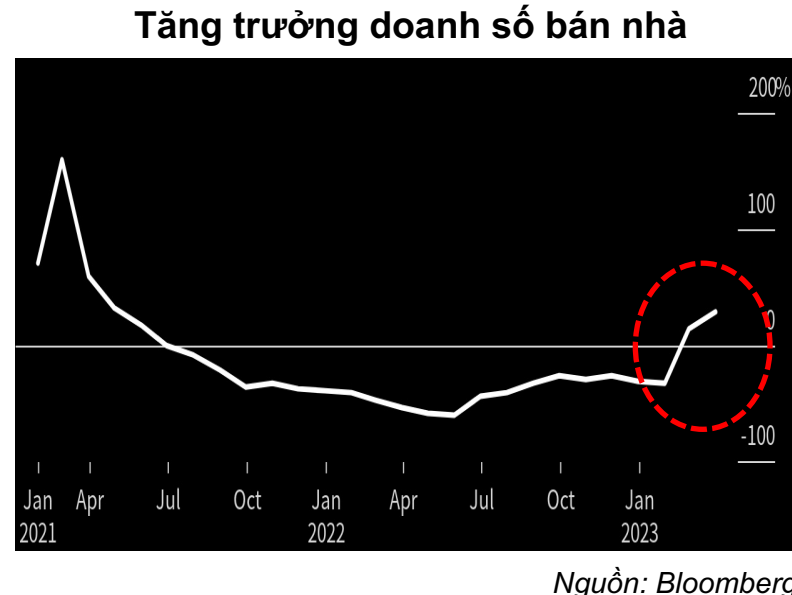
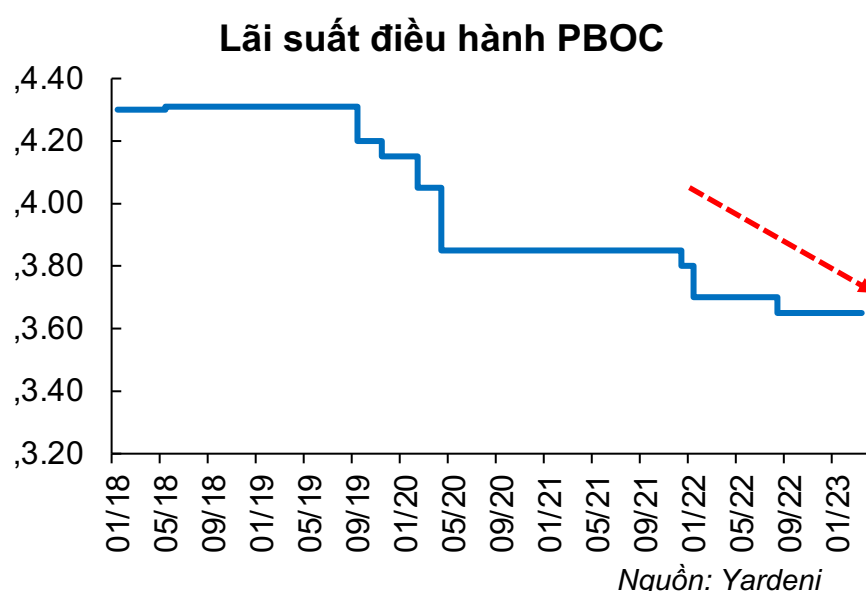
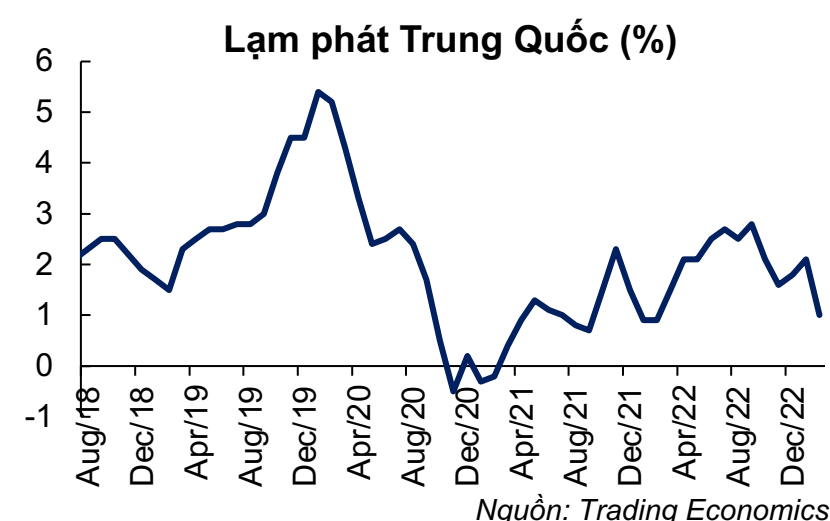
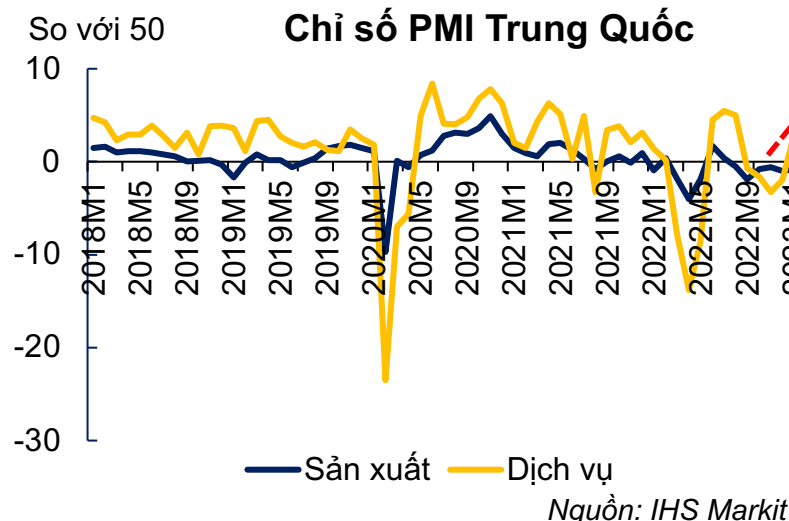
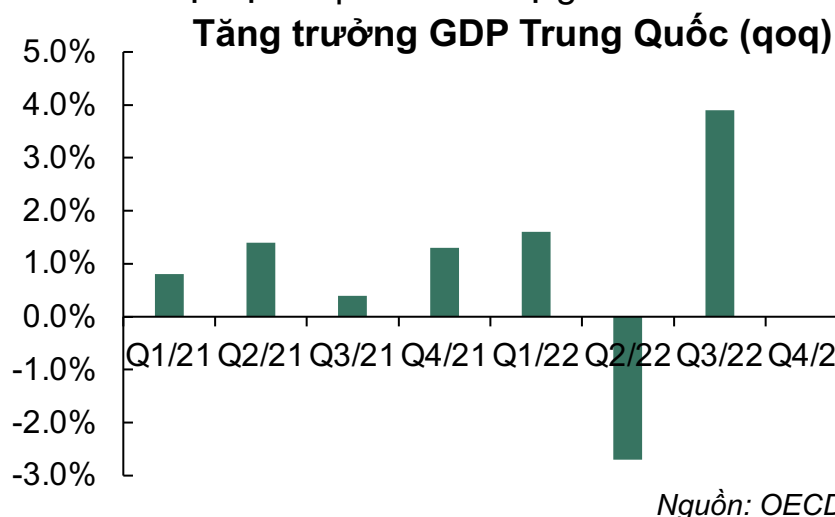
Nguồn: Moody's



Nguồn: OECD

Trung Quốc: Phục hồi nhờ nới lỏng các biện pháp Covid

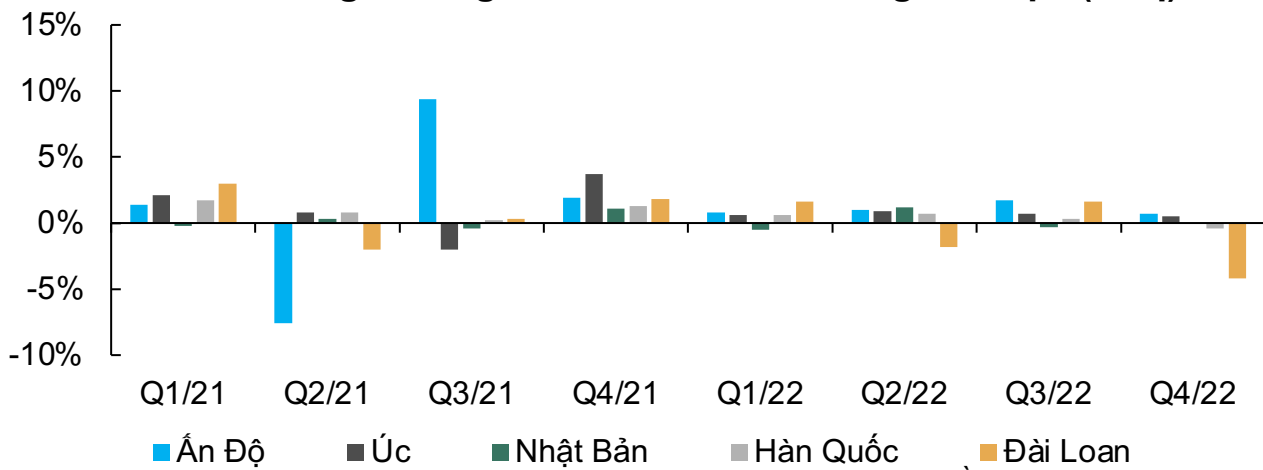
- Tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc Q4 và cả năm 2022 cao hơn dự kiến nhưng tăng trưởng theo quý bằng 0%. Chính sách hạn chế Covid được nới lỏng mang lại nhiều tác động tích cực hơn đối với tăng trưởng của Trung Quốc đầu năm 2023:**
 - Hoạt động kinh doanh Trung Quốc T3 tăng lên mức cao nhất trong 28 tháng nhờ điều kiện hoạt động được cải thiện và lượng đơn đặt hàng mới trở lại. Sản xuất tăng trưởng trở lại trong 3 tháng đầu năm, chỉ số PMI sản xuất T2 đạt 51,6 cao nhất trong vòng 8 tháng.
 - Tăng trưởng việc làm phục hồi lần thứ 2 chỉ sau hơn 1,5 năm cho thấy các nhà máy nói chung có khả năng mở rộng lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu.
 - Chi phí đầu vào T3 chứng lại kết thúc chuỗi tăng 5 tháng của lạm phát, chỉ số CPI T2 của Trung Quốc chỉ tăng 1% yoy.
- Doanh số bán lẻ và nhà ở Trung Quốc tăng 2 tháng liên tiếp trong T2&T3 sau hơn 1 năm suy giảm. PBOC tiếp tục định hướng CSTT hỗ trợ thanh khoản giúp vực dậy nền kinh tế khi mở cửa trở lại và ổn định lĩnh vực bất động sản. Việc nới lỏng CSTT hơn nữa của PBOC phụ thuộc vào sức mạnh và độ bền của sự phục hồi nền kinh tế.**
- Dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 5,2% trong năm 2023 và sẽ tiếp tục tăng lên 5,6% vào năm 2024 trước khi giảm tốc trong thời gian dài.** Các ngành du lịch và khách sạn có thể được hưởng lợi nhiều nhất từ sự phục hồi mặc dù thời gian và mức độ là chưa rõ ràng do không có hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình.



Châu Á - Thái Bình Dương: Tiếp tục là điểm sáng của kinh tế thế giới năm 2023

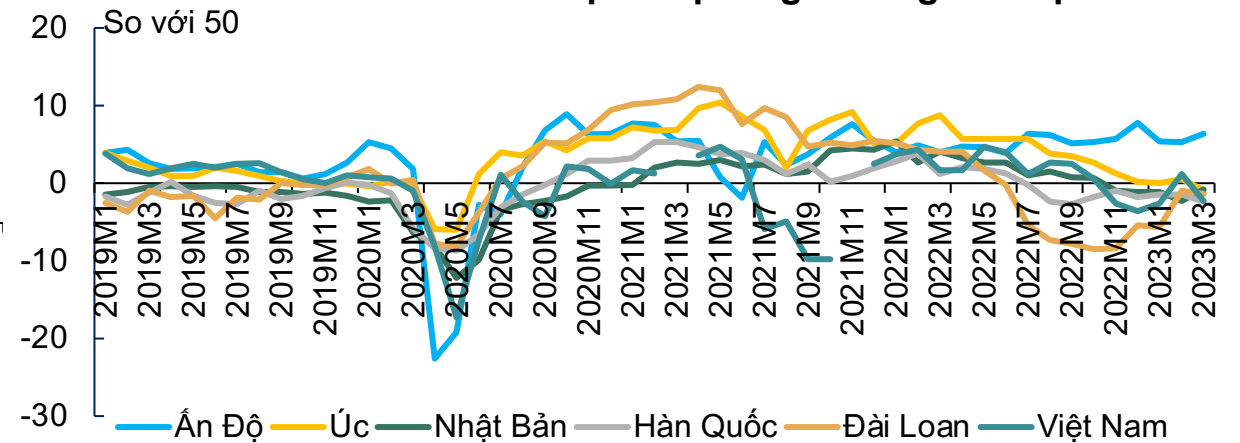
- ▼ **Kinh tế tại các nước Châu Á - Thái Bình Dương được duy trì tích cực trong cả năm 2022, Ấn Độ tiếp tục ghi nhận tăng trưởng cao nhất trong các nền kinh tế lớn của thế giới.**
- ▼ **Khu vực Châu Á Thái Bình Dương dự báo sẽ dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng trong năm 2023 nhờ Trung Quốc mở cửa trở lại và lạm phát thấp. Mặc dù vậy, S&P dự báo GDP thực tế năm 2023 sẽ tăng chậm lại ở hầu hết các quốc gia mới nổi bởi tăng trưởng cao hơn của Trung Quốc không đủ bù đắp suy yếu tăng trưởng tại Mỹ và Châu Âu.**
 - Trừ Ấn Độ vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao, chỉ số PMI sản xuất tại nhiều quốc gia tăng nhẹ trong tháng 2 tuy nhiên sau đó bị sụt giảm trở lại trong tháng 3 do cầu yếu.
 - Ấn Độ, Việt Nam, Philippines và Campuchia là những nước triển vọng tích cực nhất sẽ đạt tốc độ tăng trưởng GDP thực tế trên 5% nhờ quan hệ thương mại chặt chẽ với Trung Quốc. Trong khi đó điều kiện tài chính thắt chặt và suy thoái trong các phân khúc của ngành công nghiệp điện tử dẫn đến tăng trưởng dự báo ở mức yếu tại Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Úc và New Zealand.
- ▼ **Kinh tế khu vực vẫn phải đối mặt với một số khó khăn:** (1) Lạm phát cơ bản vẫn đang tăng tại một số quốc gia trong khu vực, tiêu dùng (động lực tăng trưởng chính) yếu do tác động của yếu tố bên ngoài và CSTT thắt chặt trong nước. (2) Giảm giá đồng nội tệ do đồng USD mạnh (hồi phục một phần sau sự sụp đổ của 3 ngân hàng), thị trường năng lượng không chắc chắn và dòng vốn vào yếu. **ADB dự báo khu vực Châu Á tăng trưởng 4,2% năm 2023 và 3,3% năm 2024.**

Tăng trưởng kinh tế các nước trong khu vực (Qoq)



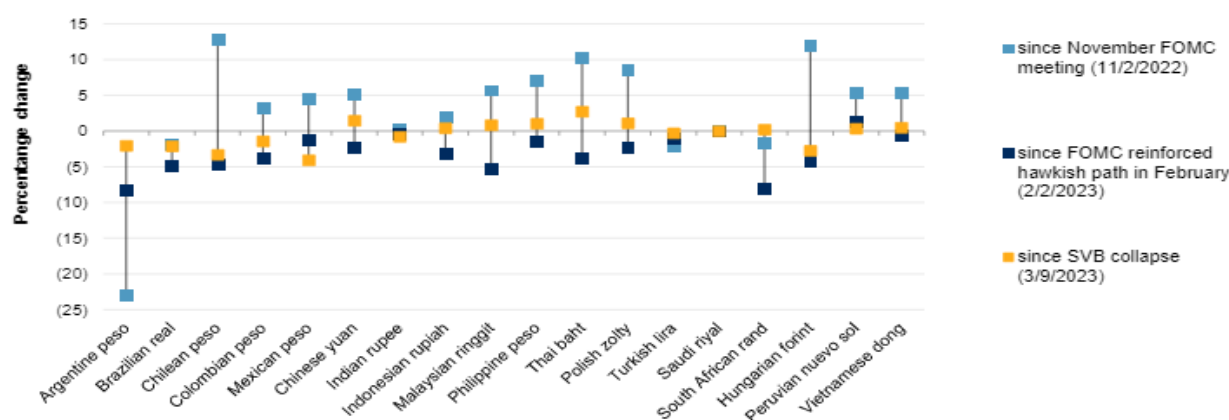
Nguồn: OECD, Focus Economics

Chỉ số PMI sản xuất một số quốc gia trong khu vực



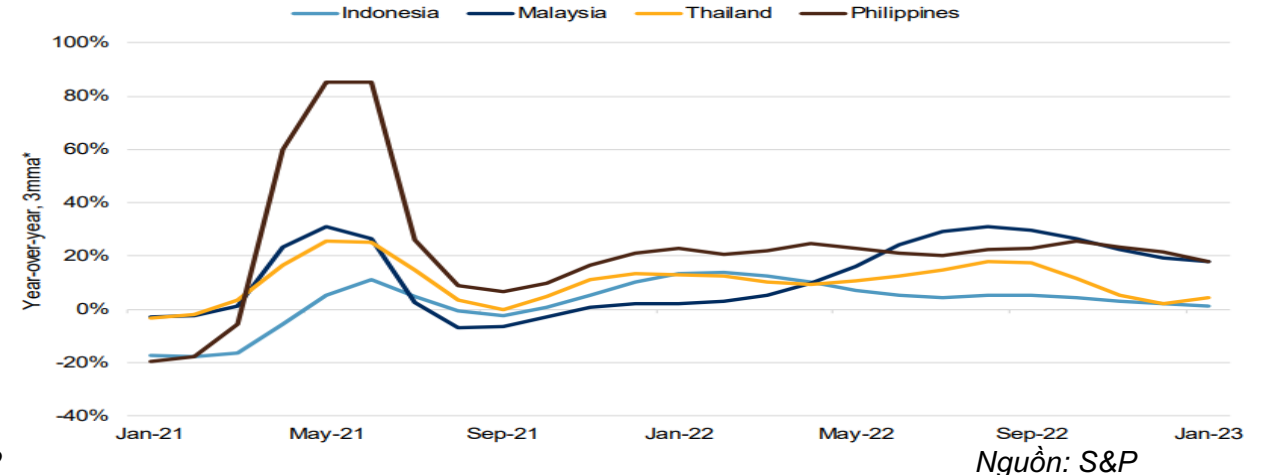
Nguồn: IHS Markit

Đồng nội tệ của một số quốc gia mới nổi so với USD



Nguồn: S&P

Tăng trưởng bán lẻ tại một số quốc gia trong khu vực



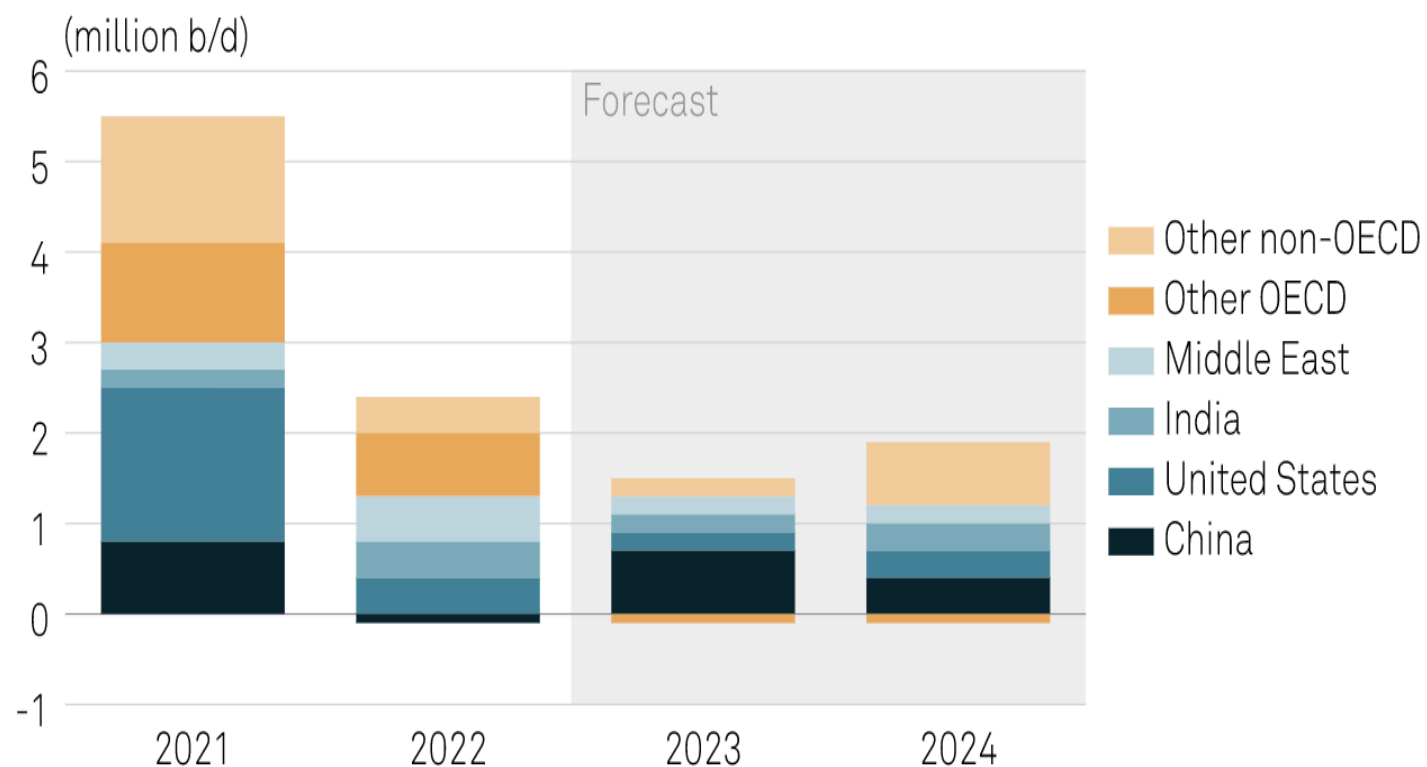
Nguồn: S&P

Rủi ro đối với kinh tế thế giới năm 2023

♥ Trong năm 2023 có thể có một số diễn biến bất lợi cản trở quá trình giảm lạm phát bền vững và gây rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế thế giới:

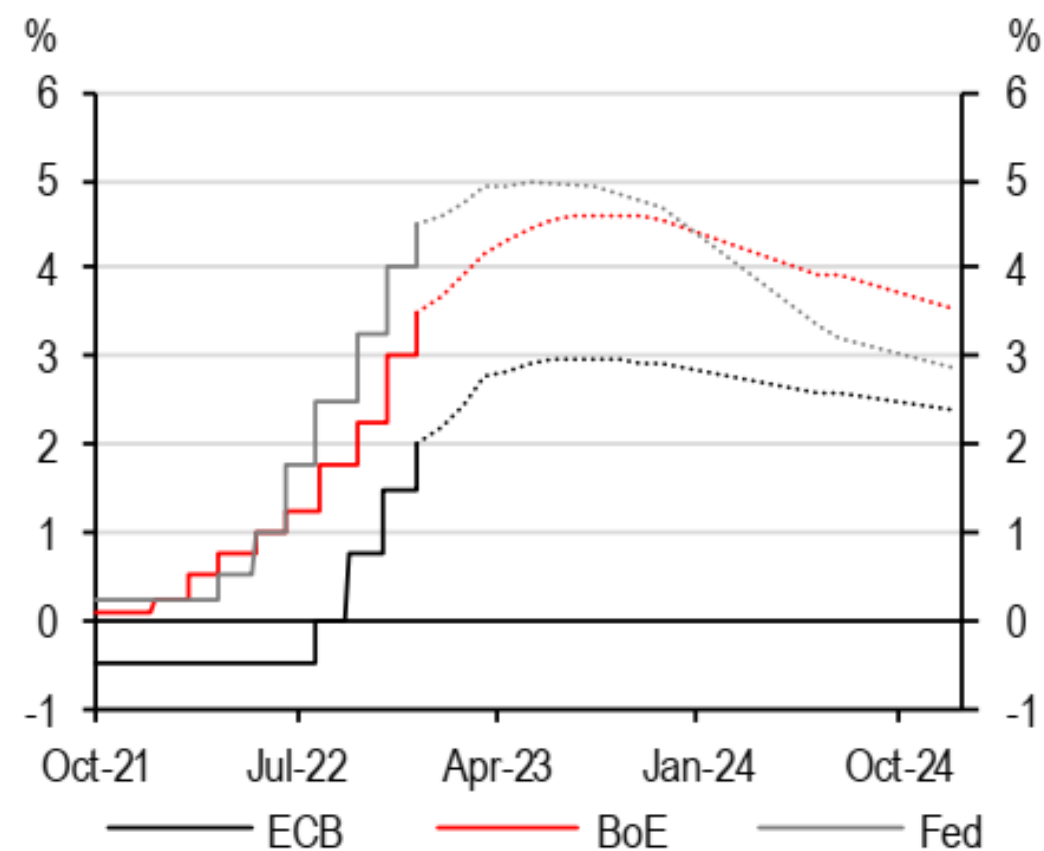
- **Giá dầu có thể duy trì ở mức cao:** Moodys dự báo nhu cầu dầu yếu hơn trong năm 2023 khi các hoạt động của nền kinh tế chậm lại, tuy nhiên sự không chắc chắn về mức độ và khả năng tăng nhu cầu từ Trung Quốc sẽ khiến giá dầu biến động mạnh trong năm. Nga đang cố gắng duy trì lượng xuất khẩu bằng cách chuyển hướng thị trường sang Châu Á, nếu Nga cắt giảm nguồn cung 5% theo kế hoạch vào T3, thị trường dầu mỏ sẽ thất chặt vào thời điểm nhu cầu Trung Quốc tăng nhanh, gây sức ép tăng giá dầu thô.
- **Thắt chặt tiền tệ hơn mức kỳ vọng của thị trường:** Các NHTW sẽ duy trì quan điểm CSTT thắt chặt trong năm nay. Mặc dù lạm phát sẽ tiếp tục chậm lại nhưng tăng trưởng và khả năng phục hồi của thị trường lao động có thể khiến NHTW sai lầm khi giữ CSTT thắt chặt lâu hơn mức cần thiết. Thị trường lao động vẫn rất chặt tại các nước phát triển và lạm phát mục tiêu hóa có thể đạt được trong bối cảnh tăng trưởng việc làm mạnh mẽ không bù được sụt giảm về năng suất lao động, NHTW các nước nhiều khả năng sẽ tiếp tục lựa chọn trì hoãn nới lỏng CSTT. Điều này sẽ căng thẳng trên thị trường tài chính và rủi ro tín dụng tiếp tục tăng.
- **Mâu thuẫn địa chính trị căng thẳng hơn:** (1) Quan hệ ngoại giao của Trung Quốc với một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là Mỹ đã xấu đi và khó có thể sớm thay đổi. Các biện pháp áp đặt của các quốc gia phương Tây nhằm hạn chế dòng vốn đầu tư vào Trung Quốc ngăn chặn khả năng tiếp cận công nghệ, hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của các công ty Trung Quốc có khả năng sẽ làm suy yếu triển vọng kinh tế Trung Quốc. (2) Xung đột Nga – Ukraine sẽ tiếp tục kéo dài và chưa thể kết thúc khi Nga và Ukraine vẫn không thay đổi quan điểm về kết cục của cuộc chiến.

Nhu cầu nhiên liệu hóa lỏng thế giới



Nguồn: EIA

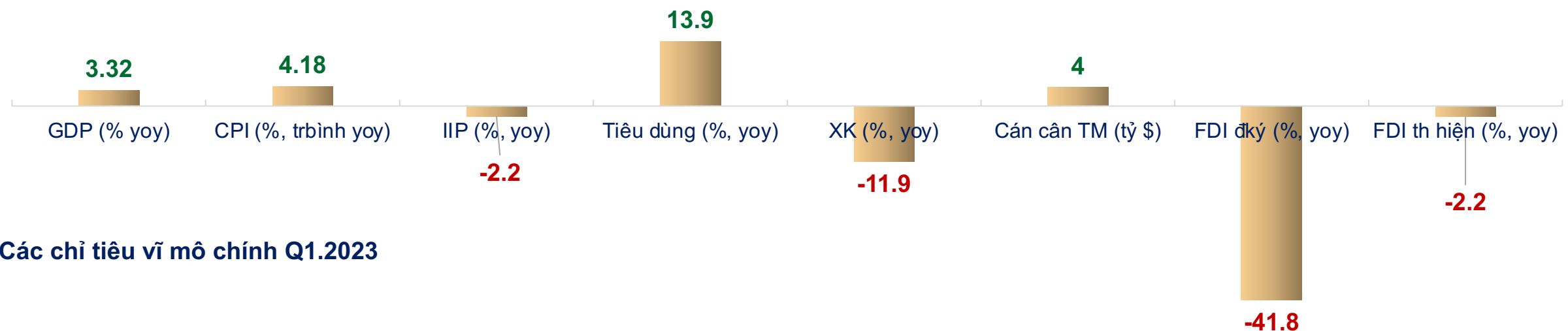
Kỳ vọng của thị trường về lãi suất chính sách



Nguồn: Bloomberg

TỔNG QUAN

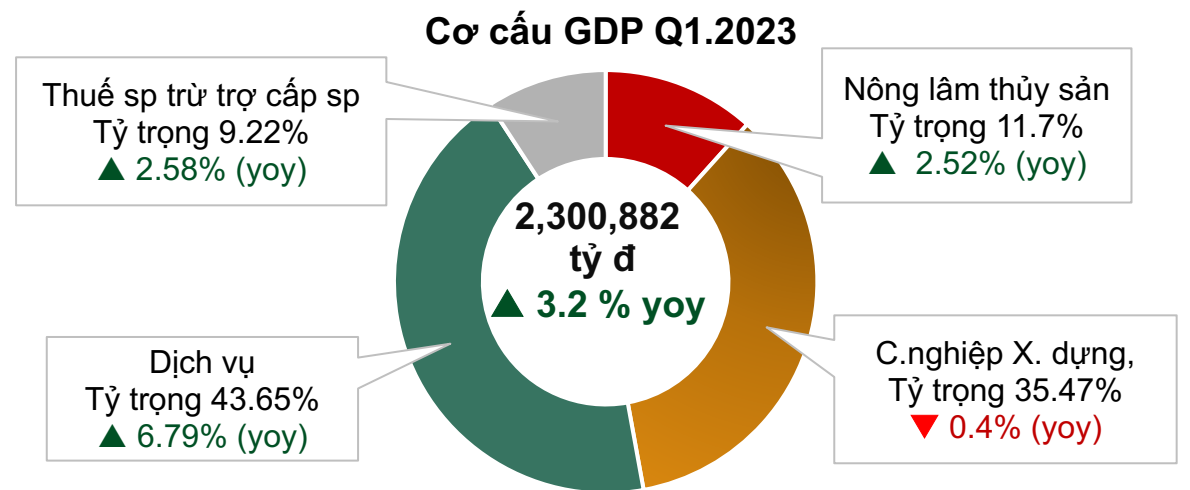
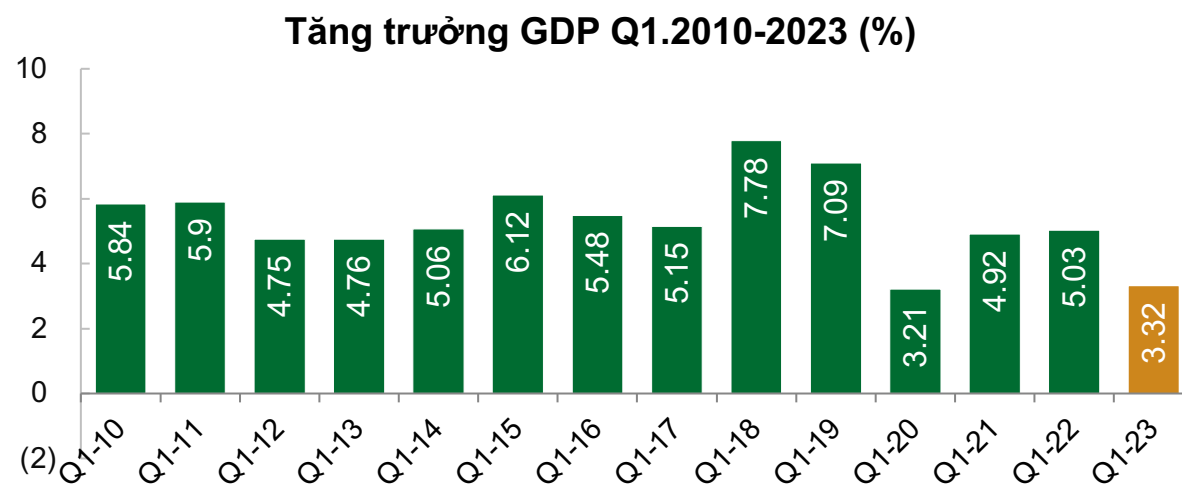
- ▼ GDP Q1.2023 tăng 3,32% yoy thấp hơn so với mục tiêu 5,6% của CP tại Nghị quyết 01/NQ-CP, phản ánh kinh tế Việt Nam trong Q1.2023 tiếp tục đối phó với các khó khăn do nhu cầu bên ngoài suy yếu và chi phí sản xuất kinh doanh ở mức cao.
- ▼ Tổng mức bán lẻ HH&DV Q1.2023 tăng 13,9% yoy, là động lực chính của tăng trưởng. Khu vực dịch vụ tăng trưởng tốt.
- ▼ Chỉ số IIP Q1.2023 sụt giảm 2,2% yoy; Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp CN tại thời điểm 01/3/2023 tăng 0,8% mom và giảm 2,2% yoy. Tuy nhiên mức độ sụt giảm của chỉ số IIP đã thu hẹp so với cuối tháng 2 (IIP 2T.2023 giảm 6,3%). Chỉ số PMI tháng 3 là 47,4 - dưới mức 50, phản ánh triển vọng sản xuất ảm đạm trong các tháng tới.
- ▼ Kim ngạch XK lũy kế Q1.2023 giảm 11,9% yoy, NK giảm 14,7% yoy, sức mua từ các thị trường Mỹ và EU sụt giảm do biến động thị trường tài chính, đồng thời lạm phát vẫn ở mức cao và lãi suất tăng thắt chặt tiêu dùng. Tuy nhiên điểm sáng là cán cân thương mại Q1.2023 thặng dư trên 4 tỷ USD góp phần giảm sức ép lên tỷ giá.
- ▼ Tình hình đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp không mấy lạc quan. Tổng số DN đăng ký mới và quay lại hoạt động trong Q1.2023 là 57 nghìn, giảm 5,4% yoy trong khi số DN tạm ngưng kinh doanh và giải thể là 60 nghìn, tăng 17,4% yoy.
- ▼ CPI bình quân Q1.2023 tăng 4,18% yoy, giảm so với mức 4,6% của 2 tháng. Lạm phát cơ bản ở mức 5,01% yoy. Giá xăng dầu hạ nhiệt so với cùng kỳ 2022, việc tăng lương và tăng giá điện chưa thực hiện có thể giúp kiềm chế lạm phát trong nửa đầu 2023.
- ▼ Kinh tế Việt Nam dự kiến đối diện tăng trưởng suy yếu trong những tháng tới khi động lực xuất khẩu tiếp tục giảm sút. Tuy nhiên một số chính sách hỗ trợ tăng trưởng của Chính phủ sẽ có tác dụng tích cực trong thời gian tới giúp nền kinh tế giữ được ổn định trong bối cảnh biến động tại các đối tác kinh tế lớn.



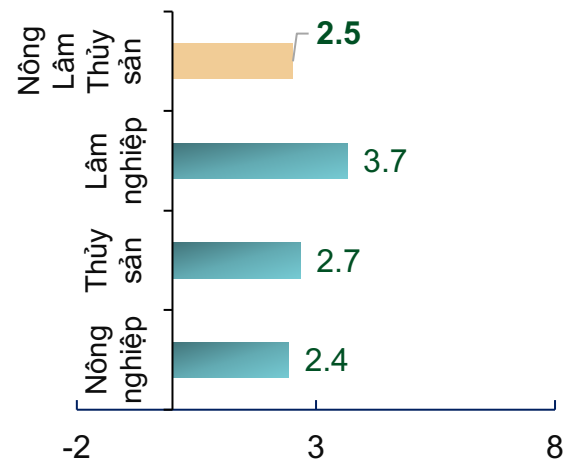
Các chỉ tiêu vĩ mô chính Q1.2023

Tăng trưởng GDP sụt giảm trong Q1.2023

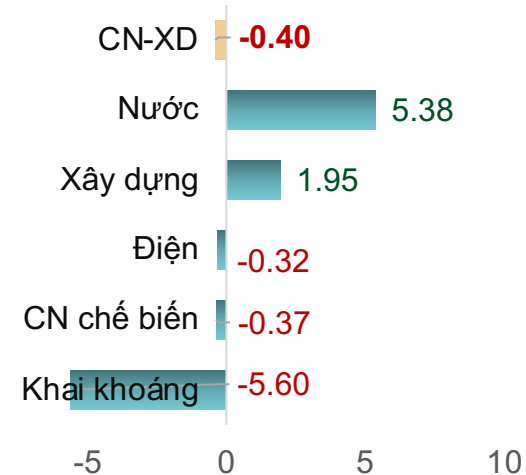
- GDP Q1.2023 tăng trưởng thấp ở mức 3,32% yoy, thấp thứ 2 trong giai đoạn 2010-2023, và chỉ cao hơn năm đầu xảy ra đại dịch. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo sụt giảm 0,4% (cùng kỳ tăng 7,8%). Ngành BĐS sụt giảm 0,1% (cùng kỳ tăng 1,8%). Ngành Nông lâm thủy sản duy trì được mức tăng ổn định. Các ngành dịch vụ bán buôn bán lẻ, tài chính ngân hàng, vận tải kho bãi có mức tăng trưởng khá 7-8%. Dịch vụ lưu trú ăn uống tăng mạnh 26% từ mức âm cùng kỳ.
- Về cơ cấu nền kinh tế Q1. 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,66%; công nghiệp và xây dựng chiếm 35,47%; dịch vụ chiếm 43,65%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,22%. Xét từ góc độ sử dụng, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản lần lượt đóng góp 53,75%, 46,11%, 0,14% vào tốc độ tăng trưởng chung.
- Mức tăng trưởng Q1.2023 thấp hơn mục tiêu 5,6% của CP nêu tại Nghị quyết 01/NQ-CP. Nền kinh tế Việt Nam với độ mở lớn sẽ tiếp tục chịu tác động bất lợi từ nhu cầu suy yếu tại các khu vực Mỹ và EU, đặc biệt đối với hàng điện tử. Khu vực BĐS và xây dựng trong nước tiếp tục đối diện khó khăn khi doanh số giảm, chi phí tài chính ở mức cao.



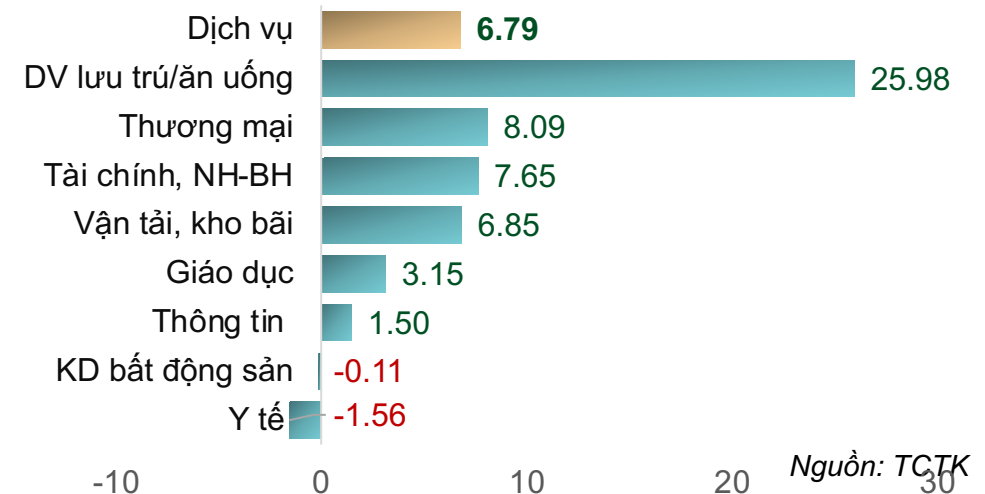
GDP ngành nông lâm thủy sản Q1.2023 (% yoy)



GDP ngành Công nghiệp xây dựng Q1.2023 (% yoy)



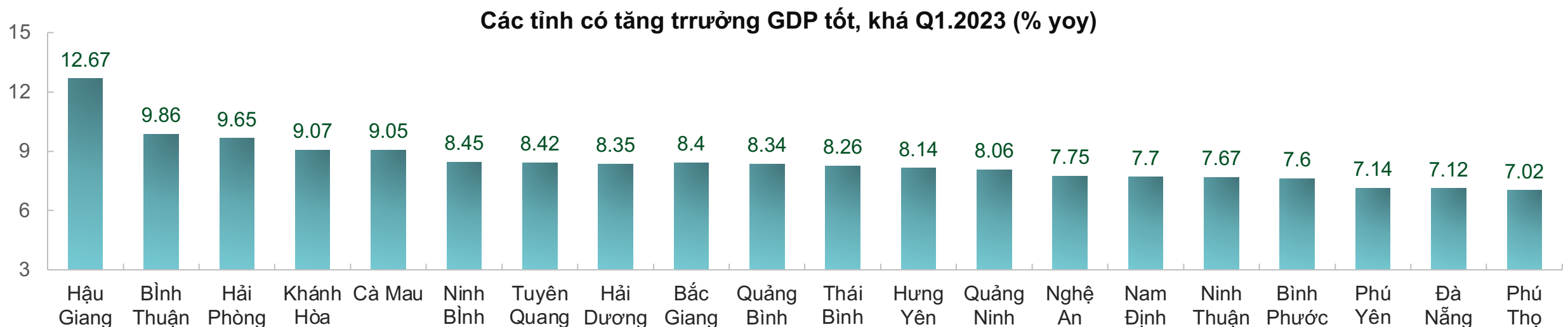
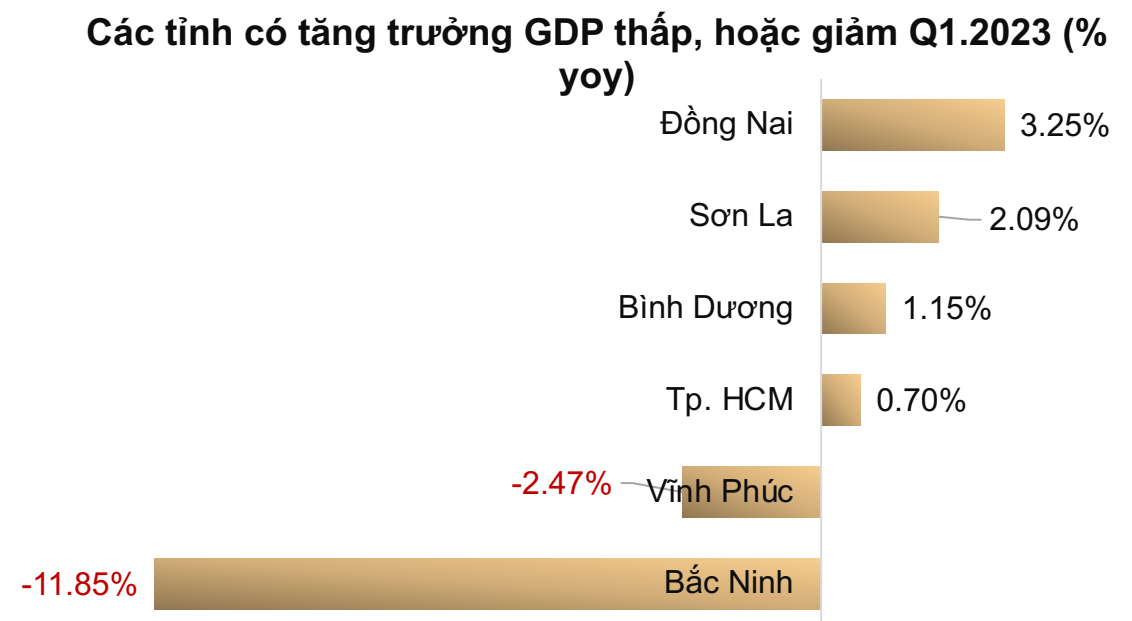
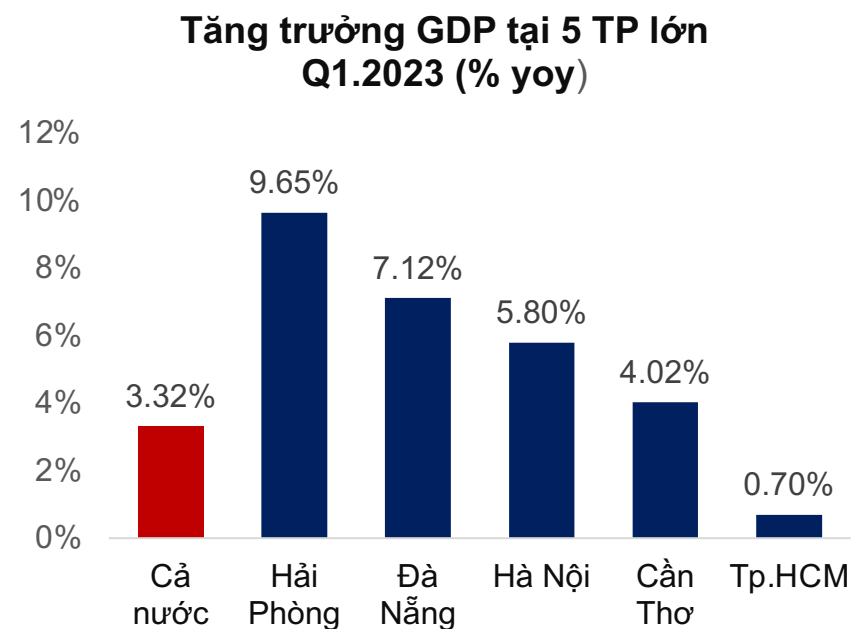
GDP ngành Dịch vụ Q1.2023



Nguồn: TCTK

Tốc độ tăng GDP địa phương ở mức thấp và giảm tại một số khu vực kinh tế trọng điểm

- ▼ Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực Trung ương (GRDP) quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 58 địa phương và giảm ở 5 địa phương trên cả nước.
- ▼ Các địa phương có tốc độ tăng GRDP ở mức cao so với tốc độ tăng chung như Hậu Giang, Bình Thuận, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Cà Mau, Ninh Bình... nhờ khu vực nông lâm thủy sản, dịch vụ vẫn trụ vững và phục hồi tốt.
- ▼ Các địa phương có tốc độ tăng GRDP ở mức thấp so với tốc độ tăng chung hoặc thậm chí sụt giảm mạnh như Tp.HCM, Bình Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc do ảnh hưởng tiêu cực từ khu vực công nghiệp chế biến chế tạo các ngành hàng dệt may, da giày, điện tử hoặc bất động sản dân cư (như Tp. HCM).



Tiêu dùng tiếp tục nâng đỡ tăng trưởng

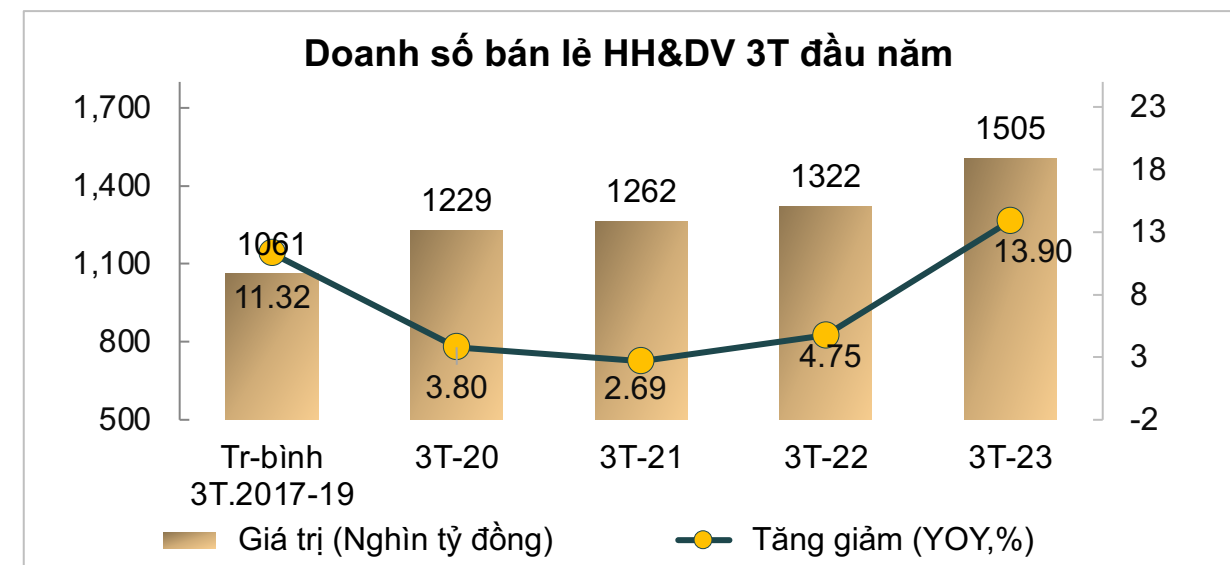
♥ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 3T.2023 đạt 1505 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ 2022 (nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ HH&DV tiêu dùng tăng 10%). Trong đó:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng hơn 11,4% (yoy); Các mặt hàng lương thực, may mặc tăng khá nhờ hiệu ứng Tết Nguyên đán vào tháng 1.
- Doanh thu bán lẻ dịch vụ tiếp nối đà tăng mạnh 24% (yoy), một phần nhờ hiệu nền thấp.

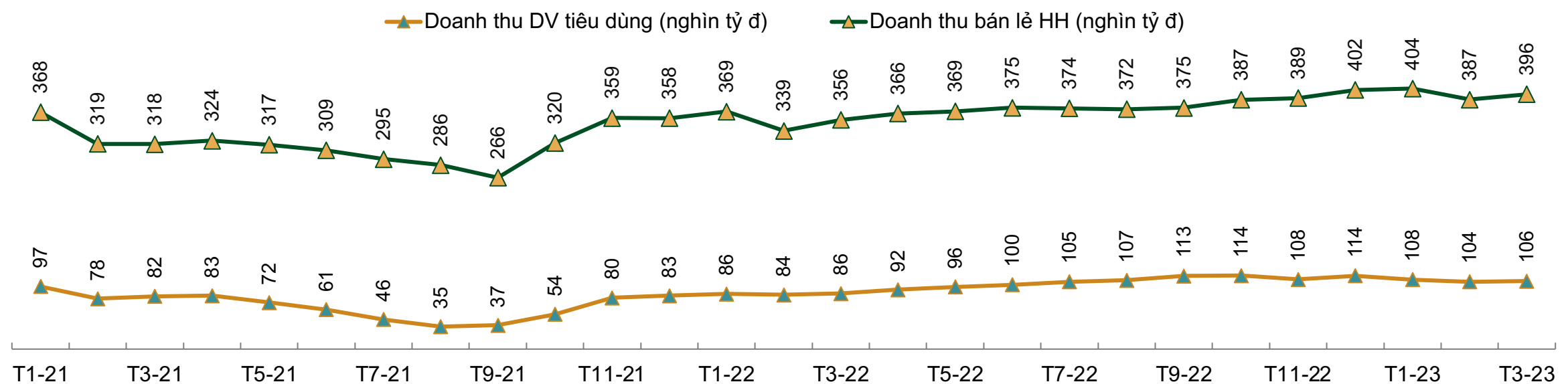
♥ Trong tình hình hoạt động khó khăn của doanh nghiệp, dự báo tiêu dùng trong nước có thể chịu tác động bất lợi.

Cơ cấu Bán lẻ HH&DV Q1.2023 (nghìn tỷ)

Lương thực thực phẩm	422.3	YOY ▲14.6%
Trang thiết bị gia đình	123.7	▲3.90%
Phương tiện vận tải	59.1	▲4.50%
Hàng May mặc	60.1	▲12.30%
Hàng giáo dục, văn hóa	13.1	▼-2.70%
DV Lưu trú, ăn uống	161.1	▲28.4%
DV lữ hành	6.8	▲119.8%
DV khác	150.2	▲17.6%



Tổng mức bán lẻ HH&DV các tháng

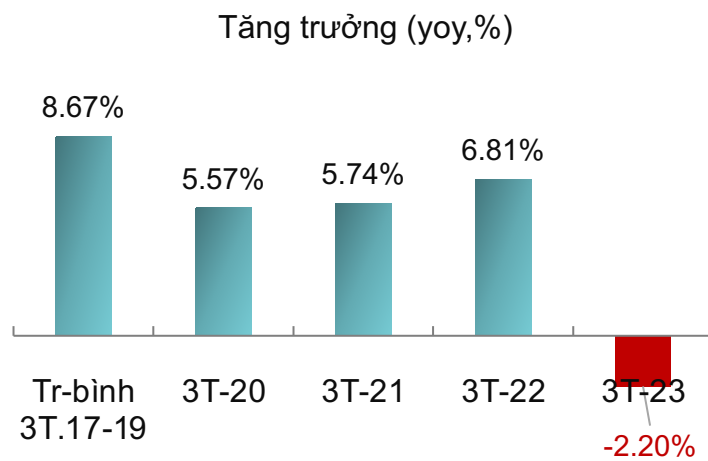


Nguồn: TCTK

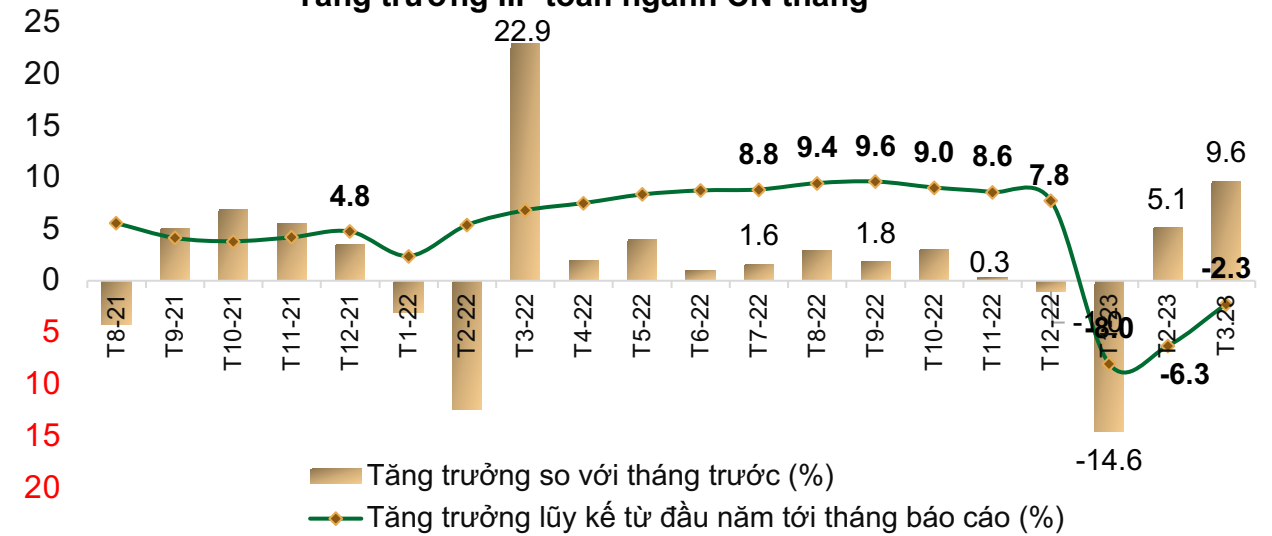
Hoạt động sản xuất công nghiệp giảm sút, triển vọng chưa tích cực

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 3T đầu năm 2023 giảm 2,2% yoy (cùng kỳ năm 2022 tăng 6,8%). Diễn biến chỉ số IIP cho thấy tình hình sản xuất trong Q1.2023 gặp khó khăn. Tuy nhiên, mức độ giảm sút chỉ số IIP có thu hẹp trong tháng 3 (mức sụt giảm 2T.2023 là 6,3%). Chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI tháng 3 là 47,7 – dưới mức 50 cho thấy triển vọng sản xuất các tháng tới chưa có dấu hiệu tích cực.
- Đáng chú ý có sản lượng ô tô, điện thoại, trang phục giảm mạnh, lần lượt giảm 17,8%, 13%, 10% trong Q1.2023. Sản lượng sắt thép tăng khá nhờ nhu cầu phục hồi ở Trung Quốc. Sản lượng xăng dầu Q1.2023 tăng trên 20% yoy.
- Dự kiến hoạt động sản xuất CN tiếp tục bị ảnh hưởng bất lợi từ nhu cầu suy yếu từ Mỹ và EU.

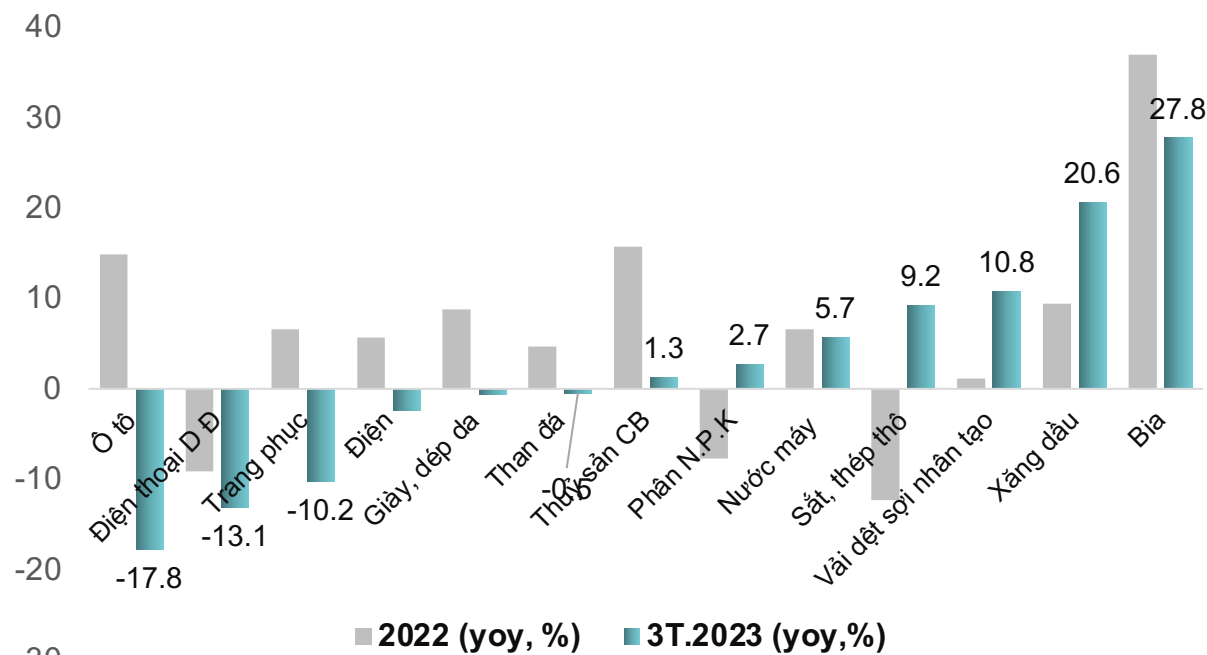
IIP toàn ngành CN lũy kế 3T.2023



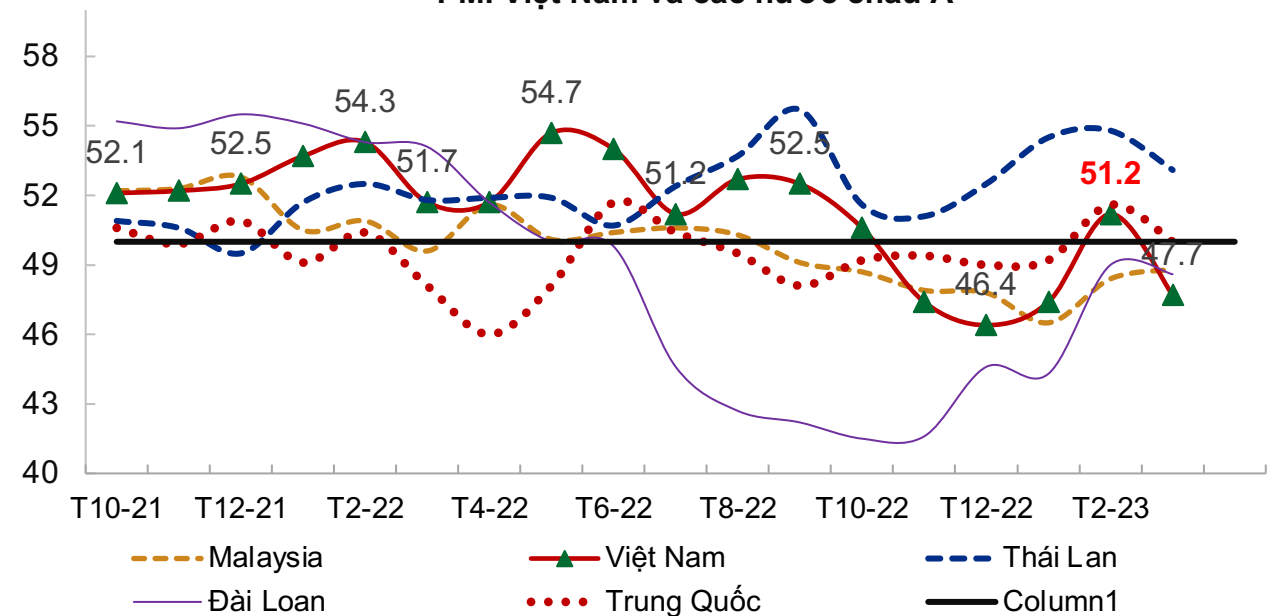
Tăng trưởng IIP toàn ngành CN tháng



Sản lượng một số mặt hàng CN Q1.2023



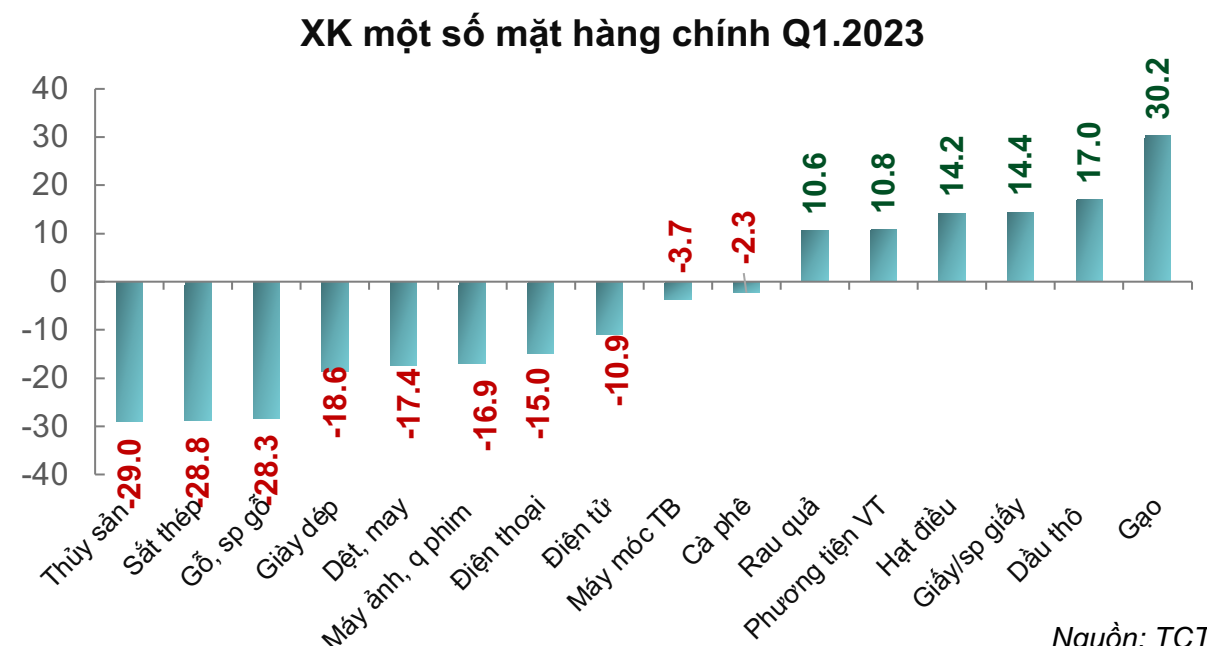
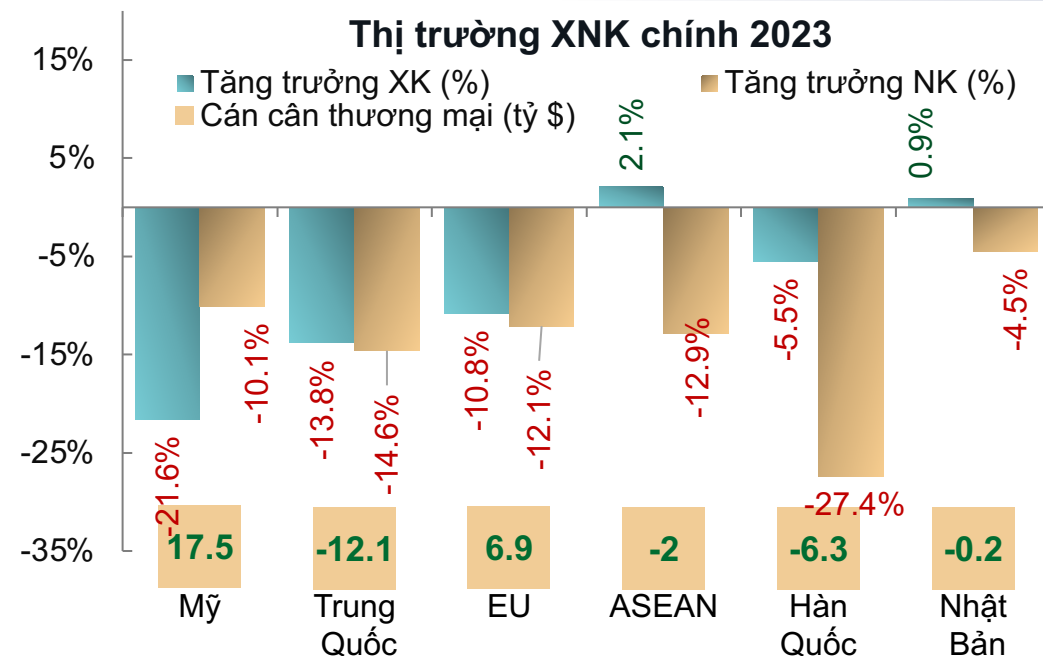
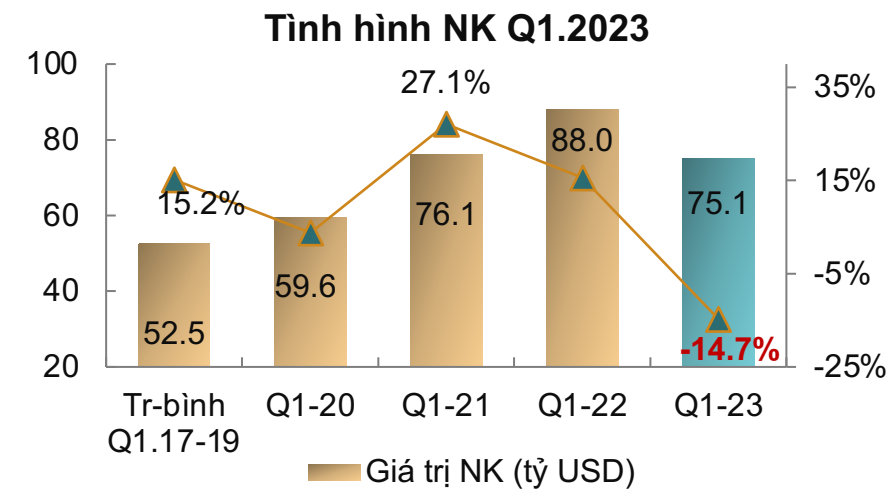
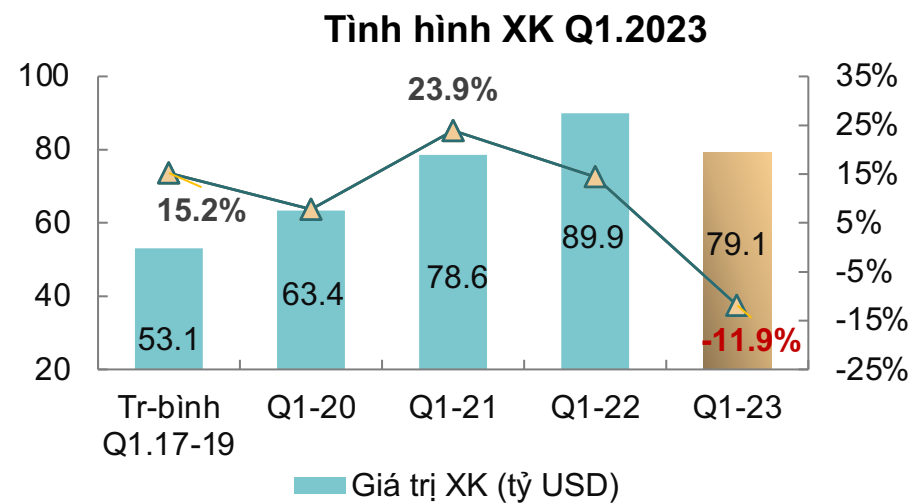
PMI Việt Nam và các nước châu Á



Nguồn: TCTK, TradingEconomy

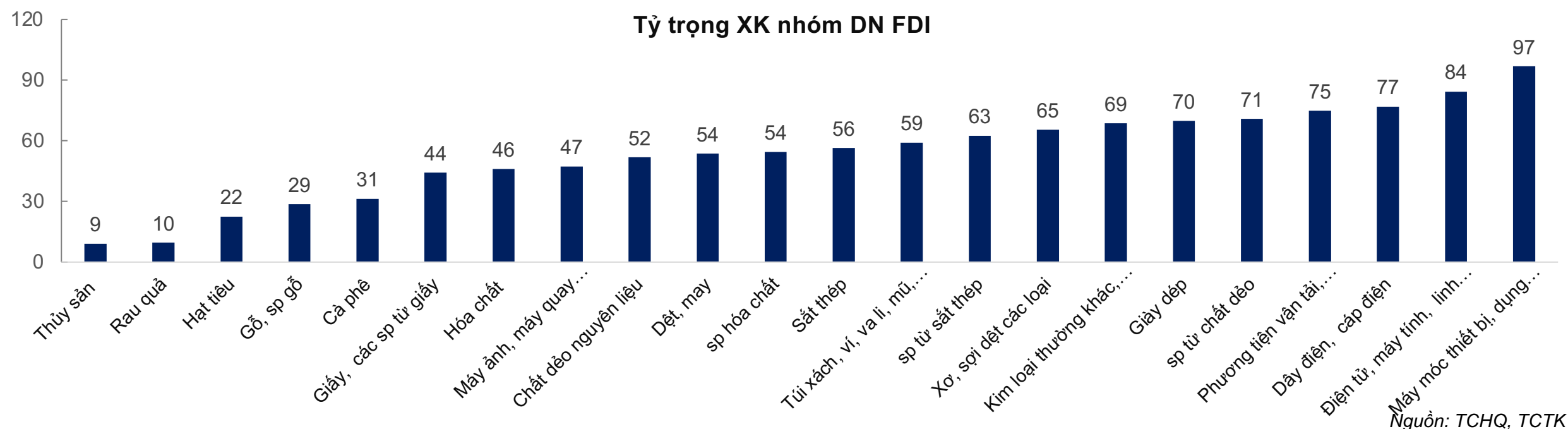
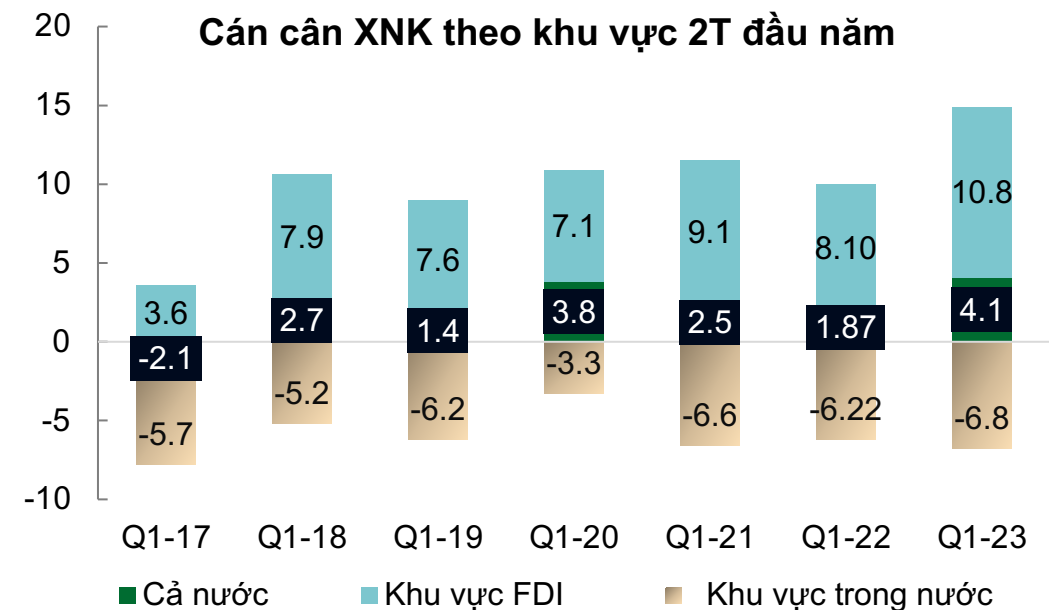
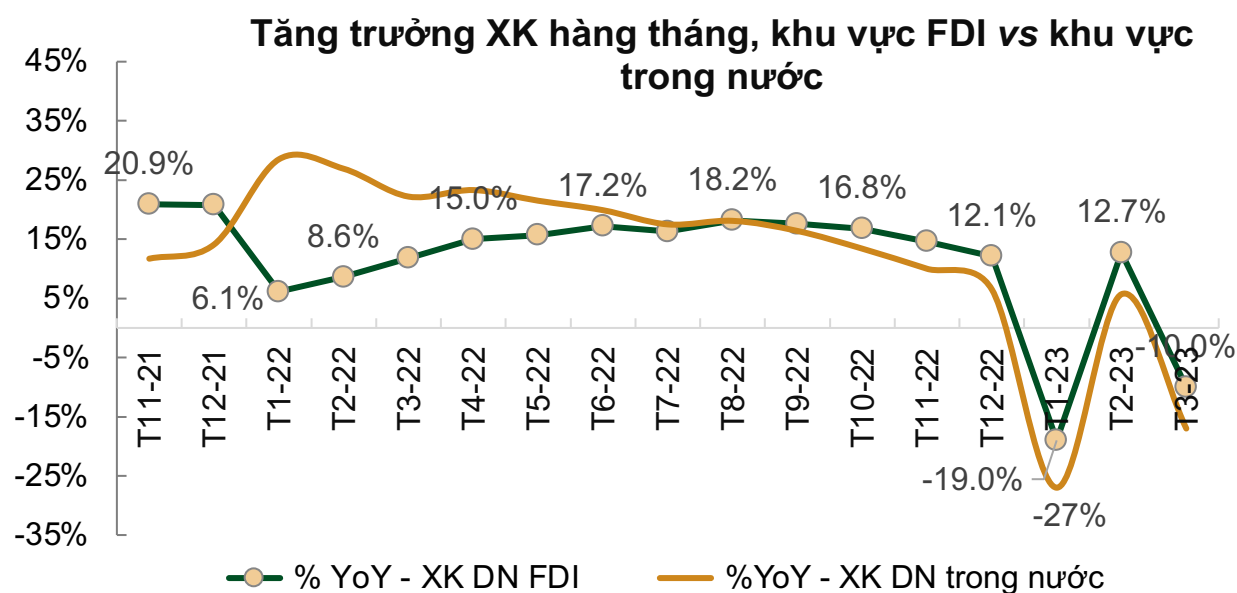
... hoạt động xuất nhập khẩu khó khăn, song xuất siêu được duy trì giúp giảm sức ép lên tỷ giá

- Kim ngạch XNK lũy kế Q1.2022 tiếp tục đà giảm khá mạnh tới 13,3% yoy, trong đó XK giảm gần 12% yoy, NK giảm 14,7% yoy. Tuy nhiên cán cân thương mại vẫn giữ được thặng dư khoảng 4 tỷ USD (3T.2022 xuất siêu 1,87 tỷ USD), góp phần ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối.
- XK đi các thị trường lớn đều giảm trên 10%, trong đó XK đi Mỹ giảm mạnh tới 21,6% yoy, chỉ có thị trường Nhật và ASEAN giữ được mức tăng rất thấp tương ứng 1-2% yoy, phản ánh tình trạng khó khăn của nhiều ngành hàng XK.
- Hầu hết các nhóm hàng XK lớn của Việt Nam bị ảnh hưởng, trong đó đáng chú ý nhất các mặt hàng điện thoại, điện tử, dệt may, da giày, đồ gỗ, thủy sản có mức sụt giảm mạnh so với cùng kỳ và so với quý trước. Các mặt hàng sắt thép, cà phê thu hẹp mức giảm so với cuối Q4.2022. Các mặt hàng XK có mức tăng khá là nhóm nông nghiệp (gạo, rau quả, điều), dầu thô, phương tiện vận tải.
- Triển vọng XK các tháng tới gặp nhiều khó khăn khi sự phục hồi của thị trường Trung Quốc chưa có nhiều đột biến rõ nét, xác suất suy thoái cao hơn ở các thị trường lớn.



Khu vực FDI thu hẹp kim ngạch xuất nhập khẩu

- Hoạt động XNK các DN trong khu vực FDI thu hẹp với kim ngạch XK, NK giảm khá mạnh tới 10%, 15% trong Q1.2023. Tỷ trọng kim ngạch XNK của khu vực FDI cũng giảm nhẹ, lần lượt chiếm 75,6% và 65% kim ngạch XK, NK cả nước. Mặc dù giá trị kim ngạch giảm, giá trị xuất siêu khu vực này vẫn đạt tới 10,8 tỷ USD, cao hơn so với cùng kỳ 2,7 tỷ USD.
- Dòng vốn FDI đang có xu hướng chậm lại. Do tình hình đầu ra khó khăn, mặt bằng lãi suất cao nên các DN FDI không có kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lao động tại các DN FDI trong tháng 3.2023 tăng 1% so với tháng trước và giảm 2,2% so với cùng kỳ 2022.

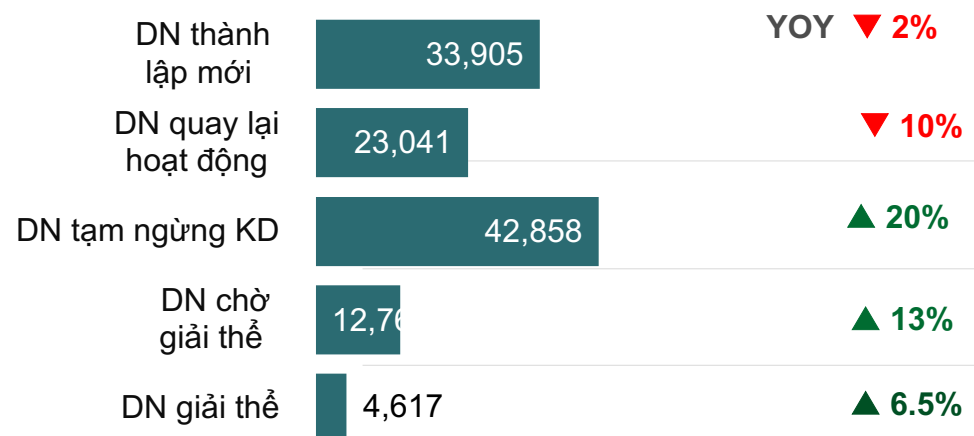


Nguồn: TCHQ, TCTK

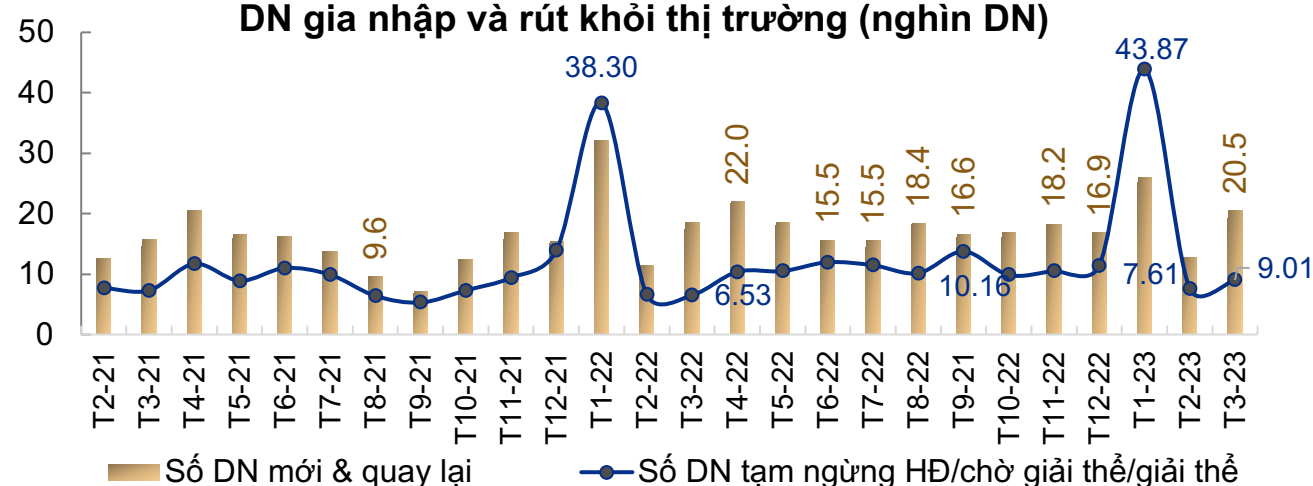
Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và giải thể tăng mạnh trong Quý 1

- Tổng số DN tạm ngừng hoạt động và giải thể, chờ giải thể trong 3T.2023 lên tới trên 60 nghìn DN, tăng 17,4% so với 3T.2022 là giai đoạn cao điểm của dịch covid trong 2022, phản ánh tình hình khó khăn của DN khi thiếu đơn hàng và lãi suất ở mức cao. Tổng số DN thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong 3T.2023 là gần 57 nghìn DN, giảm trên 5% so với cùng kỳ. Bình quân một tháng có gần 19 nghìn DN gia nhập thị trường và có 20 nghìn DN rút lui khỏi thị trường.**
- Chỉ số sử dụng lao động ngành CN tại thời điểm 01/3/2023 giảm 2,3% so với cùng thời điểm năm 2022 phản ánh số DN giải thể, khó khăn và cắt giảm lao động. Tổng số lao động bị mất việc lên tới 149 nghìn lao động, tập trung (khoảng 55%) trong các ngành dệt may, da giày, sản xuất linh kiện và điện tử với tỷ trọng tương ứng là 19,5%, 18,6% và 17%, ở các tỉnh có nhiều khu công nghiệp như Đồng Nai, Bình Dương, Bắc Ninh**

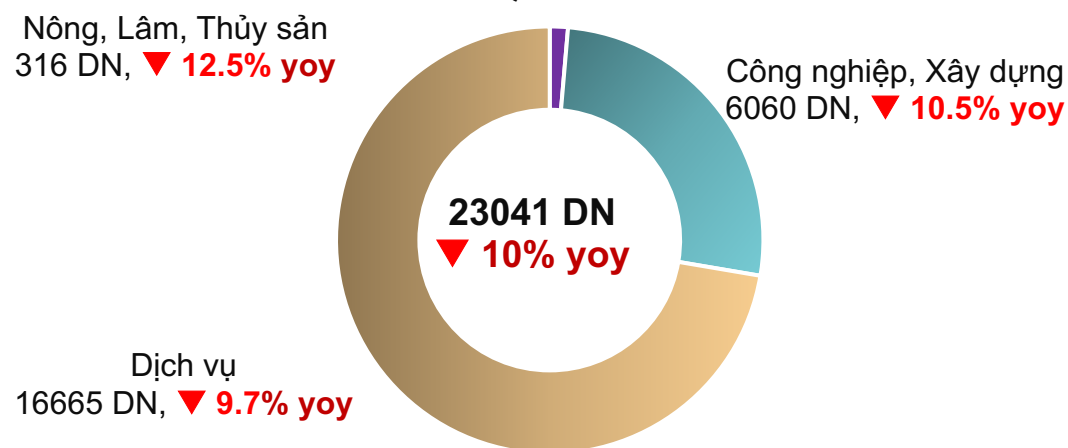
Tình hình hoạt động DN Q1.2023 (DN)



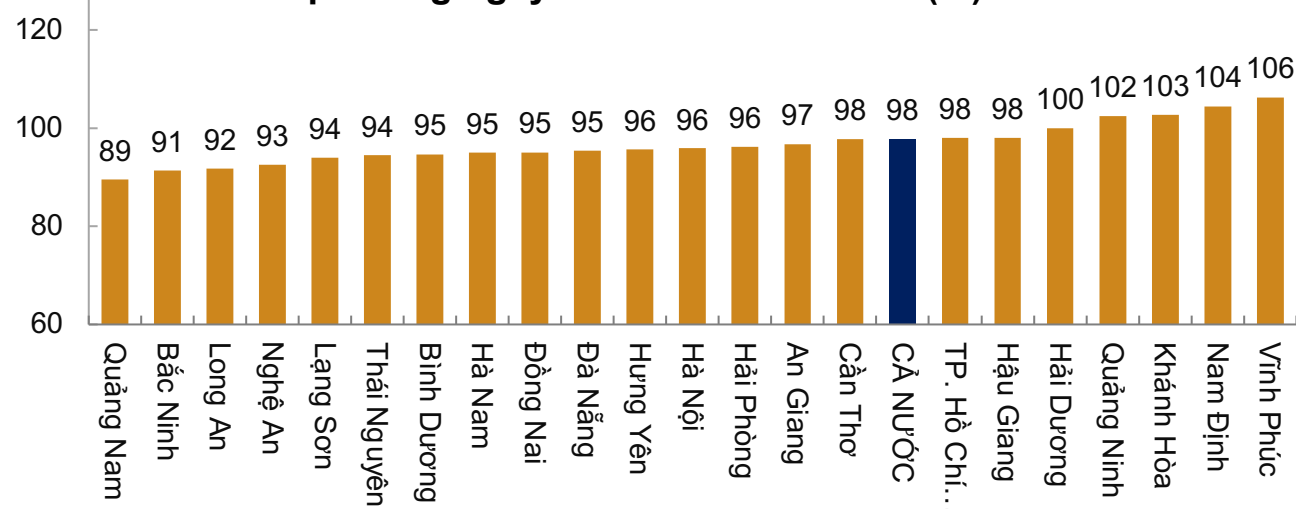
DN gia nhập và rút khỏi thị trường (nghìn DN)



Tổng số lượng các DN thành lập mới theo lĩnh vực Q1.2023



Chỉ số sử dụng lao động ngành Công nghiệp tại các địa phương ngày 1/3/2023 so 1/3/2022 (%)



Nguồn: TCTK

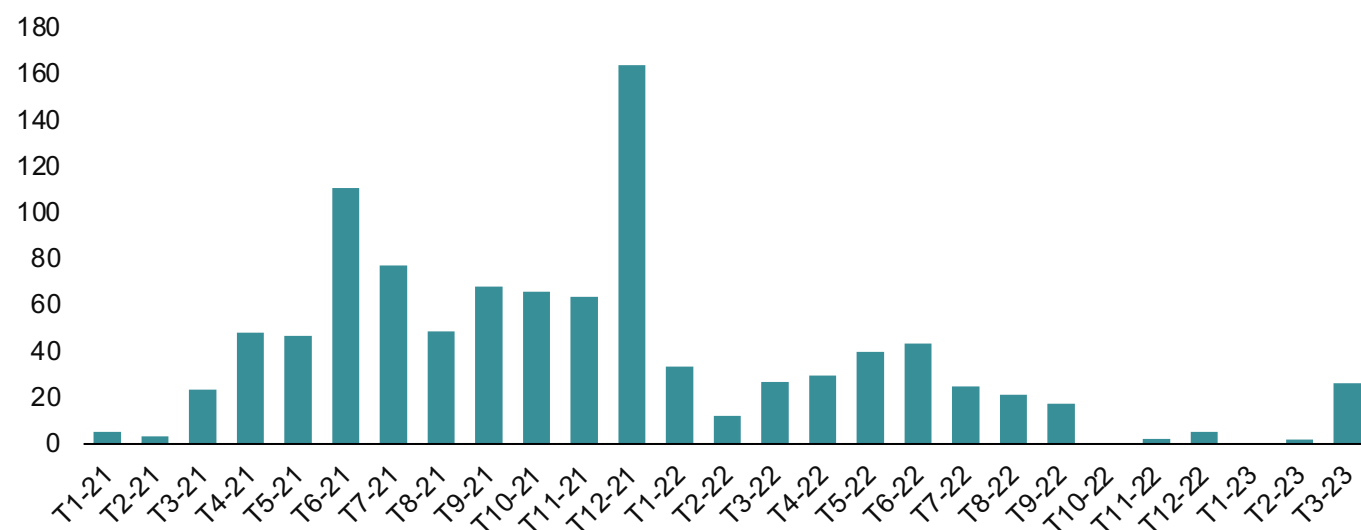
TỔNG QUAN

- Thị trường tài chính có những dấu hiệu khả quan bước đầu trong T3 khi một số DN lớn phát hành thành công TPDN và thị trường chứng khoán tăng nhẹ sau khi các chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường được thực thi và NHNN chuyển hướng CSTT nói lỏng. Tuy nhiên, thách thức với thị trường tài chính là rất lớn khi các vấn đề liên quan đến thị trường TPDN chưa được giải quyết (DN mất thanh khoản, áp lực đáo hạn lớn, mất niềm tin NĐT); thị trường chứng khoán rủi ro cao và thiếu động lực khi thanh khoản liên tục giảm thấp.
- Hoạt động hệ thống ngân hàng tăng trưởng chậm so với cùng kỳ nhưng đang dần cải thiện, tín dụng và huy động Q1 lần lượt đạt 2,06% và 0,77%. Tín dụng có thể tăng khá hơn khi gói tín dụng 120.000 tỷ cho phân khúc nhà ở xã hội chính thức được triển khai từ 1/4/2023. Mặt bằng lãi suất đang điều chỉnh sau 2 lần giảm lãi suất điều hành của NHNN, lãi suất huy động (giảm 0,5-1 điểm %) và cho vay (giảm 0,4 điểm %) có thể tiếp tục giảm trong Q2. Mặc dù vậy, ngân hàng có thể tiếp tục đối mặt với rủi ro nợ xấu tăng cao và suy giảm lợi nhuận trong bối cảnh suy giảm kinh tế.
- Thu hút vốn FDI giảm mạnh mặc dù giải ngân FDI vẫn đạt mức khá. Kinh tế toàn cầu suy giảm sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư và giá trị giải ngân những tháng tới.
- Chi đầu tư phát triển tăng về giá trị nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra, tỷ lệ giải ngân đầu tư công mới đạt 10,35% kế hoạch CP giao. Kỳ vọng đầu tư công có thể được đẩy mạnh trong thời gian tới để tạo động lực cho tăng trưởng.
- NHNN chuyển hướng thực thi chính sách tiền tệ nói lỏng thận trọng, thích ứng với diễn biến vĩ mô: (i) tăng cường cung ứng thanh khoản; (ii) giảm lãi suất điều hành làm cơ sở giảm mặt bằng lãi suất thị trường; (iii) hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; (iv) kiểm soát lạm phát trong mức mục tiêu.

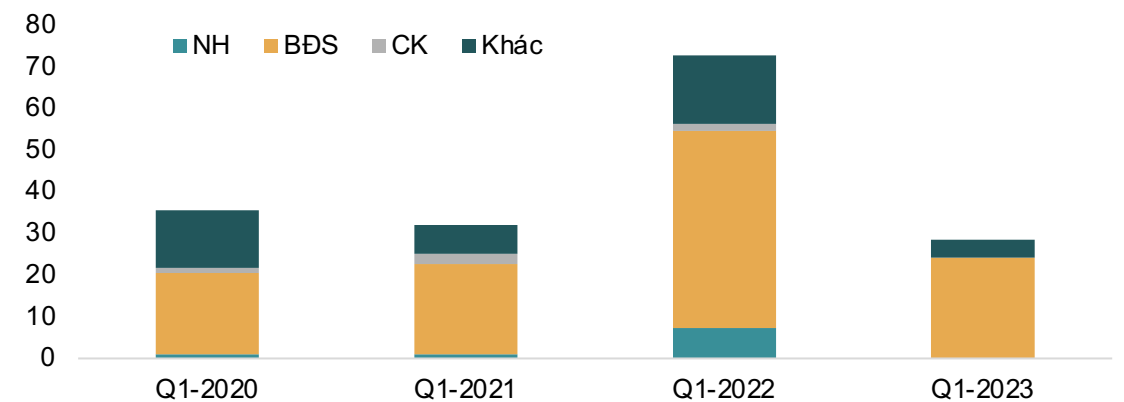
Thị trường TPDN có tín hiệu tích cực sau giai đoạn ảm đạm

- Thị trường TPDN có dấu hiệu khởi sắc hơn khi một số lô TPDN BĐS trị giá 26,4 nghìn tỷ phát hành thành công trong T3, đưa tổng giá trị phát hành Q1.2023 đạt tỷ 28,5 nghìn tỷ (~39% giá trị cùng kỳ). Nghị định 08/2023/NĐ-CP và Nghị quyết 33/NQ-CP đã phần nào giảm bớt khó khăn cho thị trường khi các DN lớn có cơ hội phát hành.
- Tuy nhiên, thách thức cho thị trường trong 2023 còn rất lớn: (i) niềm tin NĐT chưa thể khôi phục khi nhiều DN phát hành chưa thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (63 DN vi phạm nghĩa vụ nợ, 4 DN giãn nợ); (ii) DN đối mặt áp lực đáo hạn TP lớn (khoảng 263 nghìn tỷ trong 2023, trong đó TPDN phi ngân hàng chiếm 79%) mặc dù hoạt động mua lại TP trước hạn vẫn tiếp tục được thực hiện (Q1 đạt 25,1 nghìn tỷ); (iii) DN khó huy động vốn khi mặt bằng LS dù đã giảm nhưng vẫn ở mức khá cao.

Giá trị TPDN phát hành thành công (nghìn tỷ đồng)

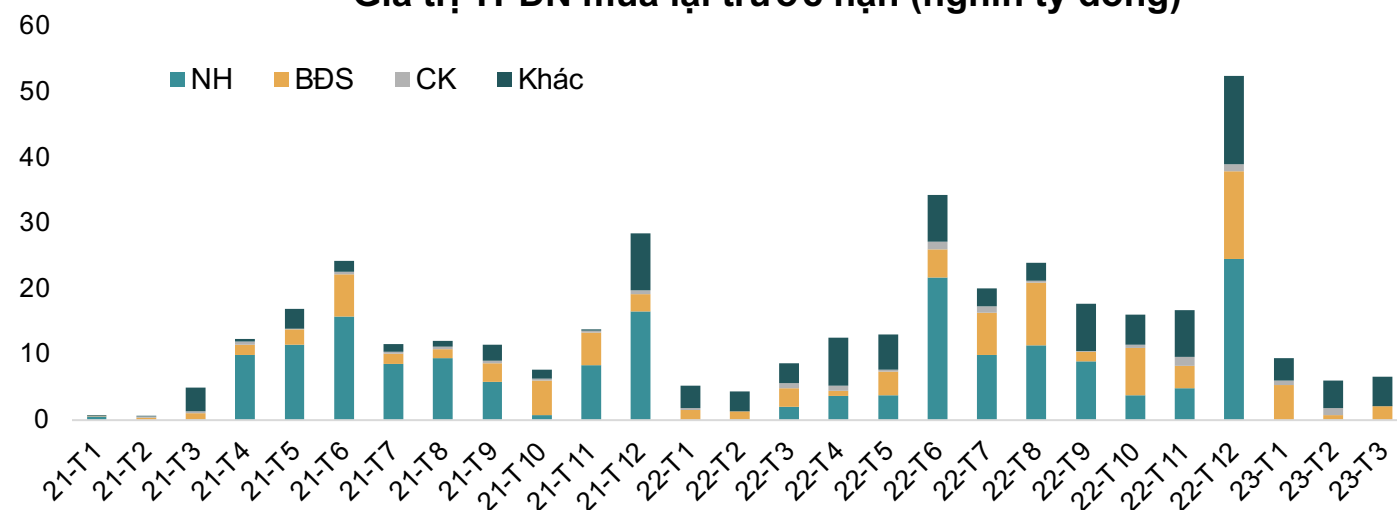


Giá trị TPDN phát hành theo chủ thể (nghìn tỷ đồng)

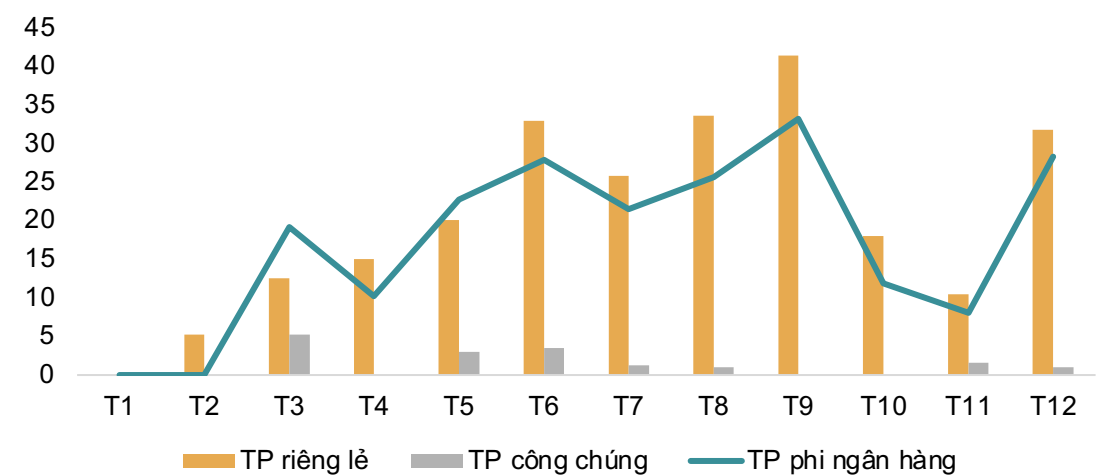


Nguồn: HNX, Fiin Pro

Giá trị TPDN mua lại trước hạn (nghìn tỷ đồng)



Giá trị TPDN đáo hạn 2023 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: HNX, VBMA

Thị trường chứng khoán hồi phục chưa rõ ràng

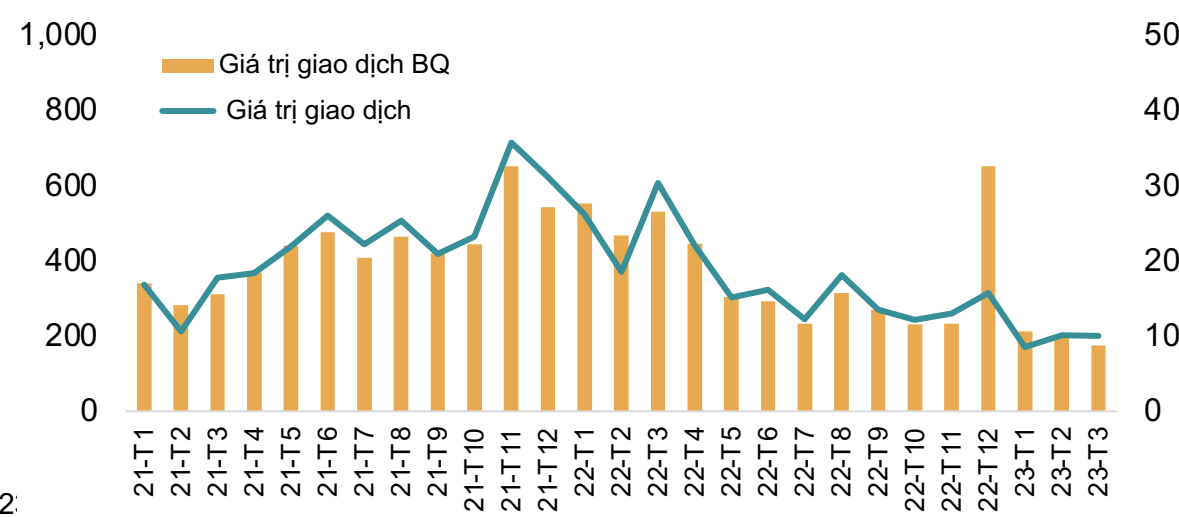
▼ Sau khi chứng lại trong 2T đầu năm, thị trường bắt đầu những phiên tăng nhẹ trong nửa cuối T3, lên mức 1.059,44 điểm, tăng 3,39% (MoM) và tăng 5,71% (Ytd). Tuy nhiên, xu hướng hồi phục của thị trường chưa chắc chắn khi:

- Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức thấp, bình quân T3 chỉ đạt khoảng 8,7 nghìn tỷ/phiên (giảm 14% so với T2).
- NĐTNN mua ròng trở lại trong T3 với giá trị khá khiêm tốn (khoảng 2,8 nghìn tỷ).
- Thị trường tiềm ẩn rủi ro và thiếu động lực tăng trưởng: (i) NĐT mất niềm tin sau nhiều sai phạm trên thị trường tài chính; (ii) hoạt động DN khó khăn trong bối cảnh kinh tế suy giảm, thị trường BĐS đóng băng và mặt bằng lãi suất còn khá cao.

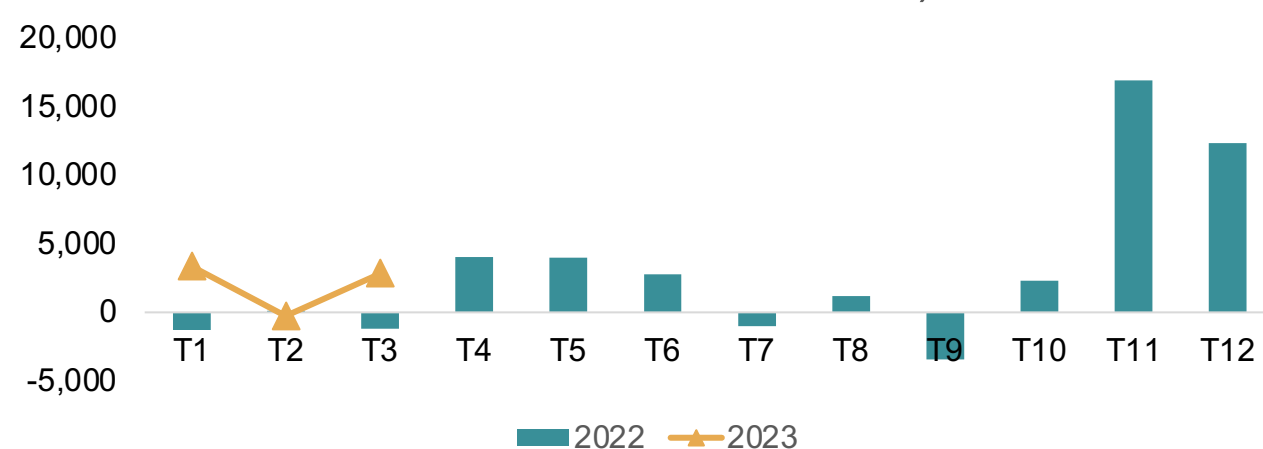
Diễn biến chỉ số VN Index



Giá trị giao dịch thị trường HSX (nghìn tỷ đồng)



Mua/bán ròng NĐTNN (tỷ đồng)



Chỉ số chứng khoán

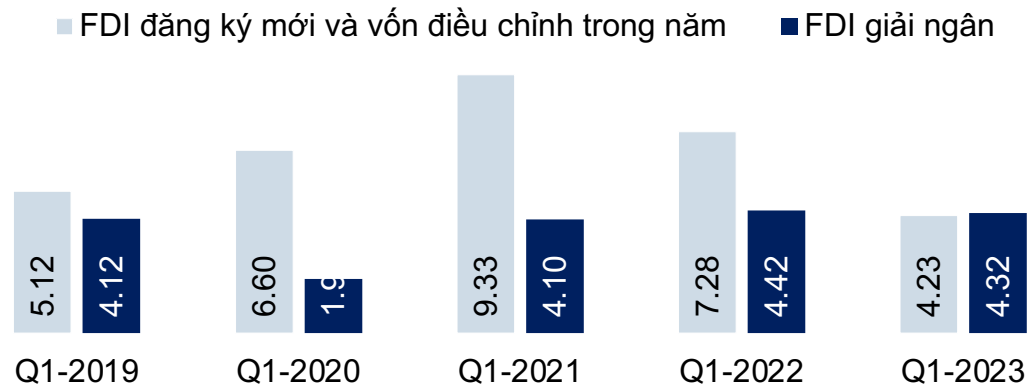
Chỉ số	31/03/2023	+/- so với 28/02/2023	+/- so với 31/12/2022
VN-Index	1,064.64	▲ 3.39%	▲ 5.71%
HNX-Index	207.5	▲ 1.76%	▲ 1.07%
UPCOM	76.76	▲ 0.06%	▲ 7.13%

Nguồn: HNX, HSX, Fiin Pro, Stockbiz

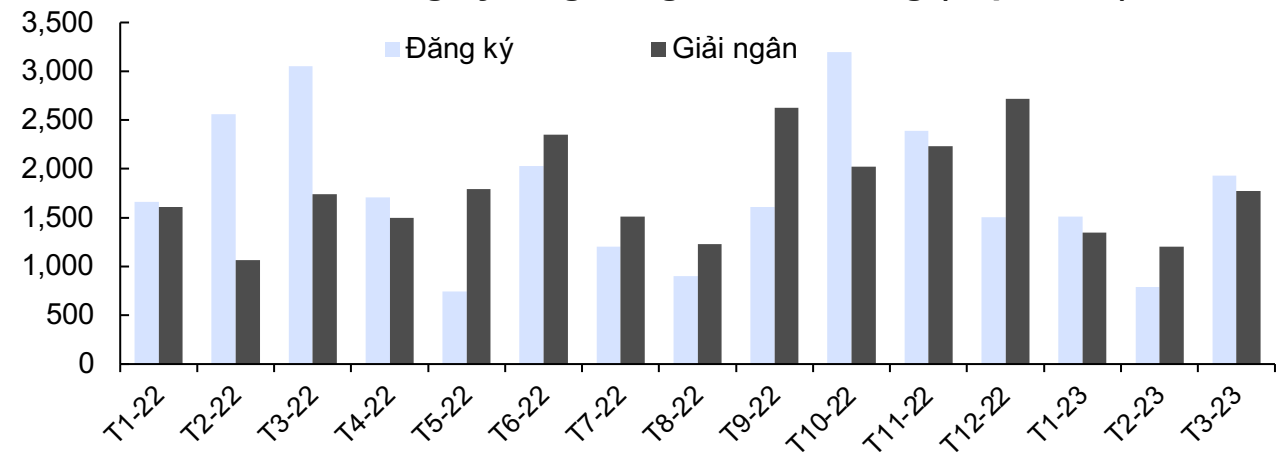
Thu hút vốn đầu tư FDI giảm mạnh

- FDI đăng ký (mới và điều chỉnh) Q1 giảm mạnh 41,8% (YoY) xuống còn 4,23 tỷ USD, mặc dù có sự cải thiện hơn trong T3. Nguyên nhân chủ yếu do: (i) lượng vốn điều chỉnh tăng chậm do hoạt động XK gặp khó khăn, các DN FDI hiện hữu không có nhu cầu mở rộng quy mô; (ii) thiếu các dự án quy mô lớn như các năm trước (số dự án quy mô nhỏ dưới 1 triệu USD chiếm gần 70% số dự án mới nhưng chỉ chiếm 2,2% tổng vốn đầu tư).
 - Công nghiệp chế biến - chế tạo vẫn là ngành thu hút vốn hàng đầu, chiếm 73% vốn đầu tư đăng ký trong Q1. Mặc dù kinh tế toàn cầu khó khăn, Việt Nam vẫn đón nhận tín hiệu tích cực khi thu hút được 2 dự án công nghệ cao của Singapore và Trung Quốc vào lĩnh vực thiết bị điện tử, pin năng lượng tại Bắc Giang với tổng giá trị 760 triệu USD.
 - Singapore, Trung Quốc là những quốc gia đầu tư lớn nhất vào VN với tỷ trọng 47% tổng vốn FDI, trong khi Hàn Quốc là đối tác quan trọng khi dẫn đầu về số dự án đăng ký mới, số lượt điều chỉnh vốn và góp vốn lớn nhất.
- FDI giải ngân Q1 duy trì mức khá, đạt 4,32 tỷ USD (chỉ giảm 2,2% so với cùng kỳ) nhờ sự tăng lên trong T3. Tuy nhiên, giá trị giải ngân dự báo sẽ chậm lại khi hoạt động thu hút FDI đang suy giảm mạnh.
- FII Q1.2023 đạt 1,2 tỷ USD, giảm 25,4% (YoY) thể hiện tâm lý lo ngại của các NĐT trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm và thị trường tài chính trong nước rủi ro cao.

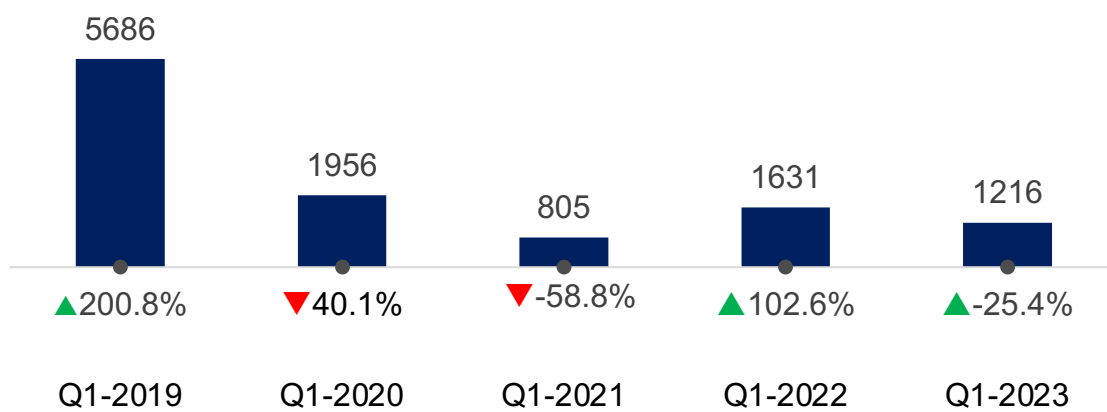
Vốn FDI đăng ký và giải ngân trong Q1 (tỷ USD)



FDI đăng ký và giải ngân theo tháng (triệu USD)



FII vào Việt Nam trong Q1 (triệu USD)



Top 10 quốc gia đăng ký đầu tư vào Việt Nam Q1.2023

Quốc gia	Số DA cấp mới	Vốn FDI (Triệu USD)	%YOY
Tổng số	522	4,231.3	▼41.8%
Singapore	75	1,467.4	▼18.5%
Trung Quốc	77	512.8	▼40.5%
Hồng Kông	42	433.4	▼24.2%
Hàn Quốc	81	417.2	▼71.2%
Đài Loan	33	354.3	▲18.6%
Nhật Bản	63	269.4	▼50.2%
Thổ Nhĩ Kỳ	0	182.4	▲▲▲%
Thụy Điển	3	163.6	▲▲▲%
Samoa	5	60.9	▼42.4%
Israel	2	60.0	▲▲▲%

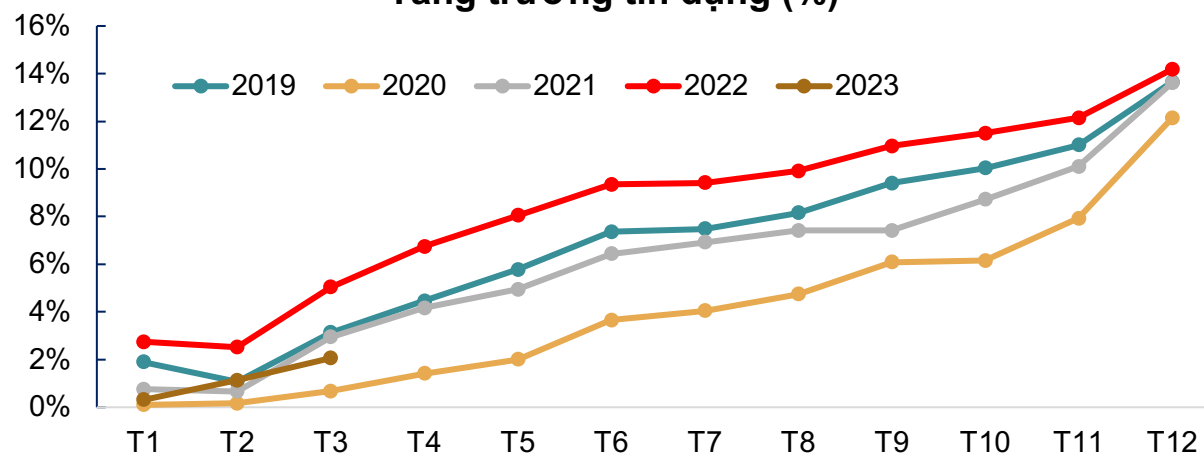
Nguồn: Bộ kế hoạch và Đầu tư

Nguồn: TCTK

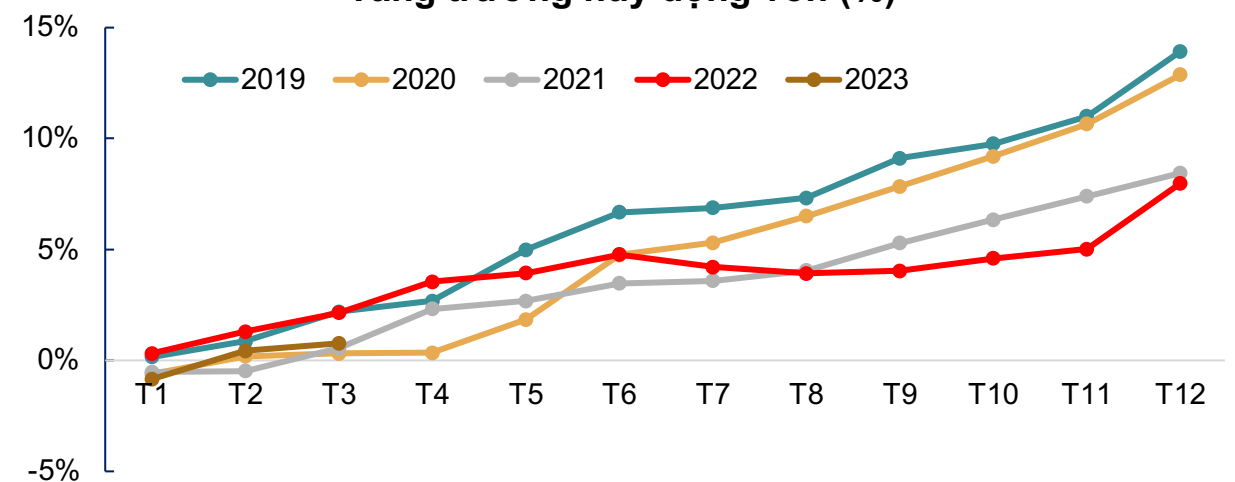
Tín dụng ngân hàng và huy động vốn tăng chậm nhưng đang được cải thiện hơn

- Tăng trưởng tín dụng tính đến 28/3/2023 đạt 2,06%, chậm hơn so với cùng kỳ do: (i) hoạt động SXKD của DN khó khăn do cầu nước ngoài và trong nước suy yếu; (ii) mặt bằng lãi suất cho vay vẫn ở mức cao dù đã có điều chỉnh giảm. Kỳ vọng tín dụng có thể tăng hơn khi gói tín dụng 120 nghìn tỷ cho nhà ở thu nhập thấp được triển khai từ 1/4/2023.
- Huy động vốn Q1 tăng 0,77% (Ytd), là mức tăng khá so với mức giảm 0,84% trong T1.2023. Huy động vốn chịu ảnh hưởng bởi lượng tiền cung ứng đầu năm thấp, kinh tế khó khăn khiến thu nhập giảm sút, và lượng tiền đọng trong TT BĐS và TPDN; tuy nhiên, hoạt động này đang cải thiện dần khi CSTT nói lỏng thận trọng được thực thi.
- Trong Q1.2023, nhiều NHTM điều chỉnh giảm LSHĐ thêm 0,2-1%/năm cho kỳ hạn từ 6-12T sau khi đã giảm khoảng 0,5% trước đó (chủ yếu kỳ hạn trên 12T). Theo đó, LSCV bình quân đã giảm hơn 0,4%/năm, tuy nhiên vẫn ở mức cao so với khả năng của doanh nghiệp. Dự báo mặt bằng lãi suất có thể giảm hơn trong Q2.
- Rủi ro nợ xấu gia tăng và lợi nhuận ngân hàng có thể bị thu hẹp trong năm nay khi: thị trường BĐS chưa được tháo gỡ, hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn.

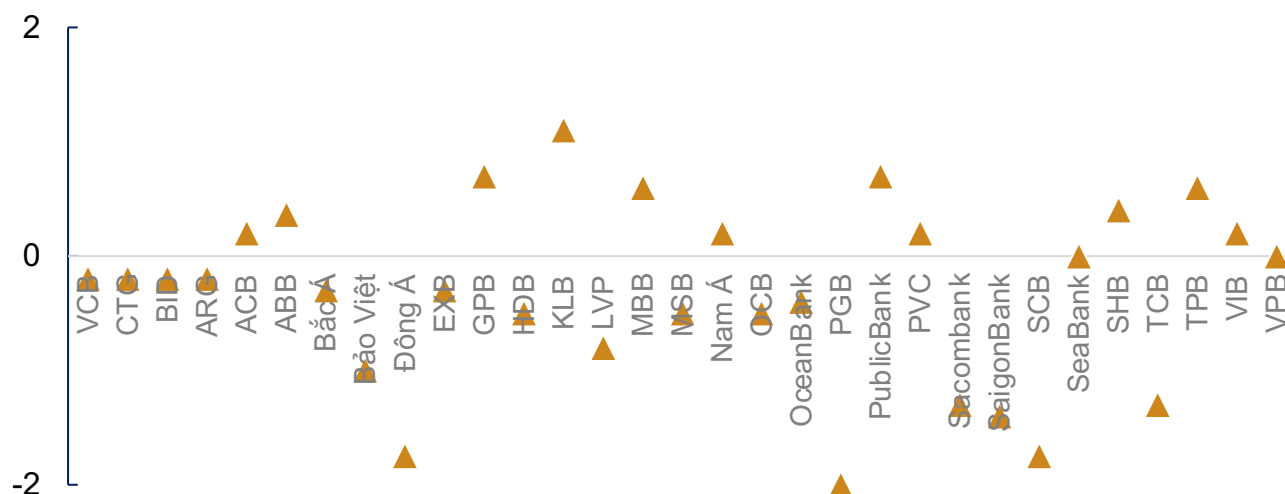
Tăng trưởng tín dụng (%)



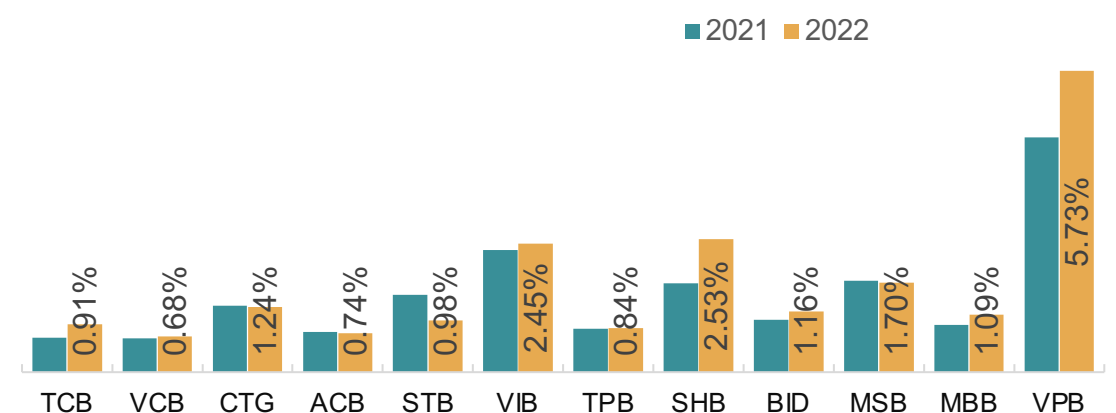
Tăng trưởng huy động vốn (%)



Mức thay đổi lãi suất huy động 12T trong Q1 (%)



Tỷ lệ NPL các NHTM (%)



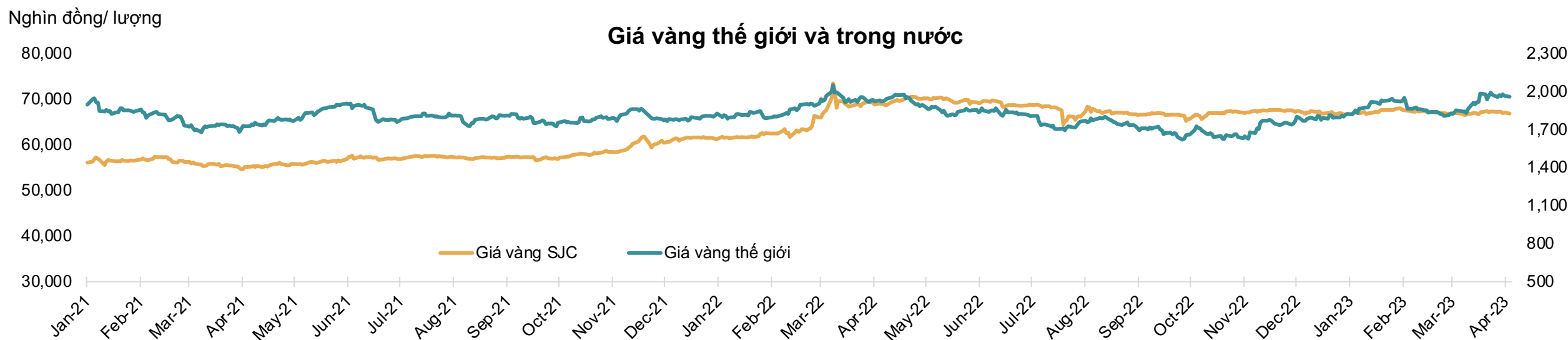
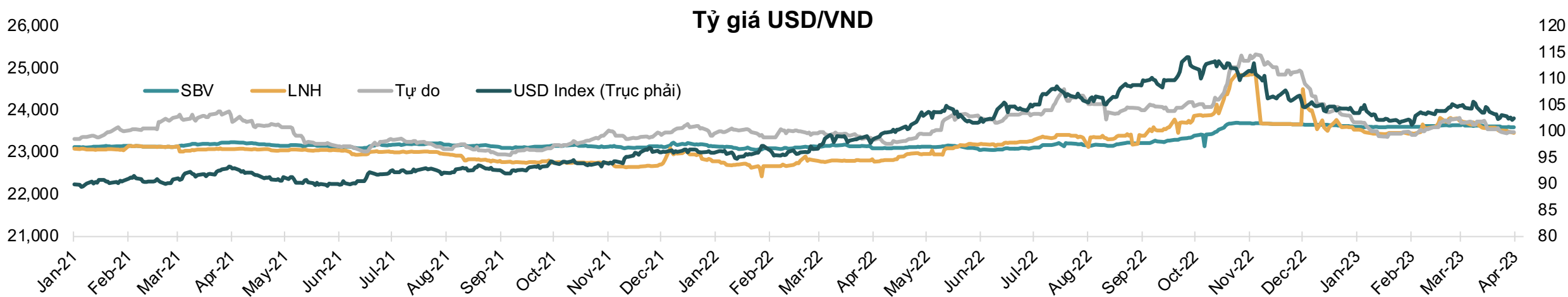
Tỷ giá USD/VND tương đối ổn định

Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định khi các yếu tố gây áp lực giảm sút:

- Tỷ giá trên thị trường tự do và LNH biến động nhẹ trong Q1. Tính đến cuối T3.2023, tỷ giá lần lượt giảm 0,36% và 0,97% (Ytd) trên thị trường liên ngân hàng và trên TT tự do sau khi giảm tương đối trong T3 (lần lượt giảm 1,2% và 1,4%, MoM)
- Các yếu tố gây áp lực lên tỷ giá đã suy giảm: (i) tốc độ tăng lãi suất của Fed giảm dần trong bối cảnh Mỹ đang đứng trước hai nhiệm vụ kiểm soát lạm phát và ổn định hệ thống tài chính sau sự kiện sụp đổ tại một số ngân hàng; (ii) thặng dư thương mại và giải ngân FDI được duy trì hỗ trợ ổn định tỷ giá; (iii) NK giảm mạnh do kinh tế suy giảm.
- NHNN liên tục mua ròng ngoại tệ 4 tỷ USD trong Q1 khi tỷ giá hạ nhiệt.

Dự báo tỷ giá USD/VND giảm nhẹ hoặc ổn định trong các tháng tới do: (i) USD index đã giảm mạnh, và khó có thể tăng cao như trong 2022, đặc biệt trong bối cảnh bất ổn hệ thống ngân hàng tại Mỹ; (ii) mức điều chỉnh lãi suất của Fed giảm dần và có thể dừng tăng sớm hơn dự kiến; (iii) nhu cầu nhập khẩu có thể tiếp tục chậm lại.

Giá vàng trong nước chủ yếu đi ngang trong Q1, trái ngược với xu hướng biến động mạnh, tăng giảm qua từng tháng của giá vàng thế giới. Trong T3, đồng USD giảm giá đã khiến vàng thế giới đã tăng 7,7% (MoM) và tăng 7,9% (Ytd) và chênh lệch khoảng 10 triệu đồng/lượng so với vàng trong nước.



NHNN chuyển hướng nới lỏng CSTT thận trọng, hỗ trợ nền kinh tế

▼ NHNN chuyển hướng điều hành từ CSTT chặt chẽ sang CSTT nới lỏng thận trọng:

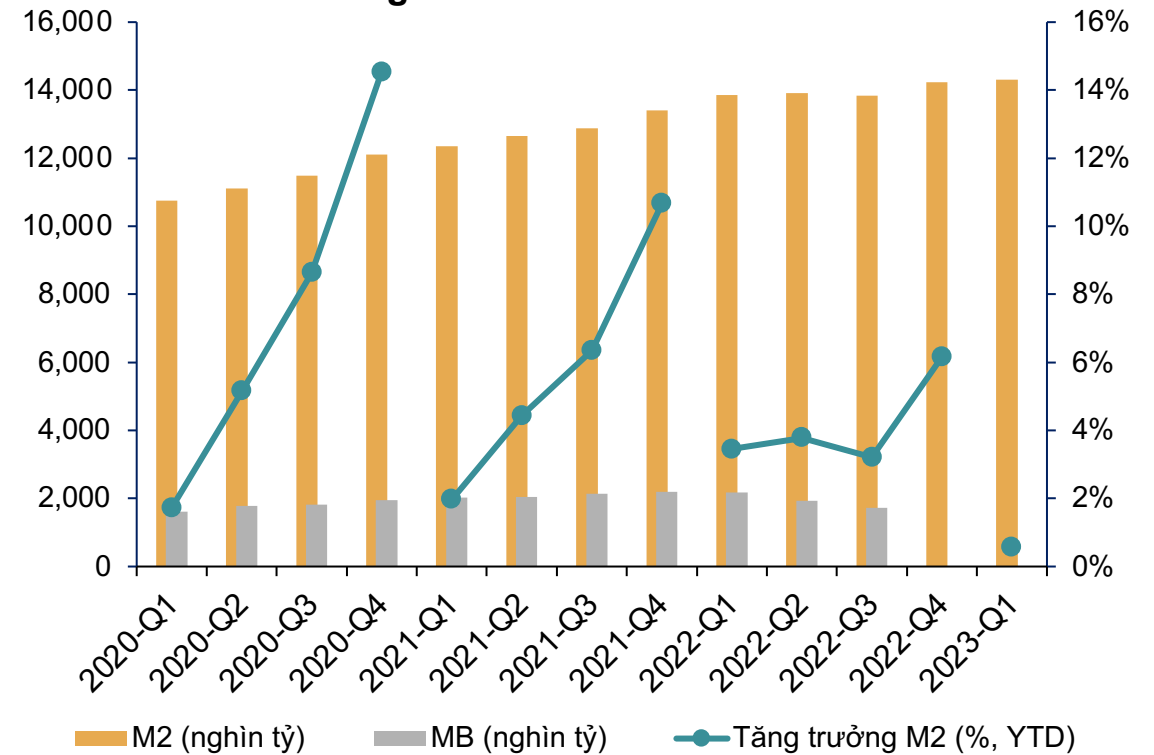
- Trong T3, NHNN đã lần lượt giảm LSTCK (1 điểm %) và LSTCV (0,5 điểm %) và các mức LS khác từ 0,5-1 điểm % (trần LSHĐ<6T, LSCV qua đêm, LSCV ưu tiên, ...);
- Cung ứng thanh khoản cho thị trường: (i) Mua ngoại tệ ròng 4 tỷ USD trong Q1; (ii) Bơm ròng 28 nghìn tỷ trong T3 sau khi hút ròng 72,85 nghìn tỷ VND qua OMO trong 2T trước đó;
- Thực hiện phân bổ dần hạn mức tín dụng cho một số ngân hàng.

▼ Đồng thời, NHNN ban hành Công văn 2308/NHNN-TD triển khai gói tín dụng 120 nghìn tỷ cho vay nhà ở xã hội/ nhà ở công nhân và nghiên cứu cơ chế giãn, hoãn nợ cho các đối tượng gặp khó khăn do khách quan.

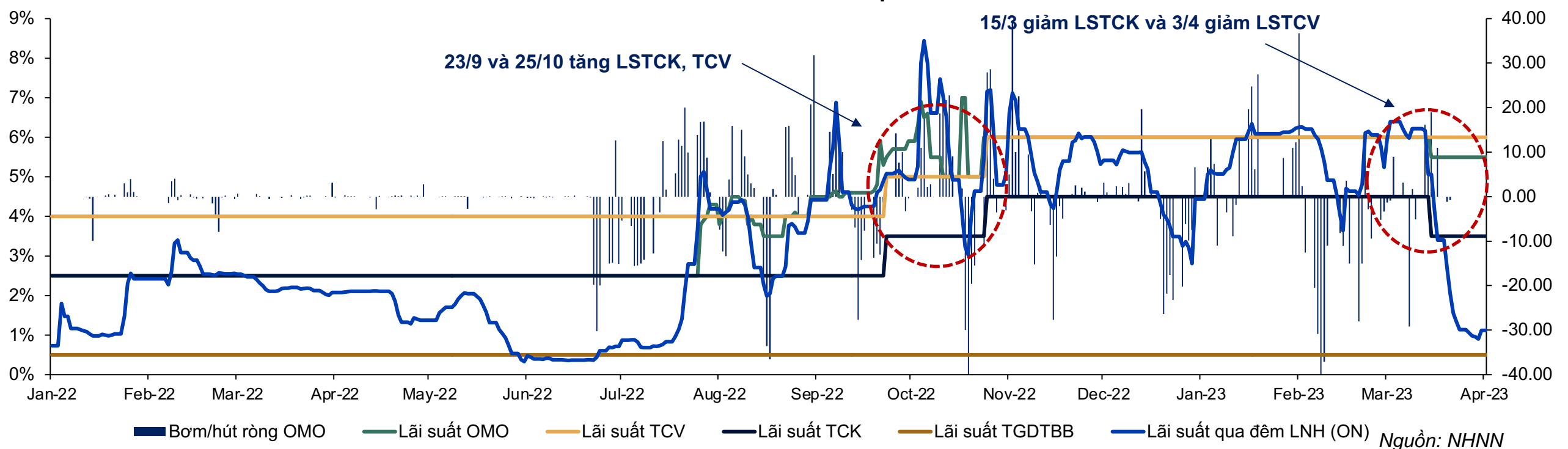
▼ Thực hiện mục tiêu: (i) Giảm LSLNH từ mức 5-6% xuống mức 1-2%; (ii) Cung ứng tiền, hỗ trợ nền kinh tế; (iii) Kiểm soát lạm phát trong mức mục tiêu.

▼ Dự báo NHNN có thể tiếp tục hạ lãi suất điều hành, mua ngoại tệ để hỗ trợ kinh tế trước các dấu hiệu suy giảm rõ nét.

Mức cung tiền M2 và tiền cơ sở MB



Điều hành chính sách tiền tệ của NHNN



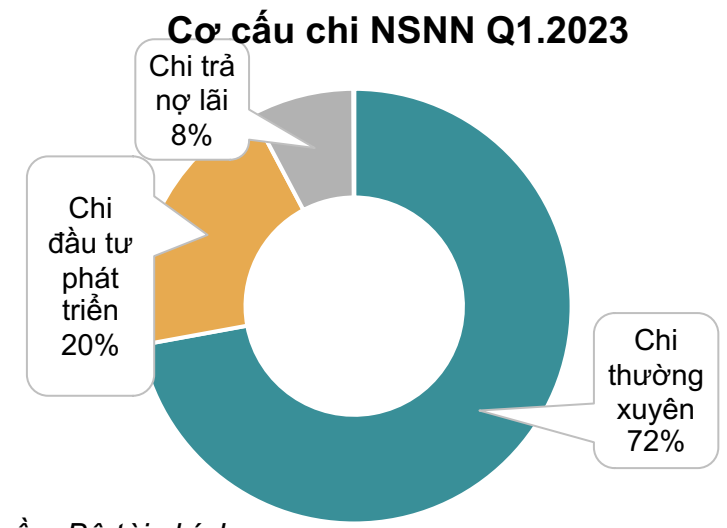
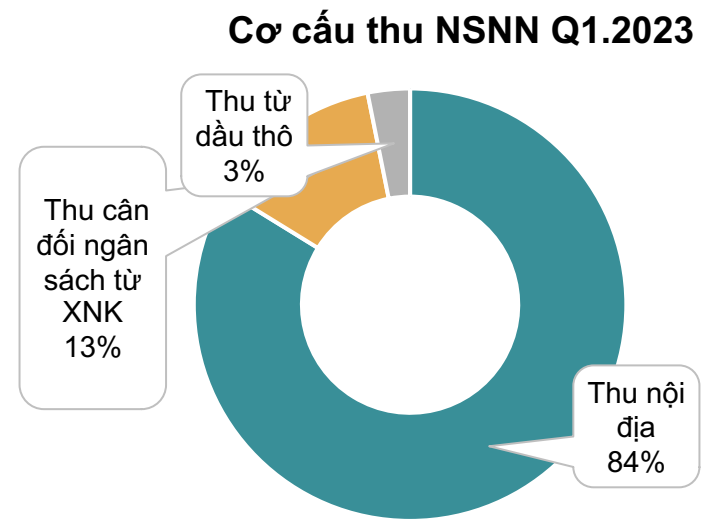
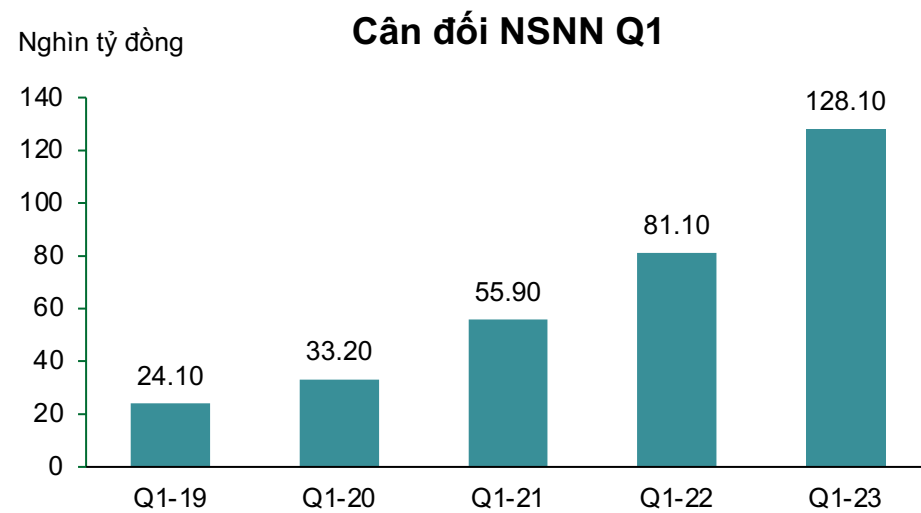
Giải ngân đầu tư công kỳ vọng được đẩy mạnh theo chủ trương của Chính phủ

✔ **Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN Q1.2023 tăng 18,1% (YoY), đạt 91,5 nghìn tỷ đồng, bằng 13,4% kế hoạch. Tỷ lệ giải ngân đầu tư công đạt 10,35% kế hoạch được Thủ tướng giao (9,69% kế hoạch 2023), thấp hơn mức 11,88% cùng kỳ 2022 do:** (i) nhiều vướng mắc về thủ tục quy trình đầu tư công vẫn chưa được tháo gỡ; (ii) một số dự án gặp khó khăn trong nguồn cung vật liệu, lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá thiết bị, ... ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân; (iii) các đơn vị mất thời gian để phân bổ vốn kế hoạch.

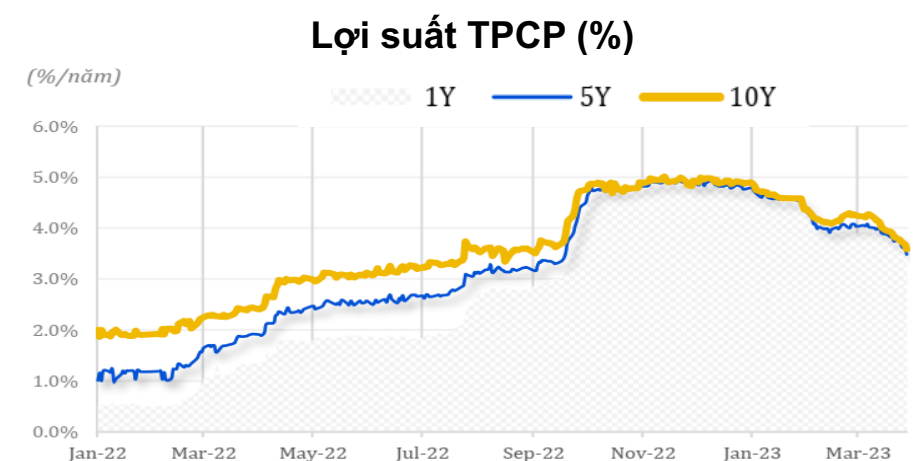
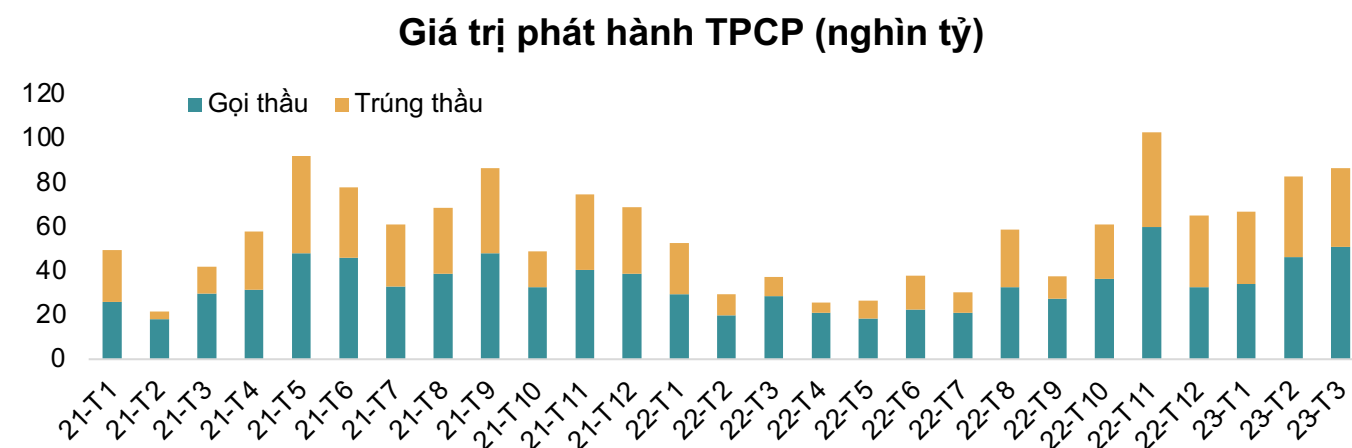
✔ **Ngân sách thặng dư 128,1 nghìn tỷ trong Q1.2023, theo đó:**

- Thu NSNN đạt mức khá với 491,5 nghìn tỷ (~30,3% dự toán), tăng 1,3% (YoY) nhờ tăng trưởng thu nội địa và dầu thô (đạt lần lượt hơn 30,9% và 36,9% kế hoạch); tuy nhiên, XNK giảm tốc đã khiến thu từ XNK giảm mạnh 16,4% so với cùng kỳ, thu dầu thô giảm đáng kể trong T3. Trong những tháng tới, dự kiến hoạt động XNK tiếp tục gặp khó khăn, cùng với việc miễn giảm tiền thuê đất (NQ 07/2023/NQ-CP), dự thảo gia hạn thời gian nộp thuế VAT, thuế TNCN và TNDN, tiền thuê đất nếu được thông qua, có thể ảnh hưởng đến nguồn và tiến độ thu NSNN.
- Chi NSNN với 363,4 nghìn tỷ, tương đương 17,5% dự toán. Trong đó, chi đầu tư phát triển tăng so với cùng kỳ về giá trị (18,7%, YoY), nhưng mới chỉ đạt 10,1% dự toán và chiếm 20,1% tổng chi (thấp hơn nhiều mục tiêu 35% của CP).

✔ **Giá trị TPCP thành công liên tục ở mức cao trong Q1; lũy kế đạt 104,9 nghìn tỷ (tỷ lệ trúng thầu 80%), đạt 97% kế hoạch của Q1.2023. Mặt bằng lợi suất TPCP có xu hướng đi xuống từ đầu năm tại hầu hết các kỳ hạn và chênh lệch giữa kỳ hạn dài ngắn là khá hẹp (<1%).**



Nguồn: Bộ tài chính



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CƠ HỘI

- ✔ Nhiều chính sách tích cực được ban hành trong Q1.2023 cho thấy quyết tâm của Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn, giải quyết các điểm nghẽn trên thị trường TPDN và BĐS: Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 5/3/2023 sửa đổi ND 65-2022/NĐ-CP về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ sẽ cung cấp giải pháp tạm thời cho DN trong việc gia hạn nợ; Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 3/4/2023 và Công văn 2308/NHNN-TD triển khai gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng dành cho nhà ở XH giúp thúc đẩy thị trường BĐS, tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho BĐS du lịch nghỉ dưỡng.
- ✔ Sức ép lạm phát, tỷ giá hạ nhiệt tạo điều kiện nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng, nhiều loại lãi suất điều hành được giảm trong các đợt điều chỉnh trong tháng 3 với các mức giảm từ 0,5-1%, theo đó, hạ mặt bằng lãi suất cho vay.
- ✔ Chính sách tài khóa cũng đồng hành theo hướng giãn, hoãn thuế, cùng với giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh.
- ✔ Lĩnh vực dịch vụ vẫn duy trì được sức phục hồi tốt, là động lực cho tăng trưởng.

THÁCH THỨC

- ✔ Triển vọng kinh tế thế giới suy yếu do rủi ro gia tăng trên thị trường tài chính toàn cầu, cuộc chiến Nga-Ukraine kéo dài, căng thẳng không có dấu hiệu hạ nhiệt, mâu thuẫn địa chính trị giữa Trung Quốc và các nước phương Tây có thể gia tăng. Tất cả các thách thức này sẽ tác động tiêu cực tới xuất khẩu, FDI và khiến mục tiêu tăng trưởng 6,5% của Việt Nam năm 2023 trở nên khá khó khăn.
- ✔ Giá dầu có thể vẫn duy trì ở mức cao; giá điện và lương cơ bản sẽ được điều chỉnh tăng trong năm 2023 sẽ gây áp lực lên lạm phát cũng như cản trở tăng trưởng (hiệu ứng chi phí đẩy).
- ✔ Doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do mất đơn hàng, nợ đọng, doanh số bán giảm, lãi suất chậm điều chỉnh, khiến thu nhập các hộ gia đình giảm sút.
- ✔ Các khó khăn trên thị trường BĐS và TPDN chưa thể giải quyết khi niềm tin nhà đầu tư cần thời gian dài hơn để khôi phục và các vướng mắc pháp lý cần thời gian để giải quyết.
- ✔ Dự báo nợ xấu có thể gia tăng khi hoạt động doanh nghiệp khó khăn và thu nhập cá nhân giảm sút.

PHỤ LỤC 01 – Sự kiện 3 ngân hàng sụp đổ

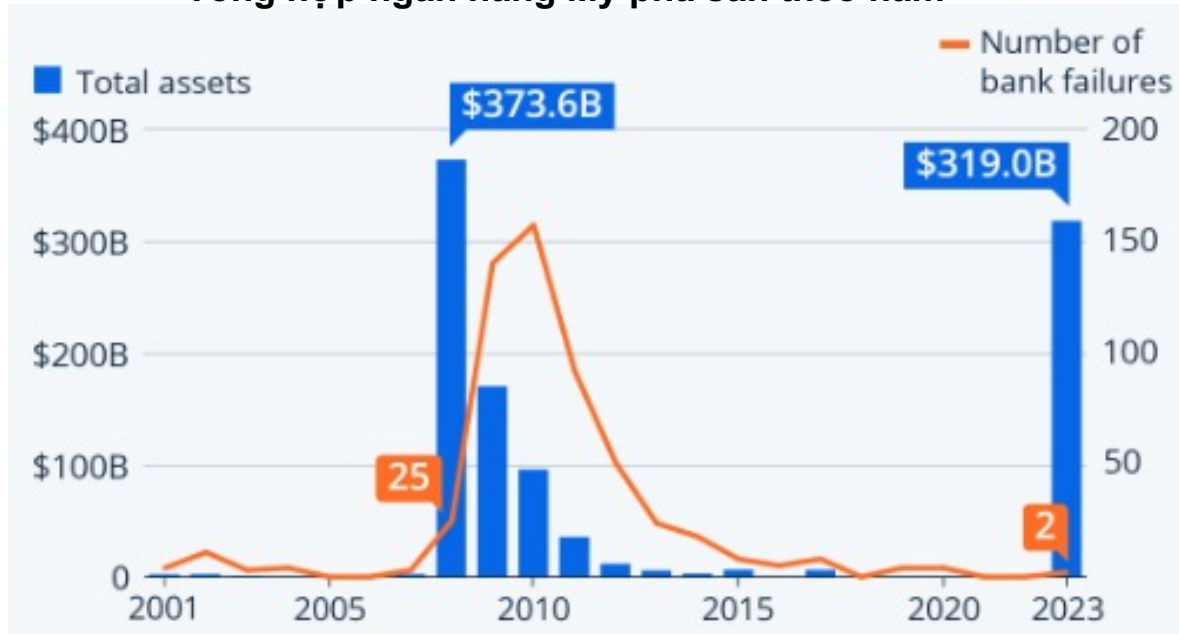
SVB, Signature Bank tại Mỹ phá sản:

- **Nguyên nhân gây phá sản 2 ngân hàng:** (1) việc thắt chặt CSTT cường độ cao của FED đã gây căng thẳng cho hệ thống tài chính của Mỹ; (2) đặc điểm ngân hàng tập trung phân khúc kinh doanh hẹp liên quan đến công nghệ (SVB tiền gửi hầu hết từ các start up, Signature Bank chủ yếu thuộc ngành crypto) vốn gặp khó khăn trong mấy tháng gần đây.
- **Phản ứng chính sách:** Bộ Tài chính Mỹ, FED, FDIC công bố một loạt các biện pháp khẩn cấp để củng cố niềm tin vào hệ thống ngân hàng
 - ✓ **Bảo hiểm 100% tiền gửi:** FDIC chuyển tất cả các khoản tiền gửi tại SVB (cả được bảo hiểm và không được bảo hiểm) sang ngân hàng mới được thành lập do FDIC điều hành cho phép tất cả người gửi tiền đều có thể rút. Tại Signature Bank, Bộ Tài chính Mỹ công bố những người gửi tiền sẽ được hoàn trả.
 - ✓ **Cho vay tái cấp vốn:** FED và Bộ Tài chính Mỹ công bố quỹ cho vay khẩn cấp lên tới 25 tỷ USD thông qua Chương trình cấp vốn ngân hàng có kỳ hạn mới (BTFP) được hỗ trợ bởi Bộ Tài chính và cho vay trên 100% tài sản của các ngân hàng, thời hạn vay lên đến 1 năm. Chính phủ Anh đang xem xét một loạt các lựa chọn bao gồm quỹ khẩn cấp để cung cấp tiền mặt hỗ trợ các công ty khởi nghiệp là khách hàng của SVB.
 - ✓ **Tìm đối tác mua lại:** FDIC và Chính phủ Anh đang cố gắng tìm kiếm một ngân hàng khác sẵn sàng sáp nhập với SVB.

UBS mua lại Credit Suisse:

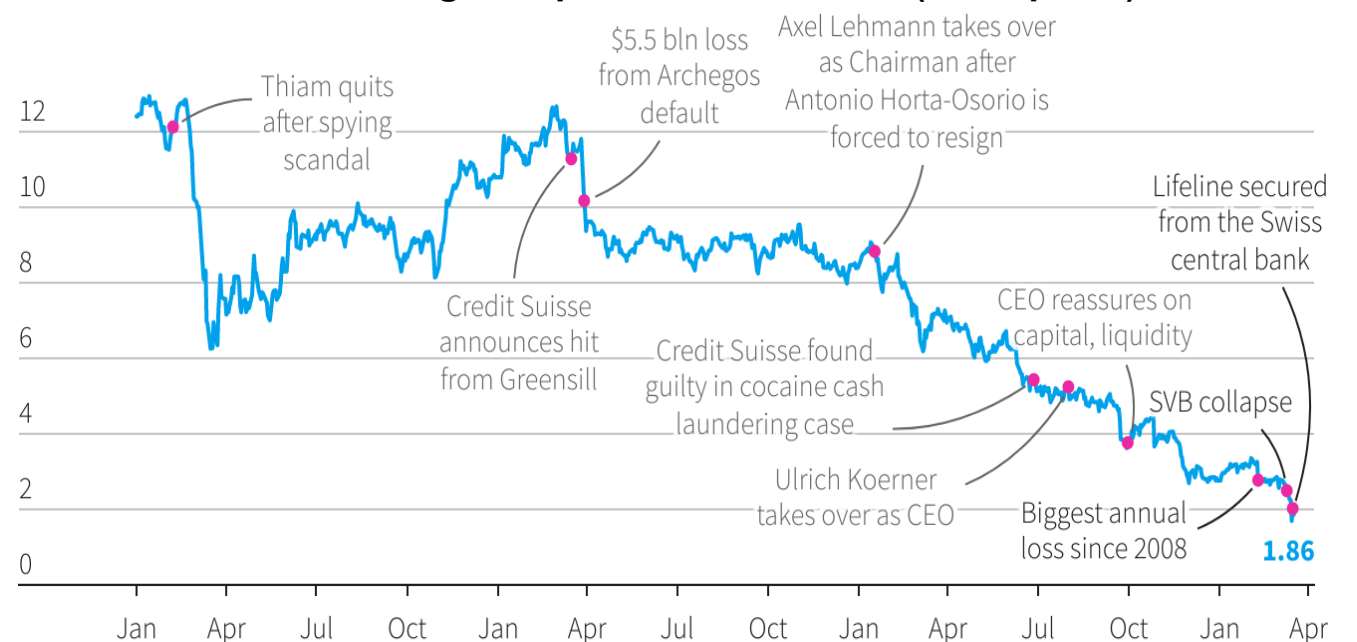
- **Nguyên nhân gây phá sản:** Tài sản Credit Suisse sụt giảm liên tục vì định hướng kinh doanh dựa nhiều vào mảng ngân hàng đầu tư không kiểm soát được rủi ro, tài sản giảm mạnh do lãi suất tăng. Sự mất lòng tin ngày càng tăng, khách hàng rút hơn 100 tỷ USD từ Q4/2022, cổ đông lớn phủ nhận tăng vốn khiến cổ phiếu Credit Suisse giảm xuống mức thấp kỷ lục và ngân hàng rơi vào tình trạng mất thanh khoản.
- **Phản ứng chính sách:**
 - ✓ Bộ Tài chính Thụy Sĩ, NHTW (SNB) và Cơ quan giám sát thị trường tài chính Thụy Sĩ (FINMA) đã cùng vào cuộc, SNB đàm phán với các tổ chức đề nghị mua lại Credit Suisse. Ngày 19/3/2023 UBS đạt được thỏa thuận mua lại với giá khoảng 3,25 tỷ USD theo tỷ lệ 1 cổ phiếu UBS đổi được 22,48 cổ phiếu Credit Suisse và Credit Suisse phải sáp nhập theo sắc lệnh khẩn cấp không cần sự chấp thuận của các cổ đông.
 - ✓ SNB cam kết khoản vay lên đến 108 tỷ USD để hỗ trợ quá trình chuyển giao, Chính phủ cam kết gánh vác tổn thất lên tới 10 tỷ USD nhằm giảm bớt nguy cơ cho UBS.

Tổng hợp ngân hàng Mỹ phá sản theo năm



Nguồn: Statista

Diễn biến giá cổ phiếu Credit Suisse (đơn vị CHF)



Nguồn: Refinitiv

PHỤ LỤC 01 – Sự kiện 3 ngân hàng sụp đổ (tiếp theo)

♥ Tác động đến thế giới

- **Rủi ro khủng hoảng niềm tin:** Sự sụp đổ của Credit Suisse tại Thụy Sĩ, SVB và Signature Bank tại Mỹ đã làm (1) dấy lên mối lo ngại về sự lan rộng trong hệ thống ngân hàng giống khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, (2) khiến các điều kiện tín dụng chặt chẽ hơn, tác động làm giảm đầu tư vào các lĩnh vực rủi ro của nền kinh tế, đẩy nhanh xoay trục đầu tư sang lĩnh vực khác như chăm sóc sức khỏe, công nghệ.
- **Tác động đến thị trường quản lý và tài sản:** UBS xác nhận sẽ thu hẹp quy mô hoạt động ngân hàng đầu tư, danh mục tài sản Credit Suisse hiện đang tập trung chính ở Châu Á và các nước đang phát triển không có gì được đảm bảo sẽ tiếp tục được bảo trợ bởi UBS đặc biệt với các khoản hoán đổi nợ lấy tự nhiên bởi Credit Suisse là một trong những tổ chức cho vay sản phẩm này lớn nhất trên thế giới.
- **Rủi ro trái phiếu phát hành nhằm tăng vốn cấp 1 (AT1):** Hàng tỷ USD trái phiếu của Credit Suisse sẽ vô giá trị, toàn bộ được bút toán giảm để tăng vốn chủ sở hữu theo quyết định của Chính phủ Thụy Sĩ (theo Goldman Sachs đây là khoản lỗ lớn nhất đối với các nhà đầu tư AT1 kể từ 2008) sẽ làm giảm mạnh nhu cầu trái phiếu AT1 và khả năng huy động vốn bằng trái phiếu của các ngân hàng gặp khó khăn.
- **Tác động chính sách của các NHTW:** NHTW các nước sẽ phải ưu tiên ổn định tài chính thay vì lạm phát giai đoạn trước, giảm dần tốc độ thắt chặt CSTT thậm chí là ngừng thắt chặt sớm.

♥ Tác động đến Việt Nam

- **Tác động tích cực:** Sự kiện sụp đổ của các ngân hàng khiến USD giảm mạnh, NHTW các nước lớn có thể sẽ dừng tăng lãi suất sớm. Nhờ đó sức ép tỷ giá được giảm đáng kể, NHNN Việt Nam có dư địa để tiếp tục hạ lãi suất hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tăng tích lũy dự trữ ngoại hối trong năm. Sức ép lãi suất không còn nhiều cũng sẽ giảm áp lực đối với NIM của hệ thống ngân hàng.
- **Tác động tiêu cực:** (1) Ảnh hưởng khả năng chủ động tài chính của một số doanh nghiệp lớn tại Việt Nam được Credit Suisse thu xếp vốn vay như Vingroup, Masan, Novaland, BIM Land...; (2) Quan điểm các nhà đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực tài chính trở nên thận trọng hơn rất nhiều, là thách thức đối với hệ thống các ngân hàng Việt Nam trong quá trình tiếp cận vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Doanh thu Credit Suisse theo khu vực (triệu USD)

Khu vực	2019	2020	2021
Thụy Sĩ	6.766	6.495	6.601
Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi	5.143	4.797	4.664
Châu Mỹ	7.268	7.108	7.286
Châu Á Thái Bình Dương	3.708	4.279	4.271
Hoạt động công ty mẹ	-426	-315	-152
Tổng doanh thu ròng	22.459	22.364	22.671

Nguồn: BCTN Credit Suisse

Danh mục quản lý gia sản của UBS và Credit Suisse năm 2022 (tỷ USD)

	UBS	CS	Tổng hợp	% thay đổi
Tài sản đầu tư	2.815	584	3.399	21%
- Châu Mỹ	1.581	69	1.650	4%
- Châu Á TBD	437	181	618	41%
- Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi	541	229	770	42%
- Thụy Sĩ	253	196	449	77%
Cho vay	225	84	309	37%
Tư vấn	9.215	1.790	11.005	19%
Doanh thu	18	5	23	26%
Chi phí	14	6	20	41%
Lợi nhuận trước thuế	4	-1	3	-20%

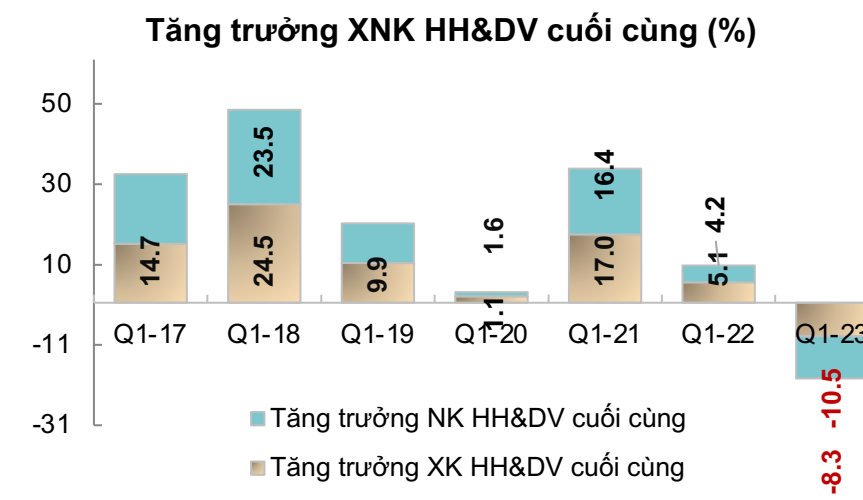
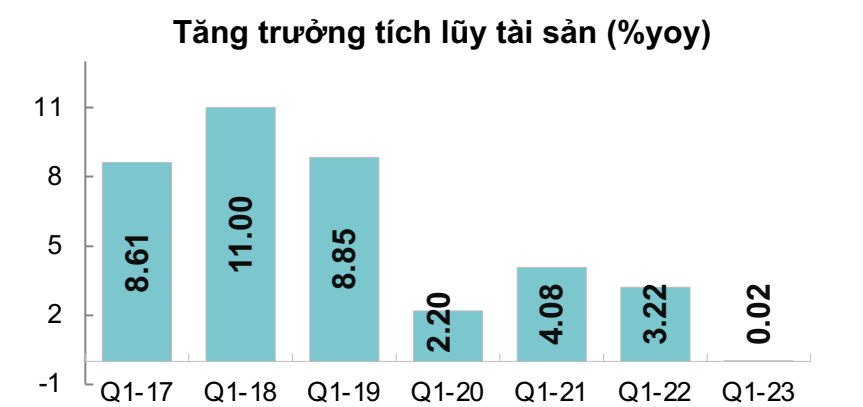
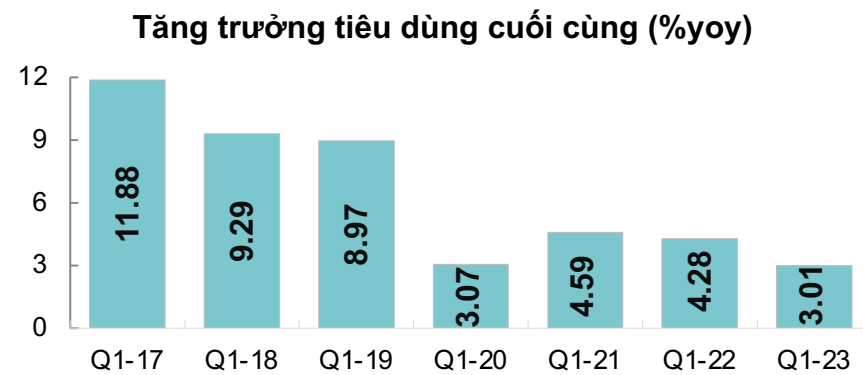
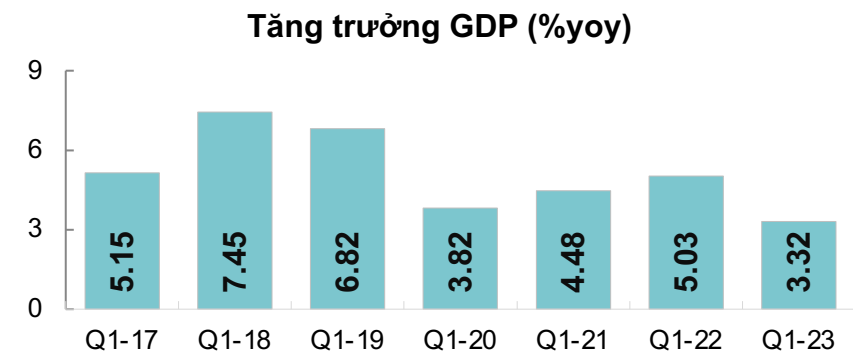
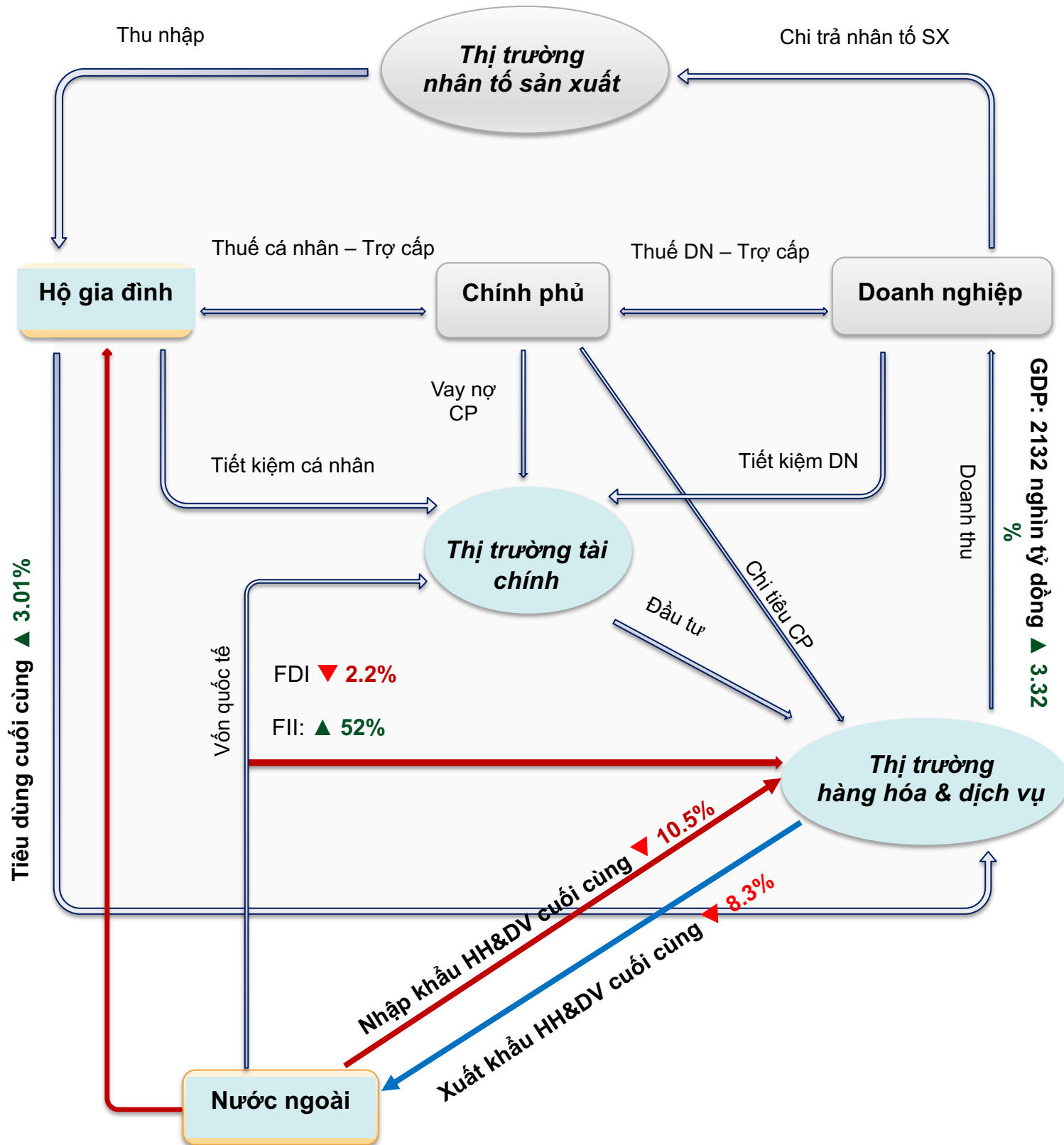
Nguồn: HSBC

PHỤ LỤC 02 – Tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu của CP/NHNN cho năm 2023	Thực hiện Tháng Q1.2023	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Tốc độ tăng GDP	Khoảng 6,5%	3,32%	8,02%	Không đạt
2	Tốc độ tăng CPI bình quân	Khoảng 4,5%	4,18%	3,15%	Không đạt
3	Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ HH&DV tiêu dùng	8-9%	13,9%	19,8%	Đạt
4	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	8-9%	-2,25%	7,8%	Không đạt
5	Tốc độ tăng xuất khẩu	6%	-11,9%	10,6%	Không đạt
6	Tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn XH so với GDP	Khoảng 34%	25,3%	33,84%	Không đạt
7	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách	35%	20,1%	27,8%	Không đạt
8	Tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách	63%	71,12%	65,68%	Không đạt
9	Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng*	14-15%	2,06%	14,5%	
10	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng**	<3%	N/A	1,92%	

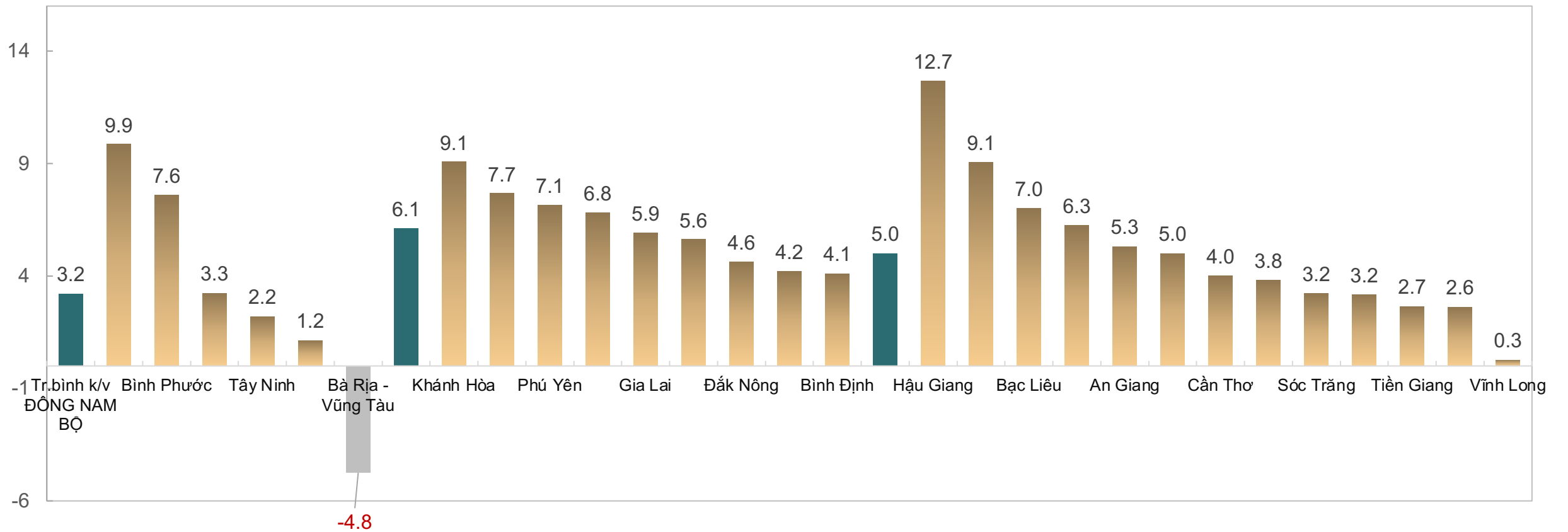
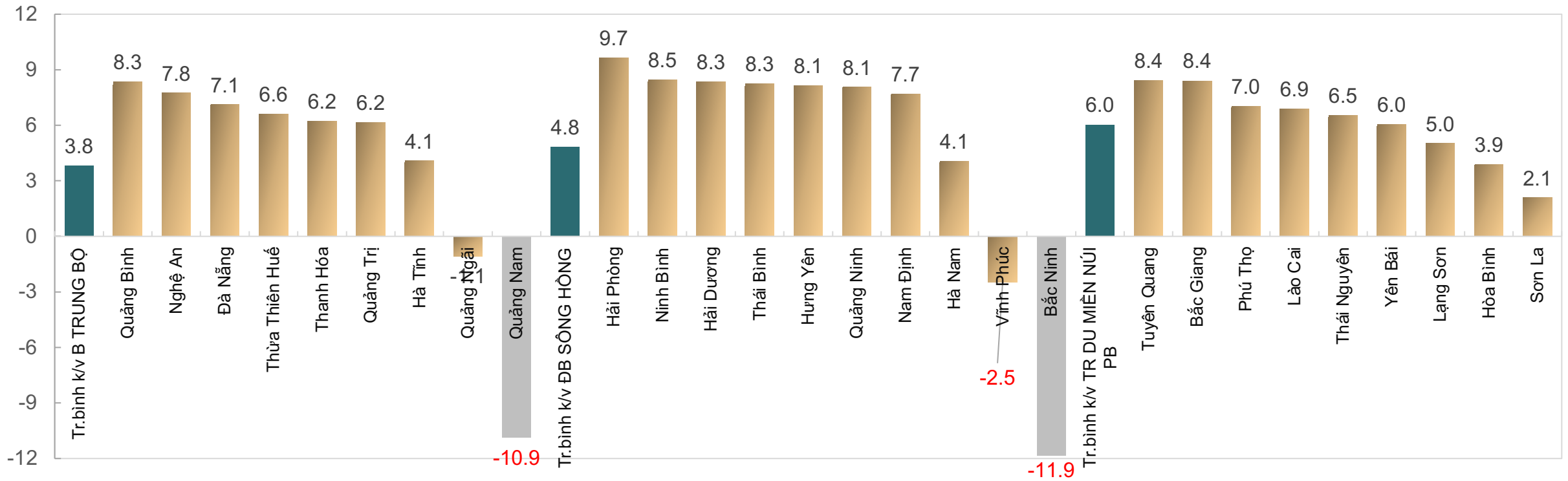
*: Ước tới cuối tháng 3.2023

PHỤ LỤC 03 – GDP Việt Nam Q1.2023 và các cấu phần



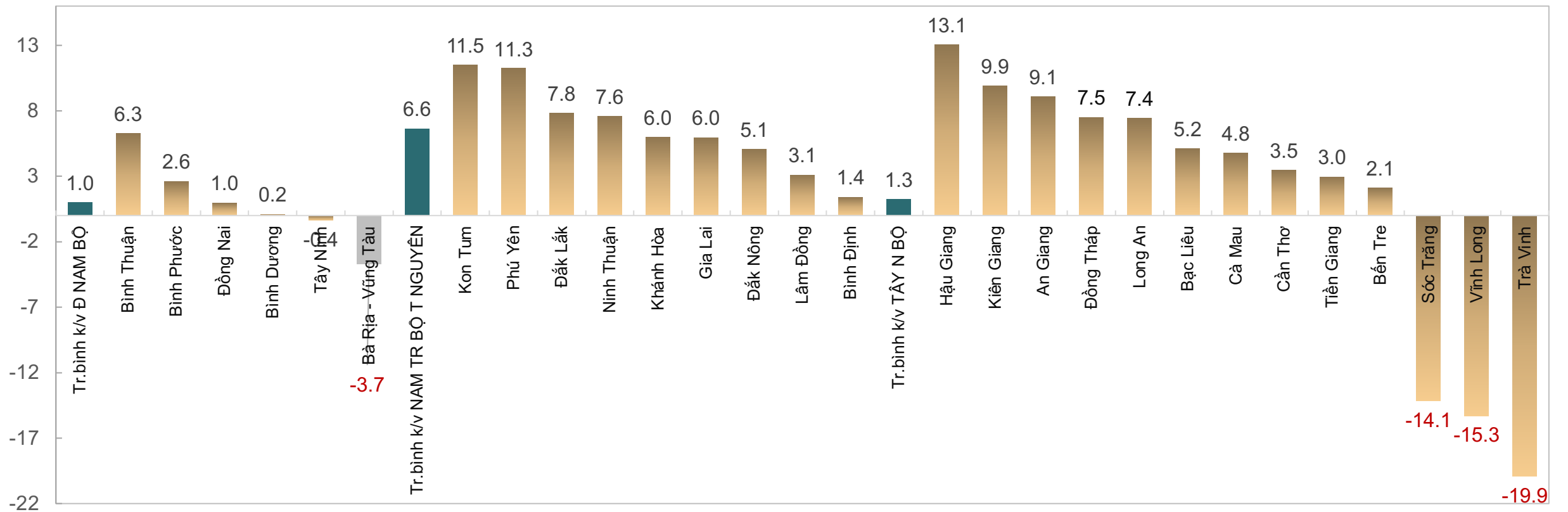
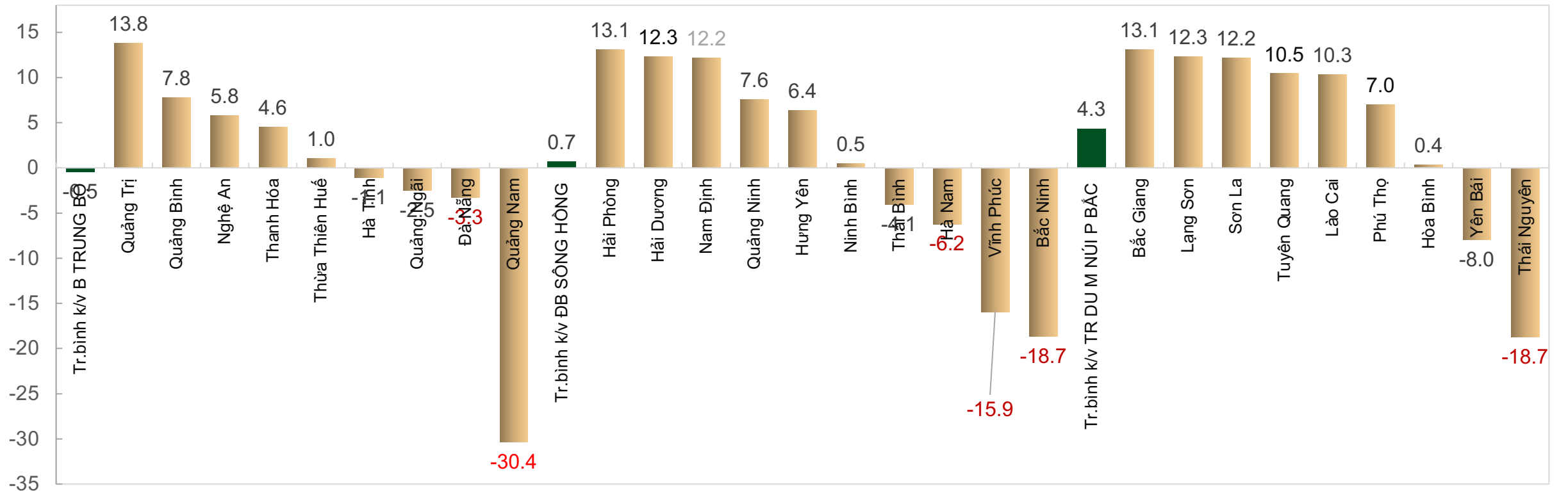
PHỤ LỤC 04 – GDP các địa phương

Tăng trưởng GDP Q1.2023 (% , yoy)



PHỤ LỤC 05 - Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP các địa phương

Tăng trưởng IIP Q1.2023 (% , yoy)



PHỤ LỤC 06 - Đánh giá các chính sách nổi bật của Nhà nước trong Q1.2023

TT	Các chính sách nổi bật của Nhà nước	Đánh giá tác động
1	Chính phủ ban hành Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 65 và Nghị định 153 liên quan đến phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Mở ra hành lang pháp lý để DN phát hành thương lượng với trái chủ về việc: gia hạn và thanh toán bằng tài sản khác (hoán đổi) - Hỗ trợ thị trường thông qua việc tạm dừng thực hiện các quy định liên quan đến xác định tư cách NĐT chuyên nghiệp, xếp hạng tín nhiệm. - Tuy nhiên tác động hạn chế khi niềm tin nhà đầu tư suy giảm và mặt bằng lãi suất cao
2	Chính phủ ban hành Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 đưa ra một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường BĐS	<ul style="list-style-type: none"> - Tháo gỡ một số khó khăn về pháp lý cho thị trường BĐS - Phát triển nhà ở xã hội, giảm mất cân bằng cung cầu BĐS - Khơi thông vốn tín dụng và thị trường TPDN
3	NHNN ban hành Quyết định 313/QĐ-NHNN và Quyết định 314/QĐ-NHNN ngày 14/3/2023 giảm một số mức lãi suất điều hành (hiệu lực từ 15/3/2023): <ul style="list-style-type: none"> - LSTCK giảm từ 4,5% xuống 3,5% - LSCV qua đêm trong thanh toán điện tử LNH và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ giữa NHNN và TCTD giảm từ 7% xuống 6% - LSCV ngắn hạn tối đa bằng VND với các lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5% xuống 5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi định hướng điều hành CSTT, từ thắt chặt sang nới lỏng dần - Hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD - Giảm mặt bằng lãi suất, giảm chi phí cho doanh nghiệp.
4	NHNN ban hành Quyết định 574-578/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 giảm một số mức lãi suất điều hành (hiệu lực từ 3/4/2023): <ul style="list-style-type: none"> - LSTCV giảm từ 6% xuống 5,5% - Trần LSTG < 1T giảm từ 1% xuống 0,5% - Trần LSTG < 6T giảm từ 6% xuống 5,5% - LSCV ngắn hạn tối đa bằng VND với các lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5% xuống 4,5% - LSTG của KBNN, BHTG giảm từ 0,8% xuống 0,5% - LSTG của Ngân hàng phát triển, Ngân hàng CSXH, Quỹ TDND, TCVM giảm từ 0,8% xuống 0,5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục nới lỏng CSTT - Giảm mặt bằng LS
5	Chính phủ ban hành Chỉ thị 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 về thúc đẩy phân bổ, giải ngân đầu tư công.	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh đầu tư công, tạo động lực tăng trưởng kinh tế
6	NHNN ban hành Công văn 2308/NHNN-TD ngày 1/4/2023 triển khai chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ Nghị quyết 33/NQ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy tín dụng BĐS vào phân khúc nhà ở thu nhập thấp - Hỗ trợ lãi suất cho chủ đầu tư và người mua nhà
7	Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 3/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Tháo gỡ một số vướng mắc pháp lý về đất đai

Loại trừ (Disclaimer)

Lưu ý sử dụng

Mọi nhận định, đánh giá tại báo cáo này là quan điểm của nhóm thực hiện báo cáo, chỉ mang tính tham khảo và không nhất thiết là quan điểm của NH TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Số liệu sử dụng trong báo cáo này được tổng hợp từ nhiều nguồn được coi là đáng tin cậy, tuy nhiên chúng tôi không đảm bảo về tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu.

Báo cáo này chỉ cung cấp thông tin tổng quát để tham khảo và không nhằm mục đích tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư. Bất kỳ thông tin hay nhận định trong báo cáo này cũng có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Tài liệu lưu hành nội bộ. Tuyệt đối nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, trích dẫn, công bố một phần hoặc toàn bộ tài liệu khi chưa được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Thông tin về nội dung báo cáo vui lòng liên hệ địa chỉ: thangn.ho@vietcombank.com.vn